

HỌC - VIỆN QUỐC - GIA HÀNH - CHÍNH

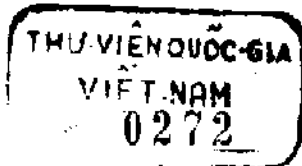
LUẬN-VĂN TỐT-NGHIỆP

NHẬN ĐỊNH VỀ :

CÁC BIẾN CỐ CHÁNH - TRỊ

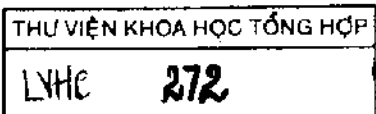
tại **VIỆT-NAM CỘNG-HÒA**

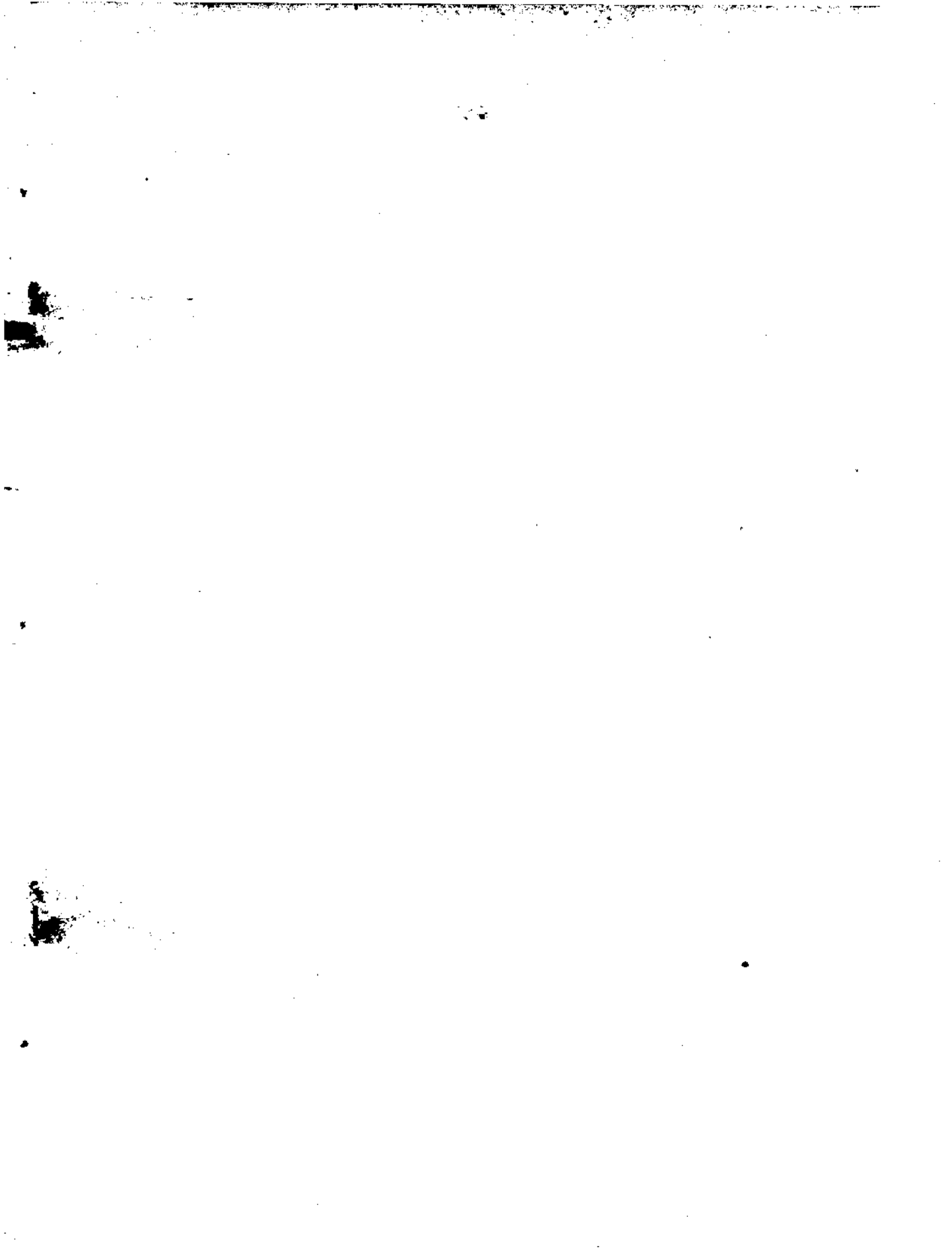
(1963 - 1967)



GIÁO-SƯ HƯỚNG DẪN :
NGUYỄN - MẠNH - HÙNG
TIẾN-SĨ CHÁNH-TRỊ HỌC

Sinh viên đệ trình :
NGUYỄN - THẾ - VIÊN
BAN ĐỐC SỰ KHÓA 17
1969 - 1972





Học Viện Quốc Gia Thánh Chánh
không tán thành cũng không phản đối
các ý kiến nêu trong luận văn
Những ý kiến đó do tác giả hoàn toàn
chịu trách-nhiệm

THÀNH KÍNH TRI ÂN :

Giáo Sư Nguyễn-Mạnh Hùng
đôi tận tâm hướng dẫn tôi trong
việc hình thành Luận văn này

Lưu ý Giáo Sư Học Viên Quốc Gia Thành Chính
đã dìu dắt chúng tôi suốt học khóa.

MỤC LỤC

	Trang
<u>LỜI MỞ ĐẦU</u>	1
<u>DẪN NHẬP</u>	2
<u>CHƯƠNG I : <u>Biến cố 1-11-1963</u></u>	4
<u>ĐOẠN I : <u>Nguyên-nhân</u></u>	5
A : <u>Nguyên nhân phiến diện</u> . <u>Biến cố Phật-giáo</u>	5
B : <u>Nguyên-nhân sâu xa</u>	8
I. <u>Khuynh hướng độc tài của chế độ</u> <u>Ngô-dình-Diệm</u>	8
II. <u>Thái-độ của Hoa-Kỳ</u>	11
<u>ĐOẠN II : <u>Tương thuật biến cố 1-11-1963</u></u>	15
. <u>Hội-đồng Quân-Nhân Cách-Mạng và Chánh-phủ</u> <u>lâm thời Nguyễn-ngọc-Thơ</u>	
<u>ĐOẠN III : <u>Thực chất biến cố 1-11-1963</u></u>	20
A : <u>Các nhà lãnh-đạo biến-cố 1-11-1963</u>	20
B : <u>Ý thức Cách-Mạng trong biến-cố 1-11-1963</u>	22
C : <u>Sự cải thiện sau biến-cố 1-11-1963</u>	23
<u>CHƯƠNG II : <u>Thời kỳ khủng hoảng chính-quyền sau</u></u> <u>biến-cố 1-11-1963</u>	25
<u>ĐOẠN I : <u>Diễn-tiến thời kỳ khủng hoảng chính-</u></u> <u>quyền</u>	25
A : <u>Giai-đoạn Quân-nhân nắm quyền</u>	26
I. <u>Chính lý 1-4-64 và Hiến-chương Vũng-</u> <u>Tàu</u>	26

	Trang
II. Ủy Ban Lãnh-Đạo Lâm Thời Quốc-gia và Quân-lực	32
B : <u>Giai-đoạn chính-quyền dân sự</u>	34
I. Chánh-phủ Trần-văn-Hương	34
II. Chánh-phủ Phan-Huy-Quát	39
C : <u>Giai đoạn chuyên tiếp</u>	43
I. Ủy Ban Lãnh-Đạo Quốc-Gia và Ủy Ban Hành Pháp Trung Ương	43
II. <u>Việc hình thành Hiến-Pháp 1-4-1967</u>	47
1. <u>Biến-cố Miền Trung</u>	48
2. <u>Việc thành lập Quốc-Hội Lập Hiến và ban hành Hiến-Pháp</u>	58
<u>ĐOẠN II : Phân tích NGUYÊN NHÂN và HẬU QUẢ thời kỳ khủng hoảng chính-quyền</u>	62
A : <u>Nguyên nhân</u>	62
I. Nguyên nhân trực tiếp	62
1. Khiếm khuyết các định-chế chính-trị dân chủ	63
2. Sự tranh chấp quyền lợi giữa các phe nhóm	65
3. Các nhóm áp lực	66
4. Sự can thiệp bên ngoài	71
II. Nguyên nhân sâu xa	72
1. Sự khiếm khuyết ý thức hệ	72
2. <u>Sự vắng bóng của đảng phái chính trị có thực lực</u>	73
3. Tình trạng thiếu khả năng của các lãnh-tụ	76
B : <u>Hậu-quả của thời kỳ khủng-hoảng</u>	78
I. <u>Sinh hoạt chính trị quốc-gia bất ổn</u>	78
II. <u>Ủy quyền Quốc-gia suy giảm</u>	80
III. <u>Cộng-sản gia tăng mức độ chiến-tranh và phá hoại</u>	82
IV. Sự phá sản tinh thần và niềm tin của dân chúng	33
<u>KẾT - LUẬN</u>	84
<u>THƯ - TỊCH</u>	88

LỜI MỞ ĐẦU

Kể từ lập quốc tới nay, dân-tộc Việt-Nam đã trải qua bao nhiêu biến-đổi, đấu-tranh. Chúng ta đã đấu tranh chống ngoại xâm phương Bắc, phương Tây; chúng ta đã Nam tiến mở rộng bờ cõi, chinh-phục cả một dân-tộc văn-minh (Chăm). Đồng thời chúng ta cũng đã cố biết bao tranh-chấp, chiến-tranh nội bộ !!

Gần đây kể từ năm 1945 dân-tộc ta lại dẫn mình vào một chuỗi những biến-động với các biến-cố chính-trị quan trọng mà hậu quả còn lưu lại tới ngày nay. Tìm hiểu những biến-cố chính-trị đó là một công việc thiết thực và hữu ích. Thiết thực và hữu ích bởi nhờ công cuộc tìm hiểu này, chúng ta sẽ hiểu biết được những công lao và hy-sinh xương máu của tiền nhân khiến quê hương được đứng vững tới ngày nay, chúng ta sẽ gạt hái được nơi các biến-cố này những kinh-nghiệm quý báu để vững tin và mạnh dạn tạo dựng một nước Việt-Nam độc-lập và hùng-cường.

Với ý tưởng nêu trên, chúng tôi đã chọn việc "Nhận định các biến-cố chính-trị quan trọng trong giai đoạn 1963-1967 tại Việt-Nam Công-Hoa" để làm đề tài cho Luận văn tốt nghiệp. Sở dĩ chúng tôi chọn thời điểm "1963 - 1967" bởi đây là thời gian nhiều "biến-cố" xảy ra nhất trong lịch-sử chính-trị Việt-Nam từ 1954. Hơn nữa đây cũng là thời gian chúng tôi đã sống và đôi khi đã bị lôi cuốn vào các biến-cố chính-trị theo cao trào lúc đương thời. Thiết tưởng đó là một đề tài khó, một phần vì thời gian quá mới mẻ, phần khác vì đầu muốn đầu không "nhận-định" thường rất dễ bị lôi cuốn bởi cái nhìn chủ quan của người viết, cũng như ảnh hưởng của các tuyên-truyền, kích động v.v... Tuy nhiên chúng tôi sẵn sàng chấp nhận khuyết điểm ấy để có thể trình bày được quan-điểm của mình.

DẪN - NHẬP

THƯ-VIỆN QUỐC-GIA

Ngày nay không một quốc-gia nào có thể "độc lập hoàn toàn" theo đúng nghĩa tuyệt đối của từ ngữ này. Vì vậy thật là thiếu sót, nếu chúng ta chỉ nói đến các "biến-cố chính-trị" xảy ra trong nước mà không đề cập đến cục diện thế giới có liên quan, ảnh-hưởng đến các biến-cố đó. Trước khi đi sâu vào các biến-cố chính-trị xảy ra tại Việt-Nam Cộng-Hòa trong giai đoạn 1963 - 1967, thiết tưởng chúng ta cũng nên duyệt xét các "khối áp-lực" trên thế giới phần nào có ảnh-hưởng đến Việt-Nam.

Thế giới ngày nay có thể tạm chia làm ba "khối ảnh-hưởng" - Cộng-sản; Tư bản - và các quốc gia không liên kết.

- **KHỐI CỘNG-SẢN** : Trước thế-kỷ 20 chủ trương của Karl Marx chỉ là một học thuyết không hơn không kém. Đến khi cách-mạng 1917 thành công ở Nga, với Lenine, Staline, chủ-nghĩa Cộng-sản đã trở thành một lợi khí phi nhân, để tổ chức quần chúng, tranh thủ chính-quyền và xây dựng xã-hội. Đến nay chủ nghĩa Cộng-sản đã lan tràn tại nhiều nơi trên thế giới, và ngay cả ở Việt-Nam chủ nghĩa này đang thống-trị miền Bắc nước ta. Dẫn đầu khối Cộng-sản là Nga-Sô với những tiến-bộ vượt bực là một hiểm họa chung cho thế giới.
- **KHỐI TƯ BẢN** : Song song với sự bành-trướng của Liên-Sô, tân quốc gia Hiệp Chúng Quốc cũng phát triển kinh-tế nhanh chóng trong khuôn khổ chế độ tư bản, tự do. Nhanh chóng đến nỗi Hoa-Kỳ đã vượt xa và trở thành dẫn đầu các cường quốc Anh, Pháp, Hòa-Lan... để tiến tới một mặt trận chống lại ảnh hưởng Cộng-sản mà người ta thường gọi là khối Tư-bản hay Tự-do.

Vì võ-khí chiến-tranh càng ngày càng leo thang khủng khiếp tới mức có thể tiêu diệt cả thế giới khiến hai khối Tư-bản và Cộng-sản (đại biểu là Nga và Mỹ) e ngại việc phát động chiến-tranh toàn diện để tạm hoãn xung-đột và "gặp nhau" trong các chiến-tranh, tranh chấp nơi các quốc-gia nhược tiểu (trong đó có Việt-Nam).

- * CÁC QUỐC-GIA TRUNG LẬP : Các quốc gia kém mở mang lợi dụng tranh chấp giữa Tư-bản và Cộng-sản cố gắng kết hợp lại thành một khối gọi là khối các Quốc-gia không liên-kết hay trung lập để hy vọng thoát khỏi âm mưu mở rộng thế lực của hai khối Cộng-sản và Tư-bản. Khối trung lập có tác dụng trái độn làm dịu bớt những căng-thẳng về mặt bang giao quốc-tế. Nhưng ngày nay, khối này cũng đã bị khủng-hoảng chia rẽ vì áp lực của các cường quốc...

Không những chỉ có tranh chấp giữa các khối, ngay trong nội bộ các khối cũng có những tranh chấp khi công khai, khi ngầm ngầm :

- Trong thế giới Tự-do, Pháp quốc bởi những cay cú do sự phông tay trên của Hoa-Kỳ trên các quyền lợi tại Đông-Dương và Âu-châu, đã luôn tìm cách tranh thủ và chứng tỏ ảnh hưởng của mình trong vùng này. Nước Anh với các quyền lợi sẵn có tại Đông Nam Á đôi khi cũng là một ảnh hưởng quan trọng và lắm khi đụng chạm tới quyền lợi của Hoa-Kỳ.

- Trong thế giới Cộng-sản, Trung-Cộng dần dà trở thành một lực lượng đáng kể cũng tìm cách kén cựa với Nga-Sô để mở rộng ảnh-hưởng.

Nước Việt-Nam nhỏ bé không thoát khỏi tình trạng nằm trong quỹ đạo của sự tranh dành ảnh-hưởng giữa các "khối" trên thế giới. Do đó mọi biến cố chính-trị xảy ra trên đất nước này, đều có ít nhiều liên quan nhân quả tới "cục diện" các cường quốc trên thế giới.

Bằng cái nhìn đó, chúng ta sẽ lần lượt khảo sát đề tài qua các mốc điểm :

. Biến cố 1-11-1963

. Thời kỳ khủng-hoảng chính-quyền sau biến-cố 1-11-63.

CHƯƠNG I

BIÊN CỐ 1 - 11 - 1963

Biến cố 1-11-1963 mà người ta thường gọi là Cách Mạng 1-11-1963 có thể nói là một biến-cố quan trọng nhất trong giai đoạn kể từ 1963 đến nay tại Việt-Nam Cộng-Hòa. Biến-cố này quan trọng vì nó là biến-cố đánh dấu sự sụp đổ của một chế-độ đã được xây dựng vững chắc trong suốt chín năm. Hơn nữa, đây cũng là sự mở đầu của một giai đoạn mới trên chính trường Việt-Nam.

Biến cố 1-11-1963 đã có một thời gian tạo cho một phần dân chúng một hào khí Cách-Mạng, một ảo tưởng về sự tiến-bộ, cải cách trong công cuộc phát-triển quốc gia. Nhưng sau ngày 1-11-63 người ta chỉ thấy những khủng-hoảng chính-trị liên tiếp, sự gia tăng ưu thế của Cộng-sản, sự suy sụp về kinh-tê, tài-chánh, xã hội v.v... Cách-Mạng 1-11-63 có ảnh hưởng gì đối với tình trạng đó ? ! Và danh xưng "Cách-Mạng" có xứng đáng được đặt cho biến cố này không ? !! ...

Để có một nhận định khách quan, chúng ta sẽ lần lượt phân tích biến-cố này qua các điểm sau :

- Nguyên nhân phát sinh biến-cố
- Tường thuật biến cố
- Thực chất biến-cố.

Đoạn 1

NGUYỄN - NHÂN

A. NGUYỄN NHÂN PHIÊN DIỄN

Một cách tổng quát và thoáng qua, người ta có thể cho rằng chính sự tranh đấu của "Phật giáo" vào năm 1963 là nguyên nhân gần gũi nhất đưa đến việc lật đổ chế độ NGÔ-ĐÌNH-DIỆM.

Sự tranh đấu của Phật-giáo thực ra bắt nguồn sâu xa từ sự "mâu thuẫn tôn giáo" vốn đã có ngay từ khi các giáo sĩ người Âu đến truyền giáo tại Việt-Nam. Sau một thời gian dài bị bách hại, đàn áp, đạo Thiên Chúa bắt đầu dành được ưu thế kể từ khi người Pháp đặt ách thống trị tại Việt-Nam. Ưu thế này được tiếp tục đến ngay cả khi đất nước đã giành độc lập. Phật-giáo, một tôn giáo lớn chiếm đa phần dân số vẫn thường có mặc cảm gặp một sự bất công, thua thiệt về phương diện pháp lý cũng như thực tế...

Năm 1954, sau khi hiệp định Genève chia cắt đất nước, gần 1 triệu dân từ miền Bắc di cư vào Nam. Trong đó đa số là dân Công-giáo và họ là những người ủng hộ đặc lực nhất cho Ông DIỆM. Những người này khi vào Nam nhờ có tổ chức chặt chẽ, quy củ và được trợ giúp của Chính-quyền, được định cư tại những vùng đất rộng lớn phì nhiêu. Chẳng mấy chốc họ trở thành những người giàu có được ưu đãi...

Nhiều Tỉnh-Trưởng, Quận-Trưởng, Xã-Trưởng và những vị chỉ huy quân sự quan trọng người Công-giáo thường được tín nhiệm. Các làng Công-giáo được hưởng phần lớn những thứ trong chương trình viện-trợ và cứu-trợ. Họ được cấp đất xây trường học, được ưu tiên vay tiền nông-tín, được giấy

phép khai thác lâm sản, được hưởng ưu đãi về xuất nhập cảng.

Trong khi người Công-giáo được ưu đãi như vậy, những Phật-tử tuy không bị đàn áp tôn giáo, nhưng hầu như bị bỏ quên. Phật-giáo và các tôn-giáo khác ngoài Công-giáo và Tin-lành vẫn phải chịu những bất công pháp lý do Dự số 10 ngày 6.8.1950 và quy chế hiệp hội. Theo quy chế này, nhà chức-trách kiểm soát chặt chẽ mọi phương diện từ lúc thành lập cho tới khi hoạt-động và nhà chức trách có quyền giải tán hiệp-hội tôn-giáo.

Vấn đề bỏ quên, gần như kỳ thị đối với Phật-giáo càng thêm nghiêm trọng vào những năm chiến cuộc do Cộng-sản phát-động bất đầu sôi động. Thí dụ như trong việc lập Ấp Chiến-lược, thường người Công-giáo tránh được những công tác lao-động cực nhọc so với các người có tôn-giáo khác. Trong các kế hoạch phát-triển, người dân Công-giáo được cấp những vùng đất tốt, có an-ninh; Trái lại, người dân tôn giáo khác thường chỉ được ở những đất xấu, an ninh luôn bị đe dọa...

Điều này, không hẳn do chủ trương của Chính-quyền Trung-ương, nhưng có lẽ do sự khéo léo, có tổ chức của khối Công-giáo. Trái lại trong khi đó về phía Phật-giáo và các tôn giáo khác thì lỏng-lẻo, rời rạc, thiếu tổ chức, không người hướng dẫn.

Sự bất mãn nơi Phật-giáo vì những lý-lẽ trên, càng ngày càng gia tăng. Việc chánh quyền dùng quân-đội và thiết giáp giải tán biểu-tình của Phật-tử chống việc "Cắm Treo Cờ Phật Giáo nhân ngày Phật Đản 8.5.63 tại trước đài Phát thanh Huế gây thương vong cho một số Phật-tử (do một tiếng nổ phát ra nhân lúc lộn-xộn) là "một giọt nước làm tràn bát nước đã đầy" (1).

Ngày 16.5.1963 Phật-giáo đưa ra 5 nguyện vọng, đó là :

- a) Yêu cầu Chính-phủ thu hồi vĩnh viễn công điện triệt hạ giáo kỳ Phật-giáo.
- b) Cho Phật-giáo được hưởng chế-độ đặc biệt như Thiên-chúa giáo

(1) Tạ-Văn-Tài, "Các vấn-đề Chính-trị Việt-Nam", Giảng Khoa (Saigon : Học-Viện Quốc-Gia Hành-Chánh NK 71-72), tr. 81

- c) Cho Tăng-sĩ Phật-giáo được tự do truyền đạo.
- d) Chấm dứt khủng-bố và bắt bớ Phật-tử.
- e) . Bồi thường xứng đáng cho những Phật-tử chết oan.
 . Trừng phạt xứng đáng kẻ chủ mưu giết hại Phật-tử (1).

Làn sóng đấu tranh lần lần lan sang khắp các tỉnh trên toàn quốc !!....

Khoảng năm tuần sau, tiếp theo những cuộc hòa giải, Chính-phủ và các lãnh-tụ Phật-giáo ra một thông cáo chung trong đó một số đòi hỏi của Phật-giáo được thỏa mãn : việc treo cờ Phật-giáo (được phép treo cờ Phật-giáo song song Quốc kỳ). Tỉnh-Trưởng và Phó Tỉnh-Trưởng Nội-An Thừa-Thiên bị triệu về đợi lệnh tại Bộ Nội-Vụ... Nhưng Chính-phủ không nhận trách nhiệm trong vụ đổ máu tại Huế.

Cuộc tranh đấu bùng nổ dữ dội sau vụ tự thiêu vào ngày 11-6-1963 của Thượng-Tọa Thích-Quảng-Dức tại ngã tư đường Phan-dình-Phụng/Lê-văn-Duyệt trước hàng trăm tăng ni và có báo chí chụp sẵn !! ... Trong khi đó, Chính-quyền phát-động mạnh mẽ chiến dịch "giải độc" : Bà Ngô-Dĩnh-Nhu được gửi đi ngoại quốc. Trong nước các đoàn thể như Thanh-Niên Cộng-Hòa, Phong-trào Cách Mạng Quốc-Gia, v.v... liên tiếp ra tuyên ngôn phản đối sự nhượng bộ của Chính-quyền. Một tổ chức mệnh danh là "Phật-giáo Cổ Sơn Môn" cũng được thành lập, làm "đôi lực" đối với Ủy Ban liên phái bảo-vệ Phật-giáo...

Ngoài các cuộc biểu tình, tuyệt thực, tự thiêu của Phật-tử, Phật-giáo còn được yểm trợ tích cực ở trong cũng như ngoài nước : trong nước, các hàng ngũ Sinh-viên, học-sinh, đảng phái liên tiếp biểu tình - Ngoài nước, mọi cơ-quan thông-tin tuyên-truyền của Huế-Kỳ và thân Huế-Kỳ được vận-dụng tối đa để gây cảm phấn đối với Chính-phủ Diệm trên khắp thế giới...

Chính-quyền càng ngày càng mạnh tay bằng các biện-pháp đàn áp. Và ngày 20-8-63 Cảnh-Sát và Quân-đội bao vây lục-soát chùa Xá-Lợi, xô-xát xảy ra và nhiều tăng ni bị bắt (Riêng Thượng-Tọa Thích-Trí-Quang, "linh-hồn" của Phật-giáo

(1) Đoàn Thêm, "Hai Mươi Năm Qua" (Saigon : Nam-Chi Tùng Thư, 1966), tr. 347

tranh đấu đã được người Mỹ che-chở trong Tòa Đại-Sứ).

Các chùa-chiền trên toàn quốc cũng gặp cảnh tương tự...
..... Sau đó biến-cố 1-11-63 xảy ra.

B. NGUYỄN NHÂN SÂU XA.

Sự tranh-đấu của Phật-giáo, như đã nói, có tác dụng của một giọt nước làm tràn đổ một ly nước đầy. Tự nó không thể lật đổ được chế-độ Ngô-Đình-Diệm. Biến cố 1-11-1963 xảy ra và thành công còn do những nguyên nhân thâm kín khác mà đại loại ta có thể đề cập đến các nguyên nhân :

- Khuynh-hướng độc-tài của chế-độ Ngô-Đình-Diệm.
- Thái-độ của Hoa-Kỳ.

I. KHUYNH-HƯỚNG ĐỘC TÀI CỦA CHẾ-ĐỘ NGÔ-ĐÌNH-DIỆM.

Ngày 25-6-1954, do Sắc-lệnh 38/QT của Bảo-Đại ký ngày 16-6-1954, Thủ-Tướng Ngô-Đình-Diệm về nước chấp-chánh, và bắt đầu từ đó xây-dựng một chế độ đứng vững trong chín năm. Đây có thể nói là một thời gian khá dài đối với tình trạng hỗn loạn thường xuyên của Việt-Nam kể từ 1945 đến nay. Nhưng thời gian này cũng ngắn ngủi đối với công cuộc xây-dựng, phát-triển Quốc-gia.

Ngay từ khi mới cầm quyền, Ông Diệm đã phải đương đầu với bao nhiêu khó khăn : Sự hiện diện của quân-đội viễn chinh Pháp; tình trạng hỗn loạn do "Thập nhị Sĩ quân" được người Pháp nuôi dưỡng; sự suy sụp của nền kinh-tế v.v.. Với sự trợ giúp tích cực của Hoa-Kỳ, Ông Diệm đã sáng chói trong công cuộc cứu vãn, xoay đổi tình thế, về trở thành vị cứu tinh dân-tộc qua những thành quả :

- * Đánh độc lập hoàn toàn cho đất nước bằng các biện pháp triệt thoái quân đội viễn chinh Pháp, thu hồi chủ quyền về các phương diện kinh tế, hành-chánh, tư-pháp v.v...
- * Định cư gần một triệu đồng bào Bắc Việt di cư tìm tự do sau Hiệp định Genève chia đôi đất nước.
- * Tái lập an ninh trật tự, thống nhất chính-trị, hành-chánh, kinh-tế v.v... Các quân phiến loạn lợi dụng danh nghĩa tôn giáo lần hồi bị thu phục hay dẹp tan. Các Sĩ-quan tay sai Pháp lần lượt trở về máu Quốc v.v...

- * Khai sáng chế độ Cộng-Hòa là một thành công lớn lao nhất của Ông Ngô-Đình-Diệm. Ông đã đem lại cho Việt-Nam bản Hiến-pháp đầu tiên, khá tiến bộ và dân chủ.
- * Thắng lợi trong việc không thi hành các điều khoản tuyền cử quy định trong Hiệp-định Genève bằng sự cương quyết hợp lý và chính sách ngoại giao khôn ngoan. Chính hai đồng Chủ-tịch Anh, Nga đã công nhận miền Nam không có bốn phạm pháp lý thi hành các điều khoản này (1)
- * Mặt khác Ông Diệm cũng đã thành công trong công cuộc ổn-định kinh-tế và phát-triển kinh-tế với các kế hoạch : Phát-triển cộng-đồng, khu dinh điền, khu trù mật, khu kỹ-nghệ Biên-Hòa v.v...

Trong những năm đầu tiên của chế-độ, khi tình hình đất nước còn bất ổn. Ông Ngô-Đình-Diệm đã thành công với chính sách tập quyền, mạnh mẽ. Nhưng sau đó, lúc tình hình quốc-gia tương đối ổn định sự tập quyền này đã phần nào trở nên bất lợi và bị chỉ trích.

Ở địa phương các Tỉnh-Trưởng đại diện chính-quyền Trung ương được tăng gia quyền hạn trong việc thi hành luật pháp và bảo đảm an ninh, trật tự công cộng. Trước uy thế trấn áp của các Tỉnh-Trưởng cũng như sự bất ý thức nhiệm vụ của các cơ quan dân cử địa phương, các Hội-đồng Tỉnh được lập ra với nhiệm vụ biểu quyết các vấn đề liên hệ đến địa phương đã phần lớn trở thành những hình thức trang-hoàng. Việc kiểm soát hạ tầng cơ sở càng gia tăng khi Tỉnh-Trưởng được quyền bổ nhiệm, chỉ định Hội-đồng Xã, Ban Trị-sự ấp.

Tại trung ương, mọi hoạt-động đều tập trung về phủ Tổng-Thống. Các cơ quan trực thuộc đều là những cơ-sở trọng yếu nắm giữ kế-hoạch, an-ninh Quốc-gia (Tổng Nha Thanh-Tra Hành-chánh/Tài-chánh - Phủ Tổng-Ủy Dinh Điền - Tổng Nha Ngân Sách/Ngoại Viện - Tổng Nha Công-Vụ - Tổng Nha Kế-Hoạch v.v...)

Chế độ tập quyền còn lấn qua phạm vi đoàn thể đảng-phái, Chính-quyền thiết lập và điều khiển các đoàn thể : Phong-trào Công Chức Cách-Mạng Quốc-Gia - Thanh Niên Cộng-Hòa - Phụ Nữ Liên Đối v.v...

(1) Mai-Kim-Dĩnh, Lịch-sử VN hiện đại, giảng khoa
(Dalat: Trường Chính-Trị Kinh-Doanh, NK 70-71), tr.254

Vì tinh thần quá cực đoan và phần nào e sợ sự xâm nhập, lợi dụng của Cộng-sản, Tổng Thống Diệm đã gay gắt, khắt khe với các đảng phái và phong-trào chính-trị đối lập. Ngoài một số chính-trị gia đảng phái vốn là tay sai của thực dân Pháp, hay chạy theo phiến loạn; các chính khách chân chính, đảng phái đối lập cũng bị đàn áp, bắt bớ :

- * Ngày 6-5-1957, các Ông Hoàng-Cơ-Thụy, Phan-Quang-Dân, Nghiêm-Xuân-Thiện thành lập Khối Dân-Chủ công khai tuyên bố đối lập. Ông Nghiêm-Xuân-Thiện ngay sau đó bị đưa ra tòa vì bài báo "Thư gửi Ông Nghị của tôi" đăng trên Thời Luận.
- * Ngày 20-8-1957 Tòa án quân sự xử 23 trí thức tham gia biến cố Bình-Xuyên, trong số đó có nhiều tên tuổi quen thuộc như : Trần-văn-Ân, Trịnh-khánh-Vàng... Các Ông này đã bị kết án nặng nề.
- * Ngày 07-10-1958, 54 đảng viên Đại-Việt Trương-Tử-Anh bị phạt tù bởi tòa án quân sự Nha-Trang.
- * Trong cuộc bầu cử Quốc-Hội Lập Hiến khóa 2 vào ngày 30-8-1959, các Ông Phan-Khắc-Sửu và Nguyễn-Trần đắc cử, nhưng bị Ủy-Ban hợp thức hóa dân biểu đắc cử tìm cách loại bỏ.
- * Tháng 4/1960, 18 nhân sĩ gửi tuyên-ngôn cho Tổng-Thống Diệm yêu cầu cải-tổ chính-sách, Hành-chánh, Quân-dội, Kinh-tế và xã-hội, nhưng không được chú ý.

Sự tập trung quyền-hành, tạo dựng sức mạnh của Tổng-Thống Ngô-Dình-Diệm đã gây lo sợ một manh nha phát sinh "độc-tài gia-đình trị" nơi quần chúng và các phe phái. Do đó những chống đối liên tiếp đã xảy ra :

- Đảo chính ngày 11-11-1960.
- Vụ ném bom dinh Độc-Lập 2/62 của hai phi công Phạm-Phú-Quốc và Nguyễn-Văn-Cử.
- Vụ ám sát hụt tại Ban Mê Thuột.
- Biến cố Phật-giáo.

II. THÁI-ĐỘ CỦA HOA-KỲ :

Vào những năm đầu tiên của chế độ đệ I Cộng-Hòa, VNCH đã được sự ủng hộ rất nhiều nơi các quốc gia tự do nhất là Hoa-Kỳ. Hoa-Kỳ nhằm mục đích tạo ảnh hưởng kinh-tế, văn-hóa nơi vùng Đông Nam Á, cũng như ngăn ngừa hiểm họa Cộng-Sản đã trợ giúp rất nhiều cho VNCH về các phương diện kinh-tế, quân sự v.v... Ngày 23-12-1953, Phó Tổng Thống Hoa-Kỳ Nixon đã trình bày trong một cuộc họp báo :

"... Nếu mất Đông Dương, Thái-Lan sẽ bị đặt vào thế hầu như không vững được; Mã-Lai với cao su và thiếc, và Nam-Dương cũng sẽ giống như Thái-Lan... Điều đó cho ta thấy Đông-Dương có tầm quan trọng mà ta không thể để bức màn sắt bao phủ"...

Sau hiệp định Genève, khi Pháp rút khỏi Việt-Nam, tình hình chính-trị, kinh-tế VN thật rối ren, hỗn loạn, phân hóa bởi chính sách thọc gậy bánh xe của người Pháp qua sự trợ giúp các quân phiến-loạn đội lốt tôn giáo...

Trước tình trạng đó, Hoa-Kỳ quyết định viện trợ ở at cho Việt-Nam. Lúc đó vai trò của Ông Ngô-Đình-Diệm trở nên quan trọng, và người Mỹ quyết tâm ủng-hộ Ông. Lãnh tụ dân chủ ở Thượng Nghị Viện là Ông Hubert Humphrey và Mansfield nói rằng :

"Thủ-Tướng Diệm là một hy vọng tốt nhất mà chúng ta có được ở Việt-Nam. Ông là lãnh tụ của dân chúng, Ông xứng đáng để chính phủ và chính sách đối ngoại của Hoa-Kỳ trợ giúp một cách tận tình".

Thượng Nghị Sĩ John Kennedy cũng ca ngợi Tổng-Thống Diệm :

"Một sự gần như phép lạ đã xảy ra. Mặc dù những nghi ngờ của toàn thế, một nhóm người ái quốc Việt-Nam đã quả cảm đứng bao quanh một người có đức tin : Thủ-Tướng Ngô-Đình-Diệm để bắt đầu giải phóng và khai thác tiềm lực quốc-gia nhằm tạo nên một nước Việt-Nam độc lập và chống Cộng..."

Tháng 3 năm 1955 Ngoại-Trưởng Foster Dulles đến Việt-Nam với lời hứa hẹn "Triệt để ủng hộ Việt-Nam trong sự tranh thủ độc lập thực sự, và xây dựng một quốc-gia ổn-cố và chống Cộng."

Sau một thời gian được ủng hộ triệt để, đến năm 1959, chế-độ Ngô-Đình-Diệm đã gặp chống đối với mức độ tăng dần trên chính trường Hoa-Kỳ.

Từ năm 1959 ký giả Albert M. Cologrove viết trên tờ Newyork Word Telegram một loạt bài kết án việc sử dụng tiền viện trợ Mỹ tại Việt-Nam vì cho rằng có sự phí phạm và thâm lạm (1)

Các chính khách Hoa-Kỳ còn phản nản và cho rằng chế-độ Diệm thiếu tinh thần dân chủ, xây dựng cũng như sự thiếu thích ứng của Hoa-Kỳ trong công cuộc yểm trợ cho chế độ này chống Cộng. Ông Kenneth Young trong quyển "Histoire d'un engagement" đã công kích: "Ông Diệm từ chối tổ chức bầu cử Hội-đồng Tỉnh, không chấp nhận những phần tử Quốc-gia chân-chính có uy-tín vào chính-phủ, và không tạo được một phong-trào nhân-dân khả dĩ ủng hộ Ông tích cực, toàn diện. Trái lại khuynh hướng bảo thủ và độc đoán đã đẩy Ông lìa xa quần chúng. Hoa-Kỳ thì tỏ ra bất lực trong việc tiên liệu chiến-dịch khủng bố của Cộng-sản và tình-hình suy sụp ở nông thôn; năm 1957 các cuộc ám sát viên-chức địa phương đã là dấu hiệu một chiến tranh Đông Dương thứ hai, nhưng chính sách Hoa-Kỳ vẫn không sửa đổi thích nghi mà lại cứ tiếp tục tiến hành sự viện trợ kinh-tế ước lệ và sự viện-trợ quân sự chỉ nhằm tạo dựng một quân-đội qui ước" (2)

Tổng-Thống Diệm cũng gặp không may vì chỉ một năm sau khi Cộng-sản phát động chiến tranh thì đảng Cộng-Hòa ở Hoa-Kỳ đã phải nhường chính-quyền cho Dân-chủ : Đảng viên Dân-chủ Kennedy đã thắng cử trong cuộc bầu Tổng-Thống Hoa-Kỳ vào năm 1961. Vừa nhậm chức xong, chính quyền Kennedy bắt đầu ngay việc duyệt xét chính sách tại Đông Nam Á trước những biến cố mới ở Lào và Việt-Nam. Vì nhận thấy khả năng hữu hạn Hoa-Kỳ quyết định lui một bước ở Lào để tập trung nỗ lực vào cuộc thử sức tại Việt-Nam. Năm 1961 sau cuộc viếng thăm nghiên cứu tại Việt-Nam của Phó Tổng-Thống Hoa-Kỳ Johnson, rồi của phái bộ Stanley và Tướng Taylor, Hoa-Kỳ tuyên bố quyết định tăng viện cho Việt-Nam về mặt quân sự, kinh-tế với mục tiêu rõ rệt là chiến thắng Cộng-sản ngay tại địa điểm quan trọng Việt-Nam.

(1)Hoàng-văn-Lạc - Một giải pháp cho vấn đề VN (SG - 1970)
trang 125.

(2) Ibid

Tháng 2-1962, một phái bộ viện-trợ quân-sự Hoa-Kỳ do Tướng Harkins điều-khiển được thành lập để theo sát chiến-trường Việt-Nam.

Một năm trôi qua những cải cách, những hy vọng chiến-thắng Công-sản của Hoa-Kỳ vẫn chưa thấy khả quan khiến người Mỹ bắt đầu cảm thấy sốt ruột. Do đó họ còn muốn trực tiếp can thiệp mạnh mẽ hơn vào Việt-Nam. Nhưng Tổng-Thống Ngô-Dinh-Diệm lại là người ái quốc, có tinh thần quốc-gia cực đoan, "ương ngành"; tìm cách tập trung quyền hành, củng cố sức mạnh và có ý định vượt ngoài sự kiểm soát của Hoa-Kỳ. Vì vậy bang giao giữa hai quốc gia càng ngày càng đi xuống.

Một số người Hoa-Kỳ cho rằng : "Ý muốn của Hoa-Kỳ không thể tiến triển tốt đẹp bắt nguồn từ chính sách Ấp Chiến-lược của Chính-phủ Việt-Nam Cộng-Hòa! Ông Rogers Hilsman Phụ-tá Ngoại-Trưởng đặc trách các vấn đề Viễn Đông Hoa-Kỳ cho rằng : " các Ấp Chiến-lược tập trung vũ-khí để trao vào tay Công-sản vì nhân dân chưa được huấn-luyện". (Về phía Việt-Nam, có người cho rằng : "nhờ Ấp Chiến-lược, Việt-Nam có thể dễ tự túc phát triển về cả phương diện chính trị lẫn kinh tế..., điều này lại không phù hợp với "Ý muốn của Hoa-Kỳ" vì vậy có sự chỉ trích kịch liệt của Hoa-Kỳ đối với chính sách này).

Những bất đồng về chính sách giữa 2 chính-phủ Hoa-Kỳ và Việt-Nam Cộng-Hòa càng được tô đậm thêm sau khi xảy ra biến cố Phật-giáo. Và cũng chính biến cố này là biến cố cuối cùng đưa đến đảo chính 1-11-1963. Biến-cố Phật-giáo theo một vài dự luận, do Hoa-Kỳ xúi giục, đảo sâu những mâu thuẫn sẵn có nhằm tạo sự căm thù hờ độ Ngô-dinh-Diệm tại quốc nội cũng như quốc tế, để tạo thêm ý nghĩa, lý do cho cuộc đảo chính :

- Cách đây không lâu báo chí Việt-Nam đã dịch lại các tài-liệu ngoại quốc dựa vào các bản văn bí mật bị phát giác của Ngũ Giác Đài cho thấy chính một nhân viên CIA đã cho nổ chết người nhân lễ Phật Đản 1963 tại Huế (1)

(1) Báo Hòa-Bình, các số tháng 10/1971

- Thượng-Tọa Thích-Trí-Quang được che chở tại Tòa Đại-sứ Hoa-Kỳ. Còn sau này, Ngô Đình Cần đến tỵ nạn tại Tòa Lãnh Sự Hoa-Kỳ ở Huế thì bị giao cho quân đảo-chính.
- Sự can thiệp của Hoa-Kỳ vào việc lật đổ chế-độ Ngô-Đình-Diệm đã được chứng tỏ qua những điện văn mật trao đổi giữa các giới chức Hoa-Kỳ tại Hoa-Thịnh-Đốn và Sài-gòn.
- Điện văn ngày 5-10-1963 của Bạch Cung gửi qua hệ thống CIA đã chỉ thị cho Đại-sứ Cabot Logde : "Không được có sáng kiến trong lúc này, để bí mật tích cực khuyến khích một cuộc đảo chính... cố gắng kín đáo cấp thời... để nhận biết và mở những cuộc tiếp xúc với giới lãnh đạo có thể thay-
thế (Ông Diệm) ngay khi xuất hiện
- Đại-Tướng Paul Donald Harkins, Tư-Lệnh Quân-đội Hoa-Kỳ tại Việt-Nam (1962 - 64) nhân vật thường có quan điểm trái ngược với đại sứ Cabot Logde, 48g trước khi đảo chính, hôm 30/10 đã nói : "Tôi muốn đề nghị là chúng ta cố gắng đừng thay đổi ngựa quá sớm" (Điện văn gửi Tướng Taylor, Chủ-tịch Ủy Ban Liên Quân Mỹ).
- Sự tiếp xúc thường xuyên với các Tướng-lãnh đảo chính của Trung-Tá Conein, và sự hiện diện của Ông này tại Bộ Tổng Tham-Mưu, bản doanh của Quân-đội đảo chánh suốt ngày 1-11-63 (tài-liệu Ngũ Giác Đài).
- Sự cắt giảm 1/2 số viện trợ cho Việt-Nam của Hoa-Kỳ (1)

Thái độ chống đối của Hoa-Kỳ đã bật đèn xanh cho các Tướng-lãnh tiến hành kế-hoạch đảo-chánh.

(1) The New York Times and the Washington Post, Người Mỹ làm thế nào để giết Tổng-Thống Việt-Nam, Lan Vi - Hồng Hà - Dương Hùng, dg (Saigon : Song Chi, 1971)

Đoạn II

TƯỜNG THUẬT BIẾN CỐ NGÀY 1-11-1963

HỘI-ĐỒNG QUÂN NHÂN CÁCH-MẠNG VÀ CHÍNH-PHỦ LÂM THỜI NGUYỄN-NGỌC-THƠ.

Trưa ngày 1-11-63, dân chúng Thủ-đô Saigon cảm thấy "điều gì khác lạ" xảy ra khi gặp hàng đoàn chiến xa, xe lính đi lại ngoài đường và trên không thì phi cơ bay lượn. Mà quả thật "điều gì" xảy ra : Đảo chính !

- 13 g 30, tiếng súng nổ ran nhiều nơi trong Đô-thành. Quân-đội Cách-mạng chiếm đóng Tổng Nha Cảnh-Sát, Đài phát thanh, Nha Truyền-Tin, Bộ Nội-Vụ v.v... Các đơn vị tấn công gồm có một đội pháo-binh 105, Tiểu-đoàn 1 và Tiểu-đoàn 4 Thủy-Quân Lục-chiến, các đội quân khác chuyển từ Biên-Hòa, Thủ-Đức, Long-An.

- 16g45 đài phát thanh loan tin Quân-đội do "Hội Đồng Quân Nhân Cách-Mạng" lãnh đạo đứng lên lật đổ chế-độ Ngô-Dinh-Diệm. Hội-đồng các Tướng-lãnh yêu cầu Tổng-Thống Ngô-Dinh-Diệm từ chức và cùng Ông Ngô-Dinh-Nhu rời khỏi Việt-Nam. Nhưng hai Ông không chịu.

- 20g quân đảo-chính tấn công mạnh vào thành Cộng-Hòa, và chiếm được thành này vào 22g. Nhiều sinh-viên và học-sinh được phóng thích.

Quân-đội yêu cầu các Bộ-Trưởng ra trình diện và đến 24g có 4 Bộ-Trưởng trình diện tại Bộ Tổng Tham-Mưu.

- 03g ngày 2-11-63 dinh Gia-Long bị tấn công kịch chiến cho tới hơn 4g sáng thì quân phòng-vệ của dinh được lệnh đầu hàng.

Anh em Ông Diệm đã rút khỏi dinh Gia-Long để đến nhà thờ cha Tam ở Chợ-lớn. Sau đó 2 Ông gọi điện thoại cho Hội-đồng Quân-Nhân Cách-Mạng biết chỗ ở và yêu cầu Hội-Đồng cho người đến đón. Trên đường đi về Bộ Tổng Tham-Mưu, hai Ông bị hạ sát chết (Lúc đầu cái chết của hai Ông được đài phát thanh Saigon loan báo là "tự tử" qua bản tin hồi bảy giờ sáng).

Ngay sau khi im tiếng súng, hàng ngàn người đã tràn ra đường và cùng cực bị khích động. Có thể nói trong giai-đoạn này sự tuyên-truyền tinh vi tử trước của Hoa-Kỳ và phe đảo chính đã thành công toàn bộ, phong trào "hoan-hô Cách-mạng" đã kích, bêu xấu chế-độ cũ đã được phát động rầm rộ.

Hội-đồng Quân-Nhân Cách-Mạng ra tuyên cáo (số 1 và số 2) đại ý như sau :

Tuyên-cáo số 1

- Quân-đội lật đổ chế độ độc tài
- Sẽ lập Chánh-phủ lâm thời
- Sẽ trao quyền cho dân khi các định chế được thực hiện.

Tuyên-cáo số 2

- Lập trường Hội-Đồng Quân-Nhân Cách-Mạng: "không phóng túng, không độc tài, nhưng áp dụng một hình thức dân-chủ trong tinh thần độc-lập.
- Hội-Đồng Quân-Nhân Cách-Mạng chủ trương chống Cộng.

Sau đó Quyết-nghị số 1 và số 2 ngày 2-11-1963 truất phế Tổng-Thống Ngô-Đình-Diệm, bãi bỏ chế-độ Tổng-Thống, và công bố thành phần Hội-Đồng Quân-Nhân Cách-Mạng

- | | |
|--|--------------------------------|
| - Chủ-Tịch | : Trung-Tướng Dương-Văn-Minh |
| - Đệ I Phó Chủ-Tịch | : Trung-Tướng Trần-Văn-Đôn |
| - Đệ II Phó Chủ-Tịch | : Trung-Tướng Tôn-Thất-Đỉnh |
| - Ủy-Viên Quân-sự | : Trung-Tướng Trần-Thiện-Khiêm |
| - Ủy-Viên Kinh-Tế | : Trung-Tướng Trần-Văn-Minh |
| - Ủy-Viên An-Ninh | : Trung-Tướng Phạm-Xuân-Chiếu |
| - Ủy-Viên Chánh-Trị | : Thiếu-Tướng Đỗ-Mậu |
| - Tổng Thư-ký kiêm
Ủy-Viên Ngoại-Giao | : Trung-Tướng Lê-Văn-Kim |
| - Ủy-Viên | : Trung-Tướng Mai-Hữu-Xuân |

THƯ-VIỆN QUỐC-GIA

- Ủy-Viên : Thiếu-Tướng Nguyễn-Văn-Thiệu
- -nt- : Trung-Tướng Lê-Văn-Nghiêm
- -nt- : Thiếu-Tướng Nguyễn-Hữu-Cố (1).

Nhìn qua thành phần Hội-Đồng Quân Nhân Cách Mạng, chúng ta thấy Hội-Đồng có vẻ không nhất trí và quyền-hành thực lúc ấy nằm trong tay của Tổng Thơ-Ký kiêm Ủy-Viên Ngoại-Giao, Ủy-Viên Quân-Sự và Ủy-Viên Chánh-trị.

Ngày 4-11-1963 Hội-Đồng Quân Nhân Cách Mạng ban hành Hiến-Uớc tạm thời số 1 minh định :

- Việt-Nam vẫn là nước Cộng-Hòa
- Quyền Lập Pháp và quyền Hành Pháp thuộc Hội-Đồng Quân-Nhân Cách-Mạng.
- Thành lập Chánh-phủ Lâm Thời.

"Trong việc chọn người làm Thủ-Tướng Chánh Phủ Lâm Thời, Hội-Đồng Quân Nhân Cách Mạng gặp sự tranh chấp giữa hai Tướng Dương-Văn-Minh và Lê-Văn-Kim : Trung-Tướng Minh đề cử Ông Nguyễn-Ngọc-Thơ, còn Trung-Tướng Kim vận động Hội-Đồng ủy nhiệm cho ông giữ chức vụ này (Thủ-Tướng Chánh-Phủ). Nhưng uy-tín Tướng Minh mạnh hơn, nên Ông Nguyễn-ngọc-Thơ được chỉ định thành lập chánh-phủ" (2)

Thành phần chánh-phủ lâm thời như sau :

- Thủ-Tướng kiêm Tổng-Trưởng Tài-Chánh : Ông Nguyễn-Ngọc-Thơ
- Tổng-Trưởng Quốc-Phòng : Trung-Tướng Trần-Văn-Đôn
- Tổng-Trưởng An-Ninh : Trung-Tướng Tôn-Thất-Đỉnh
- Tổng-Trưởng Ngoại-Giao : Ông Phạm-Đặng-Lâm
- Tổng-Trưởng Tư-Pháp : Ông Nguyễn-Văn-Mầu
- Tổng-Trưởng Giáo-Dục : Ông Phạm-Hoàng-Hộ
- Tổng-Trưởng Cải-Tiến Nông-Thôn : Ông Trần-Lê-Quang
- Tổng-Trưởng Thôn-Tin : Thiếu-Tướng Trần-Tử-Oai
- Tổng-Trưởng Công-Chánh : Ông Trần-Ngọc-Oành

(1) Đoàn-Thêm, Op. Cit, tr 368.

(2) ~~Ma Văn Đỉnh, Op. Cit, tr 266~~

- Tổng-Trưởng Y-Tế : Bác-sĩ Vương-Quang-Trường
- Tổng-Trưởng Lao-Động : Ông Nguyễn-Lê-Giang
- Tổng-Trưởng Thanh-Niên : Ông Nguyễn-Hữu-Phi
- Bộ-Trưởng tại Phủ Thủ-Tướng : Ông Nguyễn-Thành-Cung
- Bộ-Trưởng Tài-Chánh : Ông Lưu-Văn-Tính
- Bộ-Trưởng Kinh-Tế : Ông Âu-Trường-Thanh (1).

Ông Nguyễn-Ngọc-Thơ là Phó Tổng-Thống của nền đệ I Cộng-Hòa. Nay Tổng-Thống Diệm bị giết, chế-độ bị xóa bỏ, Ông Thơ lại được chỉ định làm Thủ-Tướng Chính-phủ lâm thời. Có lẽ điều này được giải thích bằng sự lúng túng của các vị Tướng-lãnh khi nhảy vào chính-trị và hành-chánh. Phải chăng các Tướng-lãnh muốn dùng Ông Thơ và các Tổng-Trưởng như những chuyên-viên để các ông tập sự cai-trị cho quen ?!

Ta còn thấy một sự mâu thuẫn rõ rệt trong thành phần Chính-phủ : các Tướng Trần-Văn-Đôn, Tôn-Thất-Đỉnh vừa là người có quyền ra lệnh và chỉ định Chính-phủ (với tư cách Phó Chủ-Tịch Hội-Đồng Quân Nhân Cách Mạng) vừa là nhân viên nội-các nhận lệnh của Thủ-Tướng (với tư cách Tổng-Trưởng).

Bên cạnh chính-phủ là một Hội-Đồng Nhân Sĩ được thành lập do Sắc-lệnh số 2-HĐQN ngày 6-11-63. Hội-Đồng được triệu tập ngày 11-12-63 tại hội trường Diên-Hồng. Dù thành phần chọn lọc, nhưng Hội-Đồng Nhân Sĩ do Hội-Đồng Quân-Nhân Cách-Mạng chỉ định nên không thể đại diện lập trường và tiếng nói của toàn dân. Bởi thế, cũng như chánh-phủ lâm thời, Hội-Đồng Nhân Sĩ không thể chu toàn trọng trách của mình trong giai đoạn lịch sử dầu sôi lửa bỏng. Mặt khác giữa Hội-Đồng Nhân Sĩ và chánh-phủ Nguyễn-Ngọc-Thơ không có một bầu không khí thân thiện vì Hội-Đồng này có khuynh hướng thân Tướng Lê-Văn-Kim và Tướng Kim lại muốn giữ chức vụ Thủ-Tướng (đã nói ở trên).

Càng ngày chánh-phủ chuyên viên của Ông Nguyễn-Ngọc-Thơ càng bế tắc : bên trong không nhận được sự ủng hộ triệt để của Hội-Đồng Quân Nhân Cách Mạng, bên ngoài gặp sự chống đối của các đảng phái, đoàn thể, tôn-giáo. Các khuynh hướng chống đối chánh-phủ Thơ vì cho rằng chánh-phủ này chậm chạp,

không thực thi Cách-mạng, thiếu dân chủ ; Ngày 1-12-1963 một đại hội Nhân-sĩ được triệu tập tại đền Trần-Hưng-Dạo Saigon đòi hỏi thực hiện Cách-Mạng, thực thi dân chủ. Trước các áp lực, ngày 5-1-1964 chánh-phủ Nguyễn-Ngọc-Thơ cải tổ nhằm mục-đích phân chia lại quyền lợi :

- Trung-Tướng Tôn-Thất-Đỉnh giữ chức vụ Tổng-Trưởng Nội-Vụ.
- Thiếu-Tướng Đỗ-Mậu làm Tổng-Trưởng Thông-Tin.

Về phía quân-đội cũng có một vài thay đổi địa-vị :

- Trung-Tướng Trần-Văn-Đôn giữ chức Tổng Tư-Lệnh
- Trung-Tướng Lê-Văn-Kim giữ chức Tham-Mưu Trưởng
- Trung-Tướng Trần-Thiện-Khiêm giữ chức Tư-lệnh Quân-Đoàn III
- Thiếu-Tướng Nguyễn-Văn-Quan nắm An-Minh Quân-đội.

Trong sự thay đổi này, Tôn-Thất-Đỉnh bất mãn nhất vì mất chức Tư-Lệnh Quân-Đoàn III, một chức vụ dễ làm đảo-chánh. Nhưng đổi lại ông được đảm nhiệm Bộ Nội-Vụ theo như ước vọng hằng có của ông.

Các cuộc chống đối vẫn gia tăng. Ngày 6-1-1964 Thủ-Tướng Chánh Phủ Lâm Thời Nguyễn-Ngọc-Thơ họp báo trình bày chủ-trương Cách mạng ôn hòa, điều này không thỏa mãn các phần tử quá khích. Các phần tử cực đoan ẩn núp trong danh nghĩa tôn giáo đã gây chia rẽ, xung đột tôn giáo. Đến đây người ta càng thấy rõ khả năng của những người làm "Cách Mạng" ! Họ đã lúng túng không biết đối phó ra sao, chỉ biết mị dân. Không những thế lại phá vỡ biết bao công trình, sách lược chống Cộng của chế độ I Cộng-Hòa (như phá bỏ Ấp Chiến-Lược), khiến Cộng-sản nhân cơ hội lập cơ-sở làm bàn đạp tấn công khắp nơi ! Các người quốc gia chống Cộng chân chính bị chụp mũ, dằn áp, bắt bớ. Còn các tay sai Cộng-sản, thực dân lại được dịp vẫy vùng, võ ngược xưng Cách Mạng. Do đó ta sẽ không lạ gì khi Hội-Đồng Quân Nhân Cách Mạng và chính phủ lâm thời Nguyễn-Ngọc-Thơ bị dẹp bỏ để càng ngày càng tạo thêm rối loạn.

Đoạn III

THỰC - CHẤT BIẾN - CỐ 1-11-1963

Một số người và ngay cả các cơ-quan công quyền đã gọi biến cố 1-11-63 bằng danh xưng "Cách Mạng". Ngày nay, ngày này đã được kể là ngày "Quốc-Khánh" hàng năm... Nhưng thực chất ngày 1-11-63 là gì ?

Lịch-sử thế giới đã ghi nhận nhiều cuộc khủng hoảng chính trị tại nhiều quốc gia; nhiều chế-độ đã bị lật đổ để tạo chế độ khác. Sự việc lật đổ một chế độ sẽ chỉ là một cuộc đảo chính đơn thuần và không thể là một cuộc cách-mạng, nếu biến cố này không được dẫn khởi từ ý thức chung của toàn dân, được hướng dẫn bằng lý thuyết hay tư-tưởng cách-mạng được lãnh đạo bởi những người có khả năng, có lý-tưởng và sau đó một tân thể chế tốt đẹp hơn cho quốc-gia, dân-tộc phải được thành hình. Muốn biết biến-cố 1-11-63 có hội đủ các yếu tính đó không (để được gọi xứng đáng là cách mạng) chúng ta hãy lần lượt xét qua :

- Các nhà lãnh đạo biến cố 1-11-63
- Ý thức cách mạng trong biến-cố 1-11-63
- Cải-thiện sau biến-cố.

A. CÁC LÃNH-TỤ BIẾN CỐ 1-11-1963

Nhìn chung, người ta có thể cho rằng biến cố 1-11-1963 được hướng dẫn bởi các Tướng-lãnh, các lãnh-tụ tôn-giáo và đảng phái.

... Đứng trên bình diện "Đạo Đức Cách Mạng", các lãnh-tụ của biến cố có thể quy vào hai thành phần: - Thành phần "không được huấn-luyện để làm cách mạng" - và thành phần được huấn-luyện để làm cách-mạng.

1. Các lãnh-tu "không được huấn-luyện để làm Cách Mạng" : đây là thành phần chiếm đa số, họ gồm các Tướng-lãnh, các lãnh-tu tôn giáo. Các lãnh-tu này chỉ cảm thấy cần lật đổ một chế độ mà họ cho là không thích hợp, độc tài, và không hề được huấn-luyện để nhận biết được vai trò của mình và cách thức xây dựng cách mạng. Do đó họ dễ bị lung-túng sau khi thành công trong việc lật đổ chế-độ cũ.
2. Các lãnh-tu được huấn-luyện để làm Cách Mạng : đây là một thiểu số Tướng-lãnh, lãnh tu tôn-giáo và các lãnh tu đảng phái. Những người này được huấn-luyện, trui rèn từ lâu tư tưởng và hành-động Cách Mạng. Nhưng họ đã không thành công trong sứ mạng cao cả xây dựng, thực thi Cách Mạng vì gặp một vài khuyết điểm sau :
 - a. Phân-hóa : phân hóa vì quyền lợi, vì truyền thống nghi kỵ... khiến các nhà lãnh đạo không thể nào đoàn kết và tạo đồng minh đủ mạnh để thực thi Cách Mạng.
 - b. Không có người có uy tín, khả năng vượt hẳn các người khác : đã phân hóa, các lãnh-tu biên cô 1-11-1963 lại gần như có khả năng và đức độ ngang nhau, không ai trội hẳn để có thể trở thành ngôi sao sáng thu hút sự cảm phục của mọi người !... Vì không có lĩ h-tu có uy-tín vượt hẳn, nên mỗi nhà lãnh đạo đều cố gắng tự tạo cho mình một hướng đi riêng biệt, khiến công cuộc điều khiển guồng máy quốc gia càng ngày càng phức tạp, khó khăn.

Ngoài ra một cách trực tiếp, ta thấy biên cô 1-11-1963 được lãnh đạo bởi một Hội-Đông Quân Nhân Cách Mạng. Hội-Đông này do các Tướng-lãnh cao cấp lãnh đạo, đứng đầu là các Tướng: Dương-Văn-Minh, Trần-Văn-Đôn, Tôn-Thất-Đỉnh, Lê-Văn-Kim v.v... Các Tướng-lãnh vừa kể đều xuất thân từ quân-đội Liên Hiệp Pháp, sau này được chuyển sang quân đội quốc-gia Việt-Nam. Họ là những người được Pháp khi còn là thực dân tại Việt-Nam đào tạo. Trong khi toàn dân đều căm thù thực dân và khi vấn đề "Cộng-Sản" "Quốc-Gia" chưa xuất hiện rõ rệt trên đất nước này, mọi người dân yêu nước đều chọn hai thái độ : hoặc tích cực tham gia công cuộc kháng Pháp - hoặc tiêu cực lơ-là không hợp tác với Pháp. Ngay cả khi Cộng-sản lộ mặt ở Việt-Nam, những người Quốc-gia chân chính cũng "vạn bất đắc dĩ" mới chấp nhận dựa vào người Pháp để chống Cộng. Còn các

Tướng-lãnh nói trên hầu hết đều là những kẻ tình nguyện gia nhập quân-đội Pháp, chịu sự chỉ-huy của người Pháp. Ta biết, người Pháp không bao giờ chủ trương đào luyện những sĩ-quan yêu nước Việt-Nam, họ chỉ muốn đào-tạo những tay chân và cho hưởng ơn "mưa móc" để dùng những người này cai-trị lại dân bản xứ... Tuy không phủ nhận được một vài người ái quốc thật sự có thể có, nhưng chắc chắn chúng ta đều có vấn nạn về lòng "yêu nước" và tinh thần cách mạng của các Tướng-lãnh điều-khiển chính biến 1-11-1963.

B. Ý-THỨC CÁCH-MẠNG TRONG BIẾN-CỐ 1-11-1963

Thành phần tham dự vào biến-cố 1-11-1963 có thể chia làm hai loại : - quân chúng - và đảng Cách-Mạng.

1. Quân chúng (Tiêu cực)

Trosky cho rằng : "Cách-mạng là cảm hứng cao siêu của Lịch-sử" ("La révolution est l'inspiration exaltée de l'histoire"). Theo ông này, dân chúng tuy thiếu ý-thức nhưng vẫn mang trong tiềm thức những nhu cầu sâu xa nhất của diễn tiến lịch-sử. Đến giai đoạn nào đó tiềm thức đại chúng bột phát phá vỡ bức tường cũ để nối tiếp với các phần tử ý-thức tiên phong. Sự hòa hợp giữa ý thức (conscience) và tiềm thức (subconscience) được gọi là cách-mạng trong diễn trình lịch-sử. Ngày 1-11-1963 dân-chúng chỉ có "ý thức cách mạng tiêu cực" : bị khích động bởi những tuyên truyền về "độc tài", "gia đình trị", "dàn-áp tôn-giáo" (v.v...), một phần quân chúng cảm thấy cần phải lật đổ "chế-độ độc tài" để xây dựng chế-độ khác tốt đẹp hơn. Có lẽ người dân chỉ mừng tượng đại khái "chế-độ mới" sau khi "Cách mạng" thành công - Và ít ai có thể biết chế-độ mới sẽ xây-dựng trên mô hình nào !!...

2. Các đảng phái Cách Mạng (tích cực) : là các thành phần, trong bất kỳ cuộc Cách-mạng nào, đóng góp tích cực nhất và có ý thức cách-mạng. Nhưng các đảng-phái Việt-Nam trong biến-cố 1-11-1963 đã không hề có một chương-trình chung, do đó luôn gặp cảnh "mâu thuẫn", "đụng chạm quyền lợi"... , cho nên đã không thể hoàn-thành, hay tạo dựng Cách Mạng.

Sự khiêm khuyết một chương-trình chung của các đảng phái Cách Mạng Việt-Nam ngoài các nguyên nhân :

Thiếu lãnh tụ, bị mua chuộc v.v..., còn phải kể đến sự thiếu sót "lý thuyết" hoặc "tư-tưởng Cách-Mạng". Đánh rằng các đảng phái Việt-Nam đa số đều đưa ra các bản "cương lĩnh"... , nhưng đây chỉ là những tư-tưởng tổng quát và giống nhau : thí dụ "Phụng-sự Tổ-quốc, dân-tộc" v.v... Ít có một đảng phái nào có một "lý-thuyết Cách-Mạng" hay ít ra cũng là những "tư-tưởng Cách-Mạng" có giá trị để lôi cuốn quần chúng, cũng như làm kim chỉ nam cho sự thi-hành Cách-mạng. Cuộc Cách-Mạng 1789 tại Pháp sau một thời gian hỗn loạn đã thành công nhờ các tư tưởng dân chủ của Montesquieu, J.J Rousseau, Voltaire... Cũng vậy cuộc Cách Mạng 1917 tại Nga đã thành công nhờ lý thuyết "Marxisme" - Trại lại trong biến-cố 1-11-63 ở VNCH, người ta chỉ hô-hào Cách Mạng mà không hề có một tư-tưởng, một lý-thuyết dẫn đạo.

C. SỰ CÁI-THIỆN SAU BIẾN-CỐ 1-11-63

Cách-mạng không phải chỉ là một sự phá bỏ tất cả những cái cũ để rồi không xây-dựng gì hết; như vậy chỉ là "phá hoại". Cách-mạng còn bao hàm một ý tưởng xây-dựng: làm cho dân chúng có một cuộc sống thoải-mái, hạnh-phúc hơn.

Trong bất cứ cuộc cách mạng nào, sau khi công việc lật đổ chánh quyền cũ thành công cũng phải trải qua nhiều hỗn loạn mới ổn định được chính tình và đặt nền móng cho tân chế độ. Cuộc Cách Mạng 1789 đã trải qua các giai-đoạn phức tạp : Quốc Dân Đại Hội, Quốc Hội Lập Hiến, Quốc Hội Lập Pháp - và tranh chấp giữa các phe nhóm : Feuillant, Girondins, Montagnards, v.v... Tại Nga, Cách Mạng 1917 cũng trải qua nhiều biến-đổi tranh chấp; Quân Chủ Lập Hiến, Xã Hội Cách Mạng, Menchevicks, Bolchevicks, Kereski, Lenine...

Lúc đầu cách mạng được quần chúng ủng hộ nhiệt thành, và cao trào cách mạng dễ trở nên cực đoan. Những kẻ lãnh-đạo cách mạng sẽ cố gắng thoát khỏi sự quá khích để sẵn sàng hướng dân, lợi dụng sự cực đoan, hăng hái của dân-chúng vào các công việc ích lợi, thay vì chỉ thuần quá khích, phá hoại... Sau một thời gian cực đoan, phá phách, nổi loạn, dân chúng sẽ mệt mỏi. Đây là dịp để ổn định

tình-thế, xây-dựng chế độ theo mô hình đã vạch sẵn.

Trở lại biến-cố 1-11-63, chúng ta thấy sau khi thành công trong việc lật đổ chánh-phủ Ngô-Đình-Diệm, các người lãnh đạo chánh đã hoàn toàn xa lạ, lạc-lồng trong công việc lãnh đạo. Họ không hề có một chính-sách, kế hoạch để thi hành trong thời kỳ chuyển tiếp, cũng như lâu dài sau này. Mọi chính sách, định chế căn bản của Quốc gia dù hay hoặc dở đều nhất đán bị hủy bỏ : hỗn loạn, vô trật tự thật sự xảy ra. Lại thêm Cộng-sản lợi dụng gia tăng ảnh hưởng khắp nơi. Ngay cả bên trong nội bộ các Tướng-lãnh cũng xảy ra vô số tranh chấp quyền lợi, nghi-kỵ, v.v... Đời sống dân chúng, tình hình đất nước đã suy sụp kinh khủng và ảnh hưởng cả đến ngày nay.

Với một lớp người lãnh đạo thiếu căn bản, khả năng không có một chương trình hành động chung giữa các phe nhóm và không được hướng dẫn bởi lý thuyết, tư tưởng cách mạng, nhân dân không có ý thức thật sự; tình hình càng ngày càng suy sụp, cho nên biến cố 1.11.63 không thể là một cuộc cách mạng theo đúng nghĩa, nó chỉ là một đảo chánh mà thôi ...

CHƯƠNG II
THỜI-KỶ KHÙNG - HOÀNG CHÍNH - QUYÊN
SAU BIẾN-CỐ 1 - 11 - 1963

Sự thiếu cương-quyết của chánh-phủ lâm thời Nguyễn-Ngọc-Thơ và sự thiếu tín nhiệm của dân chúng và quân-đội đối với chánh-phủ đã khiến chính-phủ chuyên-viên bị dẹp bỏ kéo theo cả một chuỗi hỗn loạn và mở đầu một thời kỳ khủng-hoảng trên chánh trường Việt-Nam.

Ta sẽ lần lượt đề cập đến thời kỳ này qua thứ-tự sau :

- Diễn-tiến thời kỳ khủng-hoảng.
- Phân-tích nguyên-nhân và hậu quả của thời kỳ này.

Đoạn 1

DIỄN - TIẾN THỜI - KỲ KHỦNG - HOẢNG CHÍNH - QUYỀN

Về diễn-tiến thời kỳ khủng-hoảng, chúng ta có thể chia làm 3 giai-đoạn chính :

- Giai đoạn quân-nhân nắm chính-quyền.
- Giai đoạn chính-phủ dân sự.
- Giai-đoạn chuyển tiếp.

Thực ra từ 1-11-1963 đến nay, tại Việt-Nam Cộng-hòa quân-đội luôn là một lực lượng chính yếu chi phối chính trường.

Nhưng sở dĩ ta tạm phân giai đoạn quân nhân nắm quyền và giai đoạn chính phủ dân sự là vì trong giai đoạn đầu tuy nội các gồm đa số chính khách dân sự, nhưng vị Thủ-Tướng của các chính-phủ là một Tướng-lãnh và thực sự quân-đội chi phối tất cả chính phủ này, còn các nhân viên dân sự trong nội các đa phần đều chỉ có tính cách chuyên-viên hành-chánh - Ở giai đoạn thứ hai, gặp sự chống đối và lòng lo sợ của dân-chúng trước một "chế-độ quân phiệt" có thể thành hình, các Tướng-lãnh đã phải giao quyền lại cho các chính phủ mà đứng đầu là những Thủ-Tướng dân sự (Trần-Văn-Hương, Phan-Huy-Quát). Tuy quân-đội bổ nhiệm và có toàn quyền về phương diện chỉ-đạo, nhưng ít ra những chính quyền có Thủ-Tướng dân sự này cũng đã có phần nào những quyền hạn cần thiết. Do đó không đến nỗi quá đáng để có thể gọi là những chính quyền dân sự.

Giai-đoạn thứ ba của thời kỳ khủng-hoảng được gọi là giai đoạn chuyển tiếp vì chính từ giai đoạn này và bởi những nhân vật cầm quyền ở những giai đoạn này mà chế-độ mới (đệ II Cộng-Hòa) đã được thiết-lập.

A. GIAI-DOẠN QUÂN-NHÂN NẮM QUYỀN.

I. CHÍNH-LÝ 30-1-1964 VÀ HIẾN-CHƯƠNG VÙNG-TÀU

Sáng 30-1-1964, trên các ngã đường trọng yếu tại Thủ-đô Saigon, người ta lại thấy sự xuất hiện của quân-đội và chiến-xa trong một không khí nghiêm trọng tuy không nghe tiếng súng. Đó là lúc các Tướng-lãnh họp tại Bộ Tổng Tham-Mưu để thành-trưng nội bộ. Hội-Đồng Quân Nhân Cách Mạng quyết định chấm dứt nhiệm vụ của Ban Chấp Hành lập ngày 1-11-1963. Biện-cố này được mệnh danh là "chính lý". Người cầm đầu cuộc chính-lý : Trung-Tướng Nguyễn-Khánh trở thành người nắm tất cả thực quyền.

Cuộc chính-lý khởi từ 4 giờ sáng ngày 30-1-1964, nhưng mãi đến 2 giờ chiều Nguyễn-Khánh mới công bố tuyên cáo vì còn phải thương lượng để Trung-Tướng Dương-Văn-Minh giữ chức vụ Chủ-Tịch Hội Đồng Quân Nhân Cách-Mạng nhưng vì tự ái, ông này lúc đầu không chấp thuận.

Ngày 1-2-1964 chính-phủ Nguyễn-Ngọc-Thơ từ chức. Tướng Khánh ra tuyên cáo giải thích biến-cố trên đài phát thanh đại ý cho biết quân đội đứng lên làm chính lý vì từ ba tháng nay tình hình suy sụp mọi mặt; chính quyền tỏ ra bất lực và "phản cách mạng", một số chạy theo Cộng-sản và thực dân.

Mục tiêu cuộc chính-ly là loại trừ Tướng Lê-Văn-Kim vì ông này là phe thân Tây và có liên lạc với Vương-Văn-Đông, người tham dự binh biến 11-11-1960 và bị nghi ngờ là có khuynh hướng trung lập thân Cộng. Còn việc bắt thêm các Tướng Đôn, Dính, Xuân chỉ là phụ thuộc.

Ngày 7-2-1964, Hiến-ước số hai (2) ban hành quyết-định :

- Quyền-hành Quốc-Trưởng thuộc Chủ-Tịch Hội-Đồng Quân Nhân Cách-Mạng hoặc một nhân vật do Hội-Đồng chỉ định.
- Hội-Đồng Quân Nhân Cách-Mạng cử Trung-Tướng Dương-Văn-Minh giữ quyền hành Quốc-Trưởng, Trung-Tướng Nguyễn-Khánh lập chính-phủ.

Chính-phủ Nguyễn-Khánh thành lập xong ngày 8-2-1964 và được mệnh danh là Chính Phủ Liên-Hiệp các đảng phái quốc-gia và quân-đội. Thành phần chính-phủ gồm một số Tướng-lãnh và một số các chính khách thuộc các đảng Đại-Việt, Việt-Nam Quốc Dân Đảng, Cao-Đài, Hòa-Hảo...

Một-số do Nguyễn-Khánh làm Thủ-Tướng gồm các nhân vật sau :

- Phó Thủ-Tướng đặc trách Bình-Định : BS. Nguyễn-Tôn-Hoàn
- Phó Thủ-Tướng đặc trách Tài-Chánh : Ô. Nguyễn-Xuân-Oánh
- Phó Thủ-Tướng đặc trách Văn-hóa Xã-hội : Thiếu-Tướng Đỗ-Mậu
- Tổng Trưởng Ngoại Giao : BS Phan-Huy-Quát
- Tổng Trưởng Nội-Vụ : Ô. Hà-Thức-Ký
- Tổng Trưởng Quốc-Phòng : Trung-Tướng Trần-Thiện-Khiêm
- Tổng Trưởng Cải-tiến Nông-Thôn : Ô. Nguyễn-Công-Hầu
- Tổng Trưởng Y-Tế : BS Vương-Quang-Trường
- Tổng Trưởng Lao-Động : Ô. Đàm-Sĩ-Hiến

- Tổng-Trưởng Thông-Tin : Ô. Phạm-Thái
- Tổng-Trưởng Kinh-Tế : Ô. Âu-Trường-Thanh
- Tổng-Trưởng Tư-Pháp : Ô. Nguyễn-Văn-Mầu
- Tổng-Trưởng Xã-Hội : Ô. Trần-Quang-Thuận
- Quốc-Vu-Khanh : BS Lê-Văn-Hoach
- Bộ Trưởng Phủ Thủ-Tướng : Ô. Nghiêm-Xuân-Hồng.

Cuộc chính-lý đã được mặc cho một chiếc áo đẹp để là chống Trung-lập, chống phản cách-mạng nhưng có lẽ kỳ thực ra nó liên quan đến chính sách của Hoa-Kỳ. Ngày 23-11-1963, Tổng-Thống Hoa-Kỳ Kennedy bị ám sát chết, Phó Tổng-Thống Johnson lên thay thế đã mở đầu cho kỷ nguyên "điều hậu" của Mỹ. Người Mỹ thấy chính quyền lừng khừng, không theo đúng chính sách Mỹ và không "tích cực chống Cộng" theo lối Mỹ. Bằng chứng là ngày 2-2-64 ngay sau khi chính-lý thành công, chính-phủ Johnson đã xác nhận đồng quan điểm với Việt-Nam (chính-phủ Nguyễn-Khánh) về việc gia tăng nỗ lực chiến-tranh chống Cộng.

Về nội bộ Việt-Nam, cuộc chính-lý chắc chắn phải có sự đóng góp tích cực của Tướng Trần-Thiện-Khiêm vì lúc đó ông này đang nắm giữ Quân-đoàn III, một chức vụ để làm đảo chánh và dẹp đảo chánh. Nhưng sau này khi được Mỹ ủng hộ, Tướng Khánh đã tìm cách triệt hạ dần Tướng Khiêm bằng cách tăng quyền hành cho các Tư-Lệnh vùng chiến-thuật, Tư-lệnh các Quân Binh-chủng. Thâm ý của ông Khánh là muốn các vị Tư-lệnh này bớt lệ thuộc vào Tướng Khiêm lúc đó đang là Tổng Tư-Lệnh Quân-đội, kiêm Tổng-Trưởng Quốc-Phòng.

Về phía "Chính-phủ Liên Hiệp Quốc-gia", ta thấy vai-trò của đảng Đại-Việt bắt đầu sáng giá (và giữ luôn tới ngày nay) qua sự tham chánh của các lãnh-tụ :

Nguyễn-Tôn-Hoàn (Tân Đại-Việt)
Hà-Thúc-Ký (Đại Việt Cách-Mạng)
Phan-Huy-Quát (Đại Việt quan lại)

Ngoài ra sự cố mất của Nguyễn-xuân-Oánh, một nhân vật vừa ở Mỹ về chứng tỏ Mỹ muốn trực tiếp đưa một người do họ huấn-luyện vào chính-trường Việt-Nam.

Ngày 21-3-1964 Hội-Đồng Quân Nhân Cách Mạng cải danh thành Hội-Đồng Quân-Đội Cách Mạng và cử Trung-Tướng Nguyễn-

Khánh làm Chủ-tịch, cùng một Ban lãnh đạo gồm có :

- Đệ nhất Phó Chủ-tịch : Trung-Tướng Trần-Thiện-Khiêm
- Đệ nhị Phó Chủ-tịch : Thiếu-Tướng Đỗ-Mậu
- Đệ tam Phó Chủ-tịch : Trung-Tướng Phạm-Xuân-Chiếu
- Cố vấn tối cao : Trung-Tướng Dương-Văn-Minh.

Nguyễn-Khánh tìm cách củng cố quyền hành bằng cách phục hồi chức Tướng các thuộc hạ cũ (thí dụ: Thiếu-Tướng Huỳnh Văn-Cao), dùng tiền tài mua chuộc tay chân: "Chính-sách dùng người của Nguyễn-Khánh chẳng khác chi Ông Diệm nhưng còn vụng về và trắng trợn hơn nhiều. Vì Khánh thiếu uy-tín của Ông Diệm cũng như bộ óc của Ông Nhu mà lại muốn đạt tột đỉnh trong thời gian ngắn nhất, trong khi Ông Diệm lao tâm khổ trí dằng dằng hàng mấy năm trời (1). Để tạo uy tín và sự ủng hộ, ngoài sự dựa vào người Mỹ, Khánh còn dùng thủ đoạn lợi dụng các mâu thuẫn sẵn có của hai tôn giáo lớn : Phật-giáo và Công-giáo. Phật-giáo vốn mang mặc cảm tự tôn "tạo" ra cách-mạng nên cô chiếm nhiều ưu thế; còn Công-giáo mang mặc cảm liên hệ chế-độ cũ và cảm thấy nguy cơ suy giảm ưu thế, quyền lợi, cũng như lo sợ chính quyền "thiếu chống Cộng", do đó họ thấy cần phải vùng lên..... Đối với Phật-giáo Nguyễn-Khánh thường tuyên bố với các lãnh tụ là Nguyễn-Tôn-Hoàn đang chiếm ưu thế nhằm mong Phật-giáo ủng hộ ông; Với Công-giáo Khánh cho biết phe Dương-Văn-Minh đang mạnh thế. Vì thủ đoạn này của Khánh sự liên lạc giữa hai tôn-giáo trở nên căng thẳng. Ngoài ra lợi dụng cơ hội đó một số con buôn chính-trị nhảy vào khiến tình-hình trở nên hỗn loạn :

- Ngày 23.5.64 Tòa Tổng Giám Mục ra thông cáo : Không ra lệnh tổ chức và cũng không chấp nhận cuộc biểu tình nào; Giáo dân cần tránh biểu tình nhân dịp Phật-dản.
- Ngày 24.5.64 Tòa Giám Mục Sài Gòn ra thông cáo lại : chỉ khuyến tránh biểu tình trong dịp Phật-dản mà thôi; còn thì giáo dân được tự do phát biểu quan niệm của mình theo thể thức nào cho là thích hợp nhất.
- Ngày 7.6.64, 29 họ đạo Hồ Nai và các vùng phụ cận Saigon, cùng hàng vạn giáo dân Đô-thành biểu tình tại Công Trường Lam-Sơn với các biểu ngữ đáng chú ý :

"Lột mặt nạ bọn lợi dụng cách-mạng để đàn áp Công-giáo",

(1) Hoàng-Văn-Lạc : Op. Cit, trang 339 - 340.

"Mì dân là phản bội dân chủ"

"Ủng hộ cuộc tranh đấu của Công-giáo miền Trung" v.v...

- Ngày 15-6-64 cũng có biểu tình của giáo dân ở Huế (1)

Đại khái những tranh chấp của hai tôn giáo được đặt căn bản trên những chiều bài sau :

- Công-giáo : chống Trung-lập, chống kẻ thù phá hoại Công giáo (được hiểu là các phần tử Cộng-sản ẩn núp trong hàng ngũ Phật-giáo).
- Phật-giáo : ủng hộ các Tướng có công cách-mạng (được người Công giáo hiểu là cố khuyinh hướng trung-lập), bài trừ Cần-lao (được hiểu là Công-giáo) (2)

Trước tình trạng hỗn loạn do tranh chấp tôn-giáo gây ra, cũng như lợi dụng vụ chiến hạm Maddox bị các tiểu đĩnh Bắc-Việt tấn công khi đang tuần tiễu và Hoa-Kỳ trả đũa oanh-tạc Bắc Việt, Nguyễn-Khánh ban hành tình trạng khẩn trương trên toàn lãnh thổ vào ngày 7-8-1964 (Sắc-luật 215/SL/CT). Và những biện pháp đặc biệt được thi hành :

- Tái lập kiểm duyệt báo chí (ND 453/BTT)
- Giới nghiêm tại Sài Gòn, Gia-Định từ 23 giờ đến 4 giờ sáng(3)

Ngày 11-8-64, một lô cấp bậc mới được trao cho các Tướng Tá.

Ngày 16-8-64 Hội Đồng Cách Mạng họp ở Vũng-Tàu ban hành một hiến chương mới và bầu Trung-Tướng Nguyễn-Khánh làm Chủ-tịch Việt-Nam Cộng-Hòa. Theo hiến chương này, Chủ-tịch lãnh quyền Quốc-Trưởng với nhiều quyền hạn đặc biệt, một Quốc hội lâm thời gồm 100 hội viên dân sự và 50 hội viên quân nhân do Hội Đồng Quân Đội Cách Mạng chỉ định. Hiến-chương này được mệnh danh là "Hiến Chương Việt-Nam Cộng-Hòa" (nhưng dân chúng thường gọi là Hiến-chương Vũng-Tàu). Hiến-chương được soạn thảo như một bản hiến-pháp gồm một lời nói đầu và 8 thiên,

(1) Đoàn-Thêm : Op. Cit. trang 391, 393, 394

(2) Phạm-ngọc-Phi : "Phật-giáo và Công-giáo trên chính trường Việt-Nam", Luận văn tốt nghiệp Cao Học 6/HC 1972, tr 57.

(3) Đoàn-Thêm : Op. Cit , trang 399

62 điều đề cập đến các vấn đề căn bản, quyền hạn và nhiệm vụ công dân, Hội-Đồng Quân Đội Cách-Mạng, Chủ-Tịch Việt-Nam Cộng-Hòa, Quốc Hội lâm thời, Tư-pháp, các cơ quan chuyên-môn... (1)

Một tuần sau khi Hiến-chương Vũng-Tàu ra đời, phản-ứng của sinh-viên cùng quần chúng biểu lộ sự chống đối xuất-hiện : Ngày 19, 20-8-64 sinh-viên liên tiếp hội thảo chống đối hiến-chương.

Ngày 22-8-1964 sinh viên kéo khá đông tới Phủ Thủ-Tướng đưa kiến nghị xin thu hồi Hiến-chương và được Bộ-Trưởng Phủ Thủ-Tướng Nghiêm-Xuân-Hồng tiếp.

Buổi chiều sinh-viên được Nguyễn-Khánh tiếp để trình bày lập trường không chấp nhận Hiến-chương, yêu cầu thành lập một chính-phủ trong sạch, trẻ trung, các Tướng-lãnh trở về nhiệm vụ thuần túy quân sự, diệt trừ Cần-lao và Thực-dân, Cộng-sản ẩn núp trong chính-quyền.

Sau đó là một chuỗi những náo loạn : đập phá đài phát-thanh, Bộ Thông-Tin, trụ sở sinh viên (23-8-64). Những đụng độ tôn giáo cũng xảy ra dữ dội (như vụ Thanh-Bồ, Đức-Lợi, Đa-Năng ngày 26-8-64)... Thêm vào đó là những áp lực của các đảng phái ngày 23-8-1964 các chính khách Nguyễn-Tôn-Hoàn (Đại Việt), Trương-Bảo-Sơn (Dân Chủ Xã-Hội) và Quốc Dân Đảng biệt bộ Nguyễn-Tường-Tam lên tiếng công kích hiến chương Vũng-Tàu.

Ngày 25-8-1964 trước hàng ngàn sinh viên, học sinh kéo tới "Phủ Chủ-Tịch" nhân biểu tình kỷ niệm Quách-Thị-Trang, "Chủ-tịch" Nguyễn-Khánh đã phải hứa xét vấn đề. Ngày buổi chiều Hội Đồng Quân Đội Cách Mạng họp khẩn trên Bộ Tổng Tham Mưu và đến ngày 26-8-1964 ra tuyên cáo :

- Thu hồi Hiến-chương 16-8-1964
- Sẽ bầu nguyên thủ Quốc-gia và ủy nguyên thủ thực hiện cơ-cấu dân chủ.
- Quân-đội sẽ trở về cương vị quân sự.
- Ủy quyền chánh-phủ hiện thời tạm điều-khiển quốc-gia.

(1) Trương-Tiến-Dạt : "Hiến pháp chủ thích" (Saigon :1967), tr. 395 - 405

II. ỦY-BAN LÃNH-ĐẠO LÂM THỜI QUỐC-GIA/QUÂN-LỰC (TAM ĐẦU CHẾ)

Sau khi quyết định thu hồi Hiến-chương lâm thời 16-8-1964, Hội Đồng Quân Đội Cách Mạng gặp khủng hoảng trong việc bầu vị nguyên thủ Quốc-gia. Hàng ngũ Tướng-lãnh lúc đó chia làm ba phe: phe Tướng Khánh và phe Tướng Dương-Văn-Minh - Tướng Khiêm. Cuối cùng sau phiên họp kéo dài hai ngày, ngày 27-8-1964, một giải pháp vá víu tạm thời được thành hình qua việc thành lập một Ủy-Ban lãnh-đạo lâm thời Quốc-gia và Quân-lực gồm ba Tướng: Dương-Văn-Minh, Nguyễn-Khánh và Trần-Thiện-Khiêm. Giải pháp này được báo chí mệnh danh là "Tam đầu chế" và ông Hoàng-Văn-Lạc ví như "ba đầu sáu tay" của Pompée, Cesar và Crassus thời La-Mã hoặc Tam Hoàng bên Lào gốc mà sự thanh toán nội bộ không thể nào tránh được (1).

Trong lúc "cơ quan đầu não quốc-gia" tranh dành quyền hành, thì tình hình đất nước thật là tan nát với những tiếp diễn của tranh chấp tôn giáo. Mạnh mẽ và điển hình nhất là sự đối kháng giữa hai tôn giáo : Phật-giáo và Công-giáo.

Phía Công-giáo khi ấy có khuynh hướng ủng hộ hay nếu không cũng để yên cho chánh-phủ quân-nhân vì hy vọng chính phủ này chống Cộng tích cực và hữu hiệu hơn, cũng như vì lo sợ bị Phật-giáo lấn át !!!...

Phật-giáo có khuynh hướng chống lại chính-phủ quân nhân và Hội-đồng Tướng-lãnh bởi lo sợ một chế độ độc tài quân phiệt, và sợ sự vùng dậy của Cần-lao sẽ gây khó khăn cho Phật-giáo, cũng như lòng mong muốn thỏa mãn và thể điều khiển chính trường.

Hỗn loạn xảy ra khắp nơi trên toàn quốc, đặc biệt là tại các thành phố lớn (trừ miền Tây tương đối yên tĩnh): Tại Sài Gòn hỗn loạn gần như mọi nơi trên đường phố. Từng đoàn người võ trang gây-gộc, đồ bèn tìm kiếm "đập phá", "thanh toán" nhau vì một vài nguồn tin thất thiệt... Cộng-sản thừa dịp may tung cán-bộ tuyên-truyền khích động khắp nơi cố ý làm to thêm mâu thuẫn "tôn giáo" để mong biến thành chiến-tranh tôn-giáo. Đồng thời tấn công mạnh

(1) Hoàng-văn-Lạc : Op. Cit, trang 341

khắp nơi.

Bên cạnh những "náo loạn" đó, nội bộ chính-phủ, đảng phái cũng "lúng cùn nặng". Ngày 28-8-64 trong cuộc họp báo lúc 13 giờ, Thủ-Tướng Nguyễn-Khánh đã đả kích các ông Nguyễn-Tôn-Hoàn, và Hà-Thúc-Kỷ đã mưu đảo chính (1). Ngày 1-9-64 Phó Thủ-Tướng Nguyễn-Tôn-Hoàn từ chức...(2)

Trước tình trạng này, chính-quyền và Ủy Ban Lâm Thời lãnh-đạo Quốc-gia, Quân-lực đã lúng túng không dám áp dụng những biện pháp mạnh mẽ thích ứng.

Mãi sau này vào ngày 1-9-1964 mới thành lập được một "văn phòng liên lạc tôn giáo". Ủy Ban này gồm đại diện Công-giáo, Phật-giáo và Cảnh-sát để giải quyết các sự khó khăn và hiểu lầm (3). Và ngày 8-9-1964 "Tam đầu chế" đã tạm thu xếp bằng cách thành lập Thượng Hội Đồng Quốc-Gia với 17 hội viên mà phần lớn là thân thuộc của Ông Minh (4). Thượng Hội Đồng Quốc Gia có nhiệm vụ triệu tập Quốc Dân Đại Hội, soạn thảo Hiến-chương, thực hiện các cơ cấu quốc gia, làm cố-vấn cho chánh-phủ cùng Ủy Ban lãnh-đạo lâm thời Quốc-gia, Quân-lực (Quyết định số 7/BLDQGQL). Thành phần Thượng Hội-Đồng gồm :

- Ô. Phan-Khắc-Sửu (Cao-Đài)
- Ô. Lê-Văn-Thu
- Ô. Nguyễn-Văn-Huyền (Công-giáo)
- Ô. Trần-Đình-Nam (Phật-giáo) (VN&F)
- Ô. Trần-Văn-Văn (Phật-giáo) (VN&F)
- Ô. Trần-văn-Quế
- Ô. Nguyễn-Văn-Lực
- Ô. Nguyễn-Xuân-Chữ
- Ô. Hồ-Văn-Nhật
- Ô. Mai-Thọ-Truyền (Phật-giáo Nam Việt)
- Ô. Ngô-Gia-Hy
- Ô. Lê-Khắc-Quyển (Phật-giáo)
- Ô. Tôn-Thất-Hạnh (Phật-giáo)
- Ô. Lương-Trọng-Tường (Hòa-Hảo)

(1) Đoàn-Thêm : Op. Cit. trang 404

(2) Ibid, tr 405

(3) Đoàn-Thêm : Op. Cit, trang 405

(4) Hoàng-Văn-Lạc : Op. Cit, trang 342

- Ô. Nguyễn-Đình-Luyện
- Ô. Hồ-Đắc-Thăng.

Sự thành lập Thượng Hội Đồng Quốc-gia nhằm kết tụ các màu sắc tôn-giáo (Công giáo - Phật giáo - Cao đài - Hòa Hảo) hầu chứng tỏ một sự "hoa hợp dân tộc" cũng như "thiện chí" của Tướng-lãnh trong việc tìm kiếm dân chủ cho đất nước, cũng không đem lại tin tưởng cho các phe nhóm, ổn định cho đất nước. Vì có sự nghi kỵ với Tướng Khánh, một số quân nhân rút khỏi chính phủ: Đại-Tướng Trần-Thiện-Khiêm, Thiếu-Tướng Lâm-Văn-Phát, Thiếu-Tướng Nguyễn-văn-Thiệu, Thiếu-Tướng Đỗ-Mậu, Đại-Tá Trần-ngọc-Huyền... Thêm vào đó lại có các việc dùng binh mưu đồ quyền lợi của các Tướng lãnh: Tướng nào cũng hy vọng dùng áp lực quân lính trong tay để chia quyền.

Ngày 13-9-1964, Trung-Tướng Dương-Văn-Đức và Thiếu-Tướng Lâm-Văn-Phát kéo quân từ Vùng IV Chiến-thuật về Sài Gòn, nhân danh Hội Đồng Quân Dân cứu quốc tuyên bố: "Văn hồi trật tự đã bị phá hoại, cùng uy quyền quốc-gia bị miệt thị". Các Tướng này gặp sự chống đối của Tướng Trần-Thiện-Khiêm (giữ chức Tổng Tư-Lệnh Quân-Đội), ông này ra lệnh cho quân-đội không theo phe đảo-chánh. Trong khi đó Tướng Nguyễn-Khánh qua đài phát thanh Đà-lạt lên án phe đảo chánh... Trước áp lực của các Tướng-lãnh (họp tại Bộ Tư-lệnh Không-Quân), Tướng Đức và Phát phải rút quân về vùng IV. Và ngày 17-9-64 một số Tướng Tá liên quan đến vụ 13/9 bị cách chức: Trung-Tướng Dương-Văn-Đức, Thiếu-Tướng Lâm-Văn-Phát, Thiếu-Tướng Dương-Ngọc-Lắm, Đại-Tá Huỳnh-Văn-Tồn, Trung-Tá Dương-Hiếu-Nghĩa.

B. GIAI-ĐOẠN CHÍNH-QUYỀN DÂN SỰ

I. CHÁNH-PHỦ TRẦN-VĂN-HƯƠNG

Tranh chấp tôn-giáo chưa giải quyết xong, nội bộ Tướng-lãnh vẫn lung củng, thì nạn "phong kiến" "sứ quân" lại bùng dậy dữ dội, ở miền Trung do Hội Đồng Nhân Dân Cứu Quốc của Bác-sĩ Lê-Khắc-Quyến phát động từ Huế và lan rộng khắp các tỉnh vùng I chiến-thuật. Hội Đồng này mở phong trào tranh-đấu diệt trừ Càn-lao với những khủng bố, trả thù dã man. Miền Trung gần như trở thành một lãnh thổ tách rời hẳn chánh quyền trung-ương và không còn trật tự, luật pháp.....

Giữa tình thế ấy Ủy Ban Lâm Thời Lãnh-Đạo Quốc-Gia và Quân-Lực trốn tránh trách nhiệm bằng cách giao khoán cho Thượng Hội Đồng Quốc-Gia, một cơ chế thực sự không có quyền lực và tính cách đại diện thiết thực cho dân chúng; ngày 19-10-1964 Ủy Ban Lâm-Đạo Lâm Thời Quốc-gia, Quân-lực tuyên bố :
"Thượng Hội Đồng Quốc-Gia có quyền và có bổn phận thực hiện các cơ cấu Quốc-gia, chọn vị nguyên thủ, lập chính phủ trước ngày 27-10-1964 (1).

Với lập luận "... Quân-đội xuyên qua các tuyên cáo và hiệu triệu đã nhận xét chỉ lý rằng, muốn phục vụ hữu hiệu Quốc-gia và đáp ứng nguyện vọng của toàn dân, cần phải trở về cương vị cuân sự thuận tụy, và lần lượt trao lại quyền hành cho một chính phủ dân sự" (2) Thượng Hội Đồng Quốc-gia đã soạn thảo và ban hành một Hiến-chương lâm thời vào ngày 20-10-1964. Hiến chương này có đủ những yếu tố của một chế-độ dân chủ :

- Phân quyền
- Tôn trọng quyền tự do căn bản
- Chủ trương công bằng xã-hội.

Hiến-chương gồm : một lời nói đầu, 10 thiên và 49 điều.
Nội dung Hiến-chương quy định :

- Sẽ có một Quốc-Trưởng tuyển nhiệm theo thể thức Quốc-dân đại hội ấn định.
- Quyền lập pháp thuộc Quốc Dân Đại Hội.
- Thủ-Tướng do Quốc-Trưởng tuyển nhiệm và Quốc Dân Đại Hội chấp thuận.
- Trong khi chờ đợi có Quốc Dân Đại Hội, Thượng Hội Đồng Quốc-gia đảm nhiệm trách vụ của cơ quan này (3)

Thi hành bản hiến chương lâm thời ngày 24-10-1964 (ngày mà để loại ảnh hưởng của Tướng Khiêm, Tướng Khánh cử ông này đi làm Đại-sứ tại Hoa-Kỳ) Thượng Hội Đồng Quốc Gia tuyển nhiệm Ô. Phan-Khắc-Sửu làm Quốc-Trưởng và ngày 29-10-1964 Quốc-Trưởng Phan-Khắc-Sửu mời Ông Trần-Văn-Hương làm Thủ-Tướng chính-phủ.

(1) Đoàn Thêm : Op. Cit. trang 412

(2) Hiến-chương lâm thời ngày 20-10-1964 : Lời nói đầu

(3) Trương-Tiên-Đạt : Op. Cit : Phần phụ lục, tr. 406 đến 418

Chính-phủ dân sự Trần-văn-Hương trình diện ngày 4-11-64
gồm :

- Thủ-Tướng kiêm Tổng-Trưởng
Quân-lực : Ô. Trần-Văn-Hương
- Đệ I Phó Thủ-Tướng kiêm Tổng-
Trưởng Nội-Vụ : Ô. Nguyễn-Lưu-Viên
- Đệ II Phó Thủ-Tướng kiêm Thống
Đốc Ngân-Hàng Quốc-gia : Ô. Nguyễn-Xuân-Oánh
- Tổng Trưởng Ngoại Giao : Ô. Phạm-Đặng-Lâm
- Tổng-Trưởng Tư-Pháp : Ô. Lê-Văn-Vy
- Tổng-Trưởng Thông-Tin : Ô. Lê-Văn-Tuân
- Tổng-Trưởng Kinh-Tế : Ô. Nguyễn-Duy-Xuân
- Tổng-Trưởng Tài-Chánh : Ô. Lưu-Văn-Tính
- Tổng-Trưởng Cải Tiến Nông-Thôn : Ô. Ngô-Ngọc-Đôi
- Tổng-Trưởng Công-Chánh : Ô. Lê-Sĩ-Ngạc
- Tổng Trưởng Văn-Hóa Giáo-Dục : Ô. Phan-Tân-Chức
- Tổng-Trưởng Y-Tế : Ô. Trần-Quang-Điệu
- Tổng-Trưởng Xã-Hội : Ô. Đàm-Sĩ-Hiến
- Tổng-Trưởng Lao-Động : Ô. Nguyễn-Hữu-Hùng
- Bộ-Trưởng tại Phủ Thủ-Tướng : Ô. Phạm-Văn-Toàn.

Về phía quân-đội Trung-Tướng Nguyễn-Khánh tuy bị suy giảm uy tín, nhưng vẫn được cử làm Tổng Tư-Lệnh Quân-đội, trong khi Tướng Khiêm "bị" đi làm Đại-sứ tại Hoa-Kỳ (được làm Vua, thua làm Đại-sứ !). Tướng Dương-Văn-Minh cũng được cử đi công cán ngoại quốc (12-11-64).

Vừa được công bố danh sách, chính-phủ Trần-văn-Hương đã gặp chống đối kịch liệt một phần vì màu sắc địa phương, một phần vì Phật-giáo không hài lòng.

Ngày 5-11-64, Bác-sĩ Nguyễn-Xuân-Chữ từ chức quyền chủ-tịch Thượng Hội Đồng Quốc-Gia vì không đồng ý thành phần chánh phủ.

Ngày 6-11-1964 sinh viên (được sự hỗ trợ của Phật-giáo) đòi xét lại thành phần chánh-phủ và sau này yêu cầu giải tán chính phủ vì cho rằng chánh phủ gồm những chuyên viên già nua và gây chia rẽ... Chính-phủ Hương phản ứng quyết liệt tuyên bố (13-11-64) :

- Không từ chức
- Tái lập uy quyền Quốc-gia

- Tách rời chính trị và học đường
- Đưa tôn giáo ra khỏi chính-trị.

Thái độ này của chính-phủ đã gây chống đối quyết liệt của Phật-giáo và khiến tôn giáo này phát động công cuộc vận động lật đổ chánh-phủ Trần-văn-Hương. Thái độ "không hảo ý" của Phật-giáo đối với chánh phủ Trần-Văn-Hương do nhiều nguyên do :

- Trước hết Phật-giáo thấy không thể chi phối chánh phủ Trần Văn-Hương, trong thành phần chánh phủ người ta không thấy bóng dáng một Tổng-Trưởng nào có khuynh hướng Phật-giáo.
- Thêm vào đó chánh-phủ Hương lại tuyên bố tách rời chính-trị và tôn giáo. Chính điều này như đã nói ở trên là điều mà khiến Phật giáo có thái độ gần như thù nghịch với chánh phủ Hương.

Lúc đầu công cuộc chống đối chính phủ Hương của Phật-giáo được thể hiện qua các bài nhận định trên tờ báo Phật-giáo "Đất Tổ" đề lên án đường lối tách chánh trị khỏi tôn giáo. Và sau này là yêu sách đánh đổ chánh phủ. Chính phủ Trần-Văn-Hương đã tỏ ra không quan tâm đến các nguyện vọng của Phật-giáo. Do đó những vận động công khai : biểu tình, tuyệt thực xuất hiện. Thượng-Tọa Thích-Tâm-Châu nóng nảy tuyên bố : "Chánh-phủ Trần-Văn-Hương phải xuống một cách hợp pháp hay Phật-giáo sẽ tiến tới dẹp bỏ chánh quyền đó" (1)

Trước những áp lực đó, chánh phủ Trần-Văn-Hương tuy vẫn chủ trương cứng rắn, nhưng cũng đã nhượng bộ phần nào bằng hành động cải tổ chánh phủ vào ngày 18-1-1965 với sự tham dự của Tướng-Lãnh :

- Trung-Tướng Nguyễn-Văn-Thiệu : Đệ II Phó Thủ-Tướng
- Thiếu-Tướng Linh-Quang-Viên : Tổng Trưởng Tâm Lý-Chiến
- Trung-Tướng Trần-Văn-Minh : Tổng-Trưởng Quân-Lực
- Thiếu-Tướng Nguyễn-Cao-Kỳ : Tổng-Trưởng Thanh-Niên và thể thao.

Như vậy thành phần chánh phủ cải tổ là :

- 1) Thủ-Tướng : Trần-Văn-Hương
- 2) Đệ I Phó Thủ-Tướng kiêm Tổng-Trưởng Nội-Vụ: Nguyễn-Lưu-Viên

(1) Phạm-ngọc-Phi : Op. Cit - trang 59

- 3) Đệ II Phó Thủ-Tướng : Trung-Tướng Nguyễn-Văn-Thiệu
- 4) Đệ III Phó Thủ-Tướng : Ô Nguyễn-Xuân-Cánh
- 5) Tổng-Trưởng Quân-lực : Trung-Tướng Trần-Văn-Minh
- 6) Tổng-Trưởng Ngoại-giao : Phạm-Đặng-Lâm
- 7) Tổng-Trưởng Tư-Pháp : Ô Lữ-Văn-Vi
- 8) Tổng-Trưởng Tâm-lý-chiến: Thiếu-Tướng Linh-Quang-Viên
- 9) Tổng-Trưởng Kinh-Tế : Nguyễn-Duy-Xuân
- 10) Tổng-Trưởng Tài-Chánh: Huỳnh-Văn-Đạo
- 11) Tổng-Trưởng Cải-Tiến Nông-Thôn : Ngô-Ngọc Đồi
- 12) Tổng-Trưởng Công-Chánh: Lê-sĩ-Ngạc
- 13) Tổng-Trưởng Văn-Hóa Giáo-Dục : Nguyễn-Văn-Trường
- 14) Tổng-Trưởng Y-Tế : Trần-Quang-Điệu
- 15) Tổng-Trưởng Xã Hội : Đàm-Sĩ-Hiền
- 16) Tổng-Trưởng Thanh-Niên và Thể-Thao : Thiếu-Tướng Nguyễn-Cao-Kỷ
- 17) Bộ-Trưởng Phủ Thủ-Tướng : Phạm-Văn-Toàn.

Sự cải tổ này ngoài ý nghĩa của một sự nhượng bộ, còn có thể hiểu một cách khác là sự tăng cường "sức mạnh" bằng cách "kéo quân-đội" vào chính-phủ.

Nhưng dù nhượng bộ, dù "củng cố sức mạnh", chánh phủ Trần-Văn-Hương vẫn liên tiếp gặp những chông đoi ngày một gia tăng.

Với tham vọng và luôn luôn chờ dịp, ở chức vụ "Tổng Tư Lệnh Quân-Đội", ngày 20-12-1964 Đại-Tướng Nguyễn-Khánh (lên Đại-Tướng ngày 24-11-64 cùng tướng Dương-Văn-Minh) tuyên bố nhân danh Hội Đồng Quân-Lực (thực ra Hội Đồng Quân Lực này không được quy định trong Hiến Chương Lâm Thời 24-10-64):

- Không tín nhiệm Thượng Hội Đồng Quốc-Gia vì gây chia rẽ, mua chuộc một số Tướng-lãnh có óc bè phái v.v... và giải-tán Thượng Hội Đồng.
- "Cô lập hóa" một số hội viên cùng chính khách "xôi thịt".
- Lưu nhiệm Quốc-Trưởng Phan-Khắc-Sửu và Thủ-Tướng Trần-Văn-Hương cho đến khi triệu tập Quốc Dân Đại Hội.

Một thời gian sau, đến ngày 27-1-65, Hội Đồng Quân-Lực lại ra tuyên cáo :

- "Quân-đội đã trả quyền từ 27-10-64 cho chánh quyền dân sự, nhưng tình thế mỗi ngày một rối ren. Nên sau ba ngày thảo-luận Hội Đồng quyết định Quân-Lực Việt-Nam Cộng-Hòa lại

phải đứng ra nhận trách nhiệm trước lịch sử.

- "Hội Đồng Quân-Lực ủy nhiệm Tướng Nguyễn-Khánh giải quyết cuộc khủng hoảng chính trị hiện tại.

Và theo quyết định QĐ 03/HĐQL, Nguyễn-Khánh đã lưu nhiệm Quốc-Trưởng Phan-Khắc-Sửu, và cử Phó Thủ-Tướng Nguyễn-Xuân-Oánh làm quyền Thủ-Tướng.

II. CHÍNH-PHỦ PHAN-HUY-QUÁT.

Kể từ khi giải nhiệm Thủ-Tướng Trần-Văn-Hương, Hội Đồng Quân-Lực đã cố gắng tìm kiếm một giải pháp để chấm dứt khủng hoảng bằng cách chỉ định một chính phủ không gây "bất bình" nơi các nhóm áp lực. Trong chiều hướng đó ngày 16-2-1965, Hội Đồng Quân-Lực ra tuyên cáo :

- Lãnh trọng trách tuyển nhậm Quốc-Trưởng và chỉ định Thủ-Tướng.
- Thành lập một Hội Đồng Quân Dân
- Triệu tập Quốc Dân Đại Hội
- Quân đội sẽ trở về vị trí quân sự (1)

Thừa ủy nhiệm của Hội Đồng Quân-Lực, ngày 16-2-65, ở tư cách Tổng Tư-Lệnh Quân-Lực VNCH, Đại-Tướng Nguyễn-Khánh quyết định :

- Tuyển nhiệm Ô. Phan-Khắc-Sửu làm Quốc-Trưởng
- Bổ nhiệm Ô. Phan-Huy-Quát làm Thủ-Tướng và ủy nhiệm cho ông này thành lập nội các (2)

Ngay buổi chiều ngày nói trên, hồi 17 giờ 30, tại dinh Gia-Long, Thủ-Tướng Phan-Huy-Quát và tân nội các trình diện Quốc-Trưởng với thành phần khiến Phật-giáo bằng lòng, vì có một số nhân viên có khuynh hướng Phật-giáo :

- Thủ-Tướng : BS Phan-Huy-Quát
- Phó Thủ-Tướng kiêm Tổng-Trưởng Quân-Lực : Trung-Tướng Nguyễn-Văn-Thiệu
- Phó Thủ-Tướng kiêm Tổng-Trưởng Ngoại-giao : BS Trần-Văn-Đỗ
- Phó Thủ-Tướng phụ trách kế-hoạch: Luật-sư Trần-Văn-Tuyên.
- Quốc-Vụ Khanh : BS Lê-Văn-Hoạch
- Quốc-Vụ Khanh tạm kiêm Tổng-Trưởng Giáo-Dục: BS Nguyễn-Tiến-Hỷ

(1) Tuyên cáo số 4 Hội Đồng Quân-Lực

(2) Quyết định số 5 Hội Đồng Quân-Lực

- Tổng Trưởng Thông-Tin Tâm-Lý-Chiến :
Thiếu-Tướng Linh-Quang-Viên
- Tổng-Trưởng Chiêu-Hồi : Ô. Trần-Văn-Ân
- Tổng-Trưởng Kinh-Tế : Ô. Nguyễn-Văn-Vinh
- Tổng-Trưởng Tài-Chánh : Giáo-sư Trần-Văn-Kiến
- Tổng-Trưởng Canh-Nông : Kỹ-sư Nguyễn-Ngọc-Tổ
- Tổng-Trưởng Giao-Thông Công-Chánh: Kỹ-sư Ngô-Trọng-Anh
- Tổng-Trưởng Nội-Vụ : Ô. Nguyễn-Hòa-Hiệp
- Tổng-Trưởng Xã-Hội : Ô. Trần-Quang-Thuận
- Tổng-Trưởng Y-Tê : BS Nguyễn-Tăng-Nguyên
- Tổng-Trưởng Lao-Động : Ô. Nguyễn-Văn-Hoàng
- Tổng-Trưởng Thanh-Niên: Y-sĩ Trung-Tá Nguyễn-Tấn-Hồng
- Bộ Trưởng Phủ Thủ-Tướng : Ô. Bùi-Diễm
- Thủ Trưởng Nội-Vụ : Giáo-sư Nguyễn-Văn-Tương
- Thủ Trưởng Công-Chánh : Kỹ-sư Bùi-Hữu-Tuấn (1).

Đồng thời, ngày 17-2-65, Hội-Đông Quân-Lực ra quyết định thành lập Hội-Đông Quốc-Gia Lập Pháp và ấn định thành phần Hội-Đông này như sau (20 hội-viên) :

- Luật-sư Nguyễn-Huy-Chiều
- Bác-sĩ Phạm-Hữu-Chương
- Trung-Tướng Phạm-Xuân-Chiều
- Đề-Độc Chung-Tân-Cang
- Thiếu-Tá Đỗ-Đặng-Công
- Giáo-sư Cao-Hữu-Đỉnh
- Giáo-sư Nguyễn-Lương-Hùng
- Bác-sĩ Phạm-Văn-Hạt
- Giáo-sư Bùi-Hữu-Tuấn
- Ông Trình-Quốc-Khánh
- Đại-Tá Đoàn-Chí-Khoan
- Giáo-sư Phan-Khoang
- Ông Nguyễn-Long
- Đại-Tá Bùi-Văn-Mạnh
- Ông Huỳnh-văn-Nhiệm
- Thiếu-Tá Nguyễn-Phúc-Quế
- Luật-sư Nguyễn-Lâm-Sanh
- Ông Nguyễn-Văn-Thanh
- Ông Nguyễn-Trần
- Ông Trần-Quang-Vinh (2)

(1) Sắc-lệnh 040/QT/SL.

(2) Quyết định số 6/HĐQL và Quyết-định số 7/HĐQL.

Nhìn qua thành phần chính-phủ, ta thấy đây là một chính phủ gần như là của đảng Đại-Việt Quan lại và sự xuất "rõ dần" của các Tướng-lãnh được mệnh danh là "trẻ". Dầu có sự "liên-kết" này, chính-phủ Phan-Huy-Quát cũng gặp rất nhiều khó-khăn trong nội bộ, cũng như áp lực bên ngoài.

Trong nội bộ là sự tranh giành ảnh hưởng, quyền-lực giữa Tướng Khánh và phe Tướng trẻ (đại diện là hai Tướng Nguyễn-văn-Thiệu và Nguyễn-Cao-Kỳ). Tướng Khánh vẫn còn nhiều sức mạnh và luôn tìm cách củng cố địa vị, còn các Tướng trẻ cũng đây tham vọng chính trị muốn "hất" tướng Khánh để dễ bề vẫy vùng !!... Thêm vào đó một số Sĩ-quan, binh-sĩ thuộc chế-độ cũ cũng muốn khôi phục quyền hành... Ngày 19-2-1965 Đại-Tá Phạm-Ngọc-Thảo lúc 12 giờ 30 đem quân chiếm vài địa điểm trong Đô-thành và Đại phát thanh Saigon ra tuyên cáo của "Lực lượng Bảo Vệ Dân-Tộc" chống Tướng Nguyễn-Khánh để lập một chính quyền dân sự. Nhân dịp này các Tướng trẻ dẹp quân đảo chánh và dẹp luôn cả Nguyễn-Khánh. Do Sắc-lệnh 046/QT/SL, Đại-Tướng Nguyễn-Khánh được cử làm Đại-sứ lưu động. Kể từ đó vai trò các Tướng trẻ đặc biệt là hai Tướng Nguyễn-Văn-Thiệu và Nguyễn-Cao-Kỳ trở nên quan trọng.

Chính-phủ Quát còn gặp khó khăn nơi Hội-Đồng Quốc-Gia Lập Pháp : Hội-Đồng này do Trung-Tướng Phạm-Xuân-Chiến làm chủ-tịch và có sự hiện diện của Quân-đội. Vì vậy ta không ngạc nhiên khi thấy sau này Hội-Đồng này đồng ý việc chính-phủ Quát chuyển quyền qua Quân-đội.

Áp lực mạnh mẽ nhất khiến chính phủ Quát phải trả quyền lại Quân-đội là sự chống đối của "Công-giáo". Sự ra đời của chính-phủ Trần-Văn-Hương là một điều khiến khối Phật-giáo bằng lòng thỏa mãn, ngược lại khối Công-giáo lấy làm khó chịu. Sự khó chịu này lại càng gia tăng khi chính-phủ mới (Phan-Huy-Quát) có các hành-động như nhượng bộ các đòi-hỏi và lãn hải lòng Phật-giáo như :

- Kiểm kê các tài-sản gia-đình của cố Tổng-Thống Diệm
- Thành lập ủy ban liên Bộ xét việc phóng thích tất cả các người bị bắt giữ vì tham gia các cuộc biểu tình trước (Phần lớn là tín đồ Phật-giáo).

Vì được ưu đãi, Phật-giáo tỏ vẻ thân thiện và triệt để ủng-hộ chính-phủ Phan-Huy-Quát :

- Ngày 20-2-65 Thượng-Tọa Thích-Tâm-Châu kêu gọi dân chúng ủng hộ Hội Đồng Quân-Lực chống lại cuộc biểu dương lực-lượng ngày 19-2-1965 của Dương-Văn-Đức, Phạm-Ngọc-Thảo, Lâm-Văn-Phát.
- Phật-giáo ủng hộ cuộc bầu cử Hội-Đồng Đô-Thành, Tỉnh, Thị-xã ngày 30-5-1965 do chánh phủ Quát tổ chức.

Đáp lại ngày 25-5-1965 Chánh-phủ Quát cải-tổ đưa nhiều người Phật-giáo thêm vào chánh-phủ :

- Ông Trần-Văn-Thoàn : Tổng-Trưởng Hội-Vụ thay Nguyễn-Hòa-Hiệp
- Ông Nguyễn-Trung-Trình : Tổng-Trưởng Kinh-Tê thay Nguyễn-Văn-Vinh
- Ông Bình-Trình-Chính : Bộ Trưởng Thông-Tin
- Ông Trần-Thanh-Hiệp : Bộ Trưởng Lao-Động.

Giữa buổi trình diện nội các cải tổ lên Quốc-Trưởng Phan-Khắc-Sửu, Quốc-Trưởng cho biết không thể ký bổ nhiệm Ông Trần-Văn-Thoàn và Nguyễn-Trung-Trình vì lẽ các Ông Nguyễn-Hòa-Hiệp và Nguyễn-Văn-Vinh không từ chức (1). Thế là khủng hoảng xảy ra.

Lợi dụng cơ hội này "Công-giáo" vùng dậy tranh đấu lật đổ chánh phủ Quát. Lý do bất tín nhiệm chánh phủ Phan-Huy-Quát được lực lượng Đại Đoàn Kết do Linh-sực Hoàng-Quốc-lâm làm chủ tịch đệ trình Quốc-Trưởng Phan-Khắc-Sửu ngày 26-5-1965.

- "Sự thành lập chánh-phủ Phan-Huy-Quát là bất hợp pháp và bất chính vì do Tướng Khánh lập quyền.
- Bản dự thảo qui chế tôn-giáo của chánh phủ Phan-Huy-Quát có tính cách độc tài nhằm tiêu diệt căn bản tự do tín-ngưỡng và tự do hành đạo của tôn giáo.
- Chính phủ Quát không đẩy mạnh được công cuộc chống Cộng, cầu kết với thực dân Pháp và trung-lập làm lợi cho Cộng-sản (2).

Cuộc tranh đấu chống chánh-phủ Quát của Công-giáo đã được các tôn giáo khác ngoài Phật-giáo thông nhất : Cao-Dài, Hòa-Hảo, Tổng Hội Phật Giáo, và nhất là Quốc-Trưởng Phan-Khắc-Sửu ủng hộ tích cực hoặc tiêu cực...

(1) Đoàn Thêm : việc từng ngày 1965 (Saigon: Tiên Bộ 1968), tr85

(2) Phạm-Ngọc-Phi : Op. Cit. trang 61

Cuối cùng ngày 11-6-1965 để giải quyết khủng hoảng, Quốc-Trưởng Phan-Khắc-Sửu và Thủ-Tướng Phan-Huy-Quát giao trả Quân-đội trách nhiệm và quyền lãnh đạo Quốc-gia.

Chính tranh đấu của tôn giáo đã tạo ra chánh phủ Phan-Huy-Quát, thì cũng chính tranh đấu của tôn giáo đã lật đổ chính phủ này, và đem đến sự trở lại chính quyền của Quân-đội.

Các chính-phủ "dân sự" sau chính biến 1-11-63 sở dĩ luôn thất bại vì các chính-phủ này chỉ do quân-đội ủy nhiệm, nên không có uy tín với dân chúng và các lực lượng chánh-trị. Do quân-đội khai sinh, nên luôn bị quân đội áp lực, các chính phủ dân sự, không thể nào có toàn quyền hành động, do đó dễ dâm ra lung tung trước những biến động chóng đổi v.v...

C. GIAI-ĐOẠN CHUYỂN TIẾP

I. ỦY-BAN LÃNH-ĐẠO QUỐC-GIA VÀ ỦY BAN HÀNH PHÁP TRUNG ƯƠNG

Có người gọi giai đoạn từ 6/1965 đến 1967 là giai đoạn "Quân-nhân trở lại chính-quyền" vì cho rằng trong giai đoạn này, quân-đội thực sự đã trực tiếp lãnh đạo quốc-gia (do Quốc-Trưởng Phan-Khắc-Sửu trao lại). Điều này rất hữu lý. Nhưng chúng ta còn có thể gọi giai đoạn này là giai đoạn chuyển tiếp, bởi như đã nói đây là giai đoạn cuối cùng của những "thay đổi" để tiến tới một chế độ có cơ chế vững vàng (!!)... đệ II Cộng-Hòa với Hiến-Pháp 1-4-1967.

Ngày 11-6-1965 Quân-đội đã chấm dứt tranh chấp giữa chánh phủ và Quốc-Trưởng bằng cách chấp nhận sự từ chức của hai ông Phan-Khắc-Sửu (Quốc-Trưởng) và Phan-Huy-Quát (Thủ-Tướng). Qua ngày 14-6-1965 một Ủy Ban Lãnh-đạo Quốc-gia được thành lập gồm :

- Chủ-tịch : Trung-Tướng Nguyễn-Văn-Thiệu
- 1 Ủy Viên Hành pháp : Thiếu-Tướng Nguyễn-Cao-Kỳ
- 1 Tổng Thư ký : Trung-Tướng Phạm-Xuân-Chiếu.

Ngày 19-6-1965 Đại Hội Đồng Quân-Lực ban hành một bản Ước Pháp tạm thời gồm một lời nói đầu, 07 thiên, 25 điều qui-định thiết lập :

- Đại Hội Đồng Quân Lực

- Ủy Ban Lãnh Đạo Quốc-Gia (trong đó có Ủy Ban Hành Pháp Trung Ương)
- Hội Đồng An-Minh Quốc-gia
- Hội Đồng Kinh-tế Xã-hội
- Thượng Hội Đồng Thẩm Phán (1)

Ngày ngày hôm đó, sắc-lệnh số 001-a/CT/LĐQG do Chủ-tịch Ủy Ban Lãnh Đạo Quốc-Gia ban hành qui định thành phần Ủy Ban Hành Pháp Trung Ương (chánh phủ) như sau :

- Chủ-tịch : Thiếu-Tướng Nguyễn-Cao-Kỳ
- Tổng Ủy Viên Ngoại Giao : BS Trần-Văn-Đỗ
- Tổng Ủy Viên Tư Pháp : LS Lữ-Văn-Vi
- Tổng Ủy Viên Chiến Tranh kiêm Ủy Viên Quốc-Phòng :
Trung-Tướng Nguyễn-Hữu-Cố
- Tổng Ủy Viên Kinh-Tế Tài-Chánh : Ô. Trương-Thái-Tôn
- Tổng Ủy Viên Văn Hóa Xã-Hội : Giáo-sư Trần-Ngọc-Ninh
- Ủy Viên Nội Vụ : Ô. Trần-Minh-Tiết
- Ủy Viên Tâm-Lý-Chiến : Ô. Đinh-Trình-Chính
- Ủy Viên Xây Dựng Nông Thôn : Ô. Nguyễn-Tất-Ứng
- Ủy Viên Thanh-Niên : Ô. Nguyễn-Tân-Hồng
- Ủy Viên Tài-Chánh : Giáo-sư Trần-Văn-Kiện
- Ủy Viên Canh-Nông : Ô. Lâm-Văn-Trí
- Ủy Viên Công Chánh : Ô. Ngô-Trọng-Anh
- Ủy Viên Y-Tế : BS Nguyễn-Bá-Khả
- Ủy Viên Lao-Động : Ô. Nguyễn-Xuân-Phong
- Ủy Viên Xã Hội : Ô. Trần-Ngọc-Liền
- Thứ Trưởng Nội Vụ : Giáo-sư Nguyễn-Văn-Tương
- Thứ Trưởng Giao-thông Công-Chánh : Kỹ-sư Bùi-Hữu-Tuấn (2)

Kể từ ngày 1-11-1963 cho tới ngày thành lập nền đệ II Cộng-Hòa, cơ chế tạm thời do Ước Pháp 19-6-1965 là một cơ chế lâu bền nhất (19-6-65 - 31-10-67). Với sự trực tiếp cầm quyền của Quân-đội, người ta nghĩ rằng từ nay (19-6-65) Quân-đội sẽ thống nhất để đối phó với hiểm họa Cộng-sản và xây-dựng lại những gì đổ vỡ sau ngày 1-11-1963. Nhưng chỉ một thời gian ngắn sau lưng cùng, rối loạn cũng xảy ra (tuy không đến nỗi làm xóa bỏ hẳn cơ chế của Ước Pháp tạm thời) :

(1) Trương-Tiến-Dạt : Op. Cit - Trang 418 đến 424

(2) Đoàn Thêm : Op. Cit - trang 100, 101

- * Tranh chấp của Phật-giáo miền Trung (sẽ đề cập chi tiết ở phần số II nói về việc hình thành Hiến Pháp 1-4-67).
- * Sự tranh chấp quyền hành của hai vị chủ-tịch : Ủy Ban Lãnh Đạo Quốc Gia và Ủy Ban Hành Pháp Trung Ương : Tướng Thiệu tuy làm Chủ-tịch Ủy Ban Lãnh-Đạo Quốc-Gia, nhưng chỉ là cơ quan chỉ đạo trên lý thuyết - còn thực sự quyền hành nằm trong tay chánh phủ (UBHPTU) do Tướng Kỳ làm Chủ-tịch. Cả hai Tướng lại đều cố gắng tăng cường uy tín, quyền hành để hy vọng ở chức vụ nguyên thủ thực thụ sau này...
- * Nội các Chiến-tranh (UBHPTU) đã phải cải tổ tất cả ba lần, tăng cường một lần và có một số Tổng Trưởng tử chức :
 - Ngày 1-10-1965 Thiệu-Tướng Nguyễn-Đức-Thắng được cử làm Tổng Ủy Viên Xây-Dựng Nông-Thôn (chức vụ của Ông Nguyễn Tất Ứng).
 - . Thiệu-Tướng Nguyễn-Hữu-Cổ làm Phó Chủ-tịch Ủy Ban Hành Pháp Trung Ương.
 - . Về phía quân đội ta cũng thấy một vài sửa đổi :
 - * Tổng Tham Mưu Trưởng : Thiệu-Tướng Cao-Văn-Viên
 - * Tư-lệnh Quân Đoàn III : Chuẩn-Tướng Nguyễn-Bảo-Trị(1).
 - Ngày 21-2-1966, Chính-phủ Nguyễn-Cao-Kỳ cải tổ (2)
 - Ô. Âu-Trường-Thanh : Tổng Ủy Viên Kinh-tế Tài-chánh thay Trương-Thái-Tôn
 - . Trương-Thái-Tôn : Ủy Viên Cố-văn Kinh-tế
 - . Ngô-Trọng-Anh : Ủy Viên đặc trách thanh-tra
 - . Nguyễn-Hữu-Túy : Phụ-tá Ủy Viên đặc trách thanh-tra
 - . Trương-Văn-Thuần : Ủy-Viên Giao-thông Vận-tải
 - . Bùi Diễm : Ủy Viên Phụ-tá Ngoại-giao
 - . Bùi-Hữu-Tuấn : Ủy Viên Công-Chánh
 - . Võ-Long-Triều : Ủy Viên Thanh Niên thay Nguyễn-Tấn-Hồng.
 - . Nguyễn-Tấn-Hồng : Ủy Viên Cựu Chiến-sĩ
 - . Paul Nur : Đặc Ủy Thượng vụ
 - . Nguyễn-Phúc-Quế : Đặc Ủy Tị Nạn Cộng-sản
 - . Trần-Đỗ-Cung : Tổng Cục Trưởng Tiếp-Tê (2)

Các Bộ khác không thay đổi.

(1) Đoàn-Thêm : Op. Cit - trang 155

(2) Đoàn-Thêm : "Việc từng ngày 1966" (Saigon-Tiến Bộ 68), tr.33

- Ngày 13-7-1966 Ủy Ban Hành Pháp Trung Ương tăng cường thêm một số Ủy Viên và Tổng Ủy Viên mới :

- Nguyễn-Lưu-Viên
- Nguyễn-Văn-Trường
- Nguyễn-Bảo-Trị
- Nguyễn-Hữu-Hùng

Có vài Ủy Viên đổi Bộ hoặc lên làm Phụ-tá Chủ-Tịch.
Tổng số Ủy Viên và Tổng Ủy Viên của UBHPTƯ là 26 người. (1)

- Ngày 18-10-1966 : Tổng Ủy Viên Kinh-Tế Tài-chánh Âu-Trường-Thanh đệ đơn từ chức, kéo theo 6 Ủy Viên khác vì lý do tự do cá nhân của công chức cao-cấp không được bảo đảm. (2)

- Ngày 18-11-1966 : Chánh-phủ Nguyễn-Cao-Kỷ lại cải-tổ cố thêm Bộ Văn-Hóa, Ủy Viên là Phó Chủ-Tịch Nguyễn-Lưu-Viên kiêm nhiệm Tổng Ủy Viên Giáo-Dục.

- . Giáo dục : Bác sĩ Nguyễn-Văn-Thơ
- . Thương mại: Ô. Nguyễn Kiên Thiện Ân
- . Xã hội : Ô. Nguyễn-Xuân-Phong
- . Thanh niên : Đại-Tá Hồ Văn Di Hình
- . Công kỹ nghệ: Phụ-tá Chủ-tịch Trương-Thái-Tôn

Kỳ dư các Bộ khác không thay đổi. (3)

* Ngoài ra ta còn thấy thời kỳ của Ủy Ban Lãnh-Đạo Quốc-Gia là thời kỳ chiến tranh trở nên dữ dội. Và mức độ can thiệp của Hoa-Kỳ gia tăng mạnh mẽ.

- . Ngày 21-7-1965 có sự thay đổi trong tổ chức quân-đội Hoa-Kỳ tại Việt-Nam : Bộ Tư-Lệnh yểm trợ (US Support Command) thành "Bộ Tư-Lệnh quân đội Mỹ (US Army Command) với quyền hành điều động toàn quân lực Mỹ tại Việt-Nam(4).
- . Hoa-Kỳ bắt đầu oanh tạc Bắc-Việt (2-3-65).
- . Quân số Hoa-Kỳ tại Việt-Nam

* Tính tới 08-6-1965 (trước ngày thành hình UBLĐQG 11 ngày)
51.000 người (5)

(1) Đoàn Thêm :	Op. Cit	trang 135
(2)	Ibid	trang 192
(3)	Ibid	trang 209
(4) Đoàn Thêm :	Op. Cit	trang 120
(5) Đoàn Thêm :	Op. Cit	trang 228

* Tính tới 15-11-1967 (sau ngày chấm dứt UBLĐQG và UBHPTƯ 15 ngày) : 468.000 người (1)

Tuy gặp những khó khăn kể trên, UNLĐQG và UBHPTƯ cũng đã thực hiện được một số công việc đáng kể :

- Thành công phần nào trong kế hoạch xây-dựng nông-thôn, tái lập áp chiến lược qua hình thức "Áp Tân sinh" (xây dựng hạ tầng cơ sở)
- Vấn đề trật tự, an-ninh Quốc-gia nhờ các biện pháp cương-quyết.
- Ngăn chặn được sự bành trướng của Cộng-sản.
- Xây dựng chế độ dân chủ bằng các công cuộc :
 - . Tổ chức bầu cử Quốc-Hội Lập Hiến (11-1-1966)
 - . Tổ chức bầu cử Tổng-Thống, Thượng Viện (3-9-67), Hạ Viện (22-10-1967).

Qua một nét nhìn sơ lược về giai đoạn chuyển tiếp, chúng ta thấy tư thế của hai Tướng Nguyễn-Văn-Thiệu, Nguyễn-Cao-Kỳ càng ngày càng vững vàng và vươn lên. Đồng thời Đảng Đại-Việt Quan-lại tuy không chính thức nắm những chức vụ đầu não, nhưng có thể nói là một thành phần thao túng chánh trường.

Một tính chất khác cũng đáng chú ý là sự gia tăng nỗ lực chiến tranh của Hoa-Kỳ và chiến-tranh khốc liệt xảy ra trên đất nước.

Nhưng đầu sao ta cũng công nhận là UBLĐQG và UBHPTƯ đã có phần nào công lao ổn định được tình hình, ngăn chặn bước tiến của Cộng-sản xâm lăng và nhất là đã tạo cho miền Nam một chế độ tương đối dân chủ như ngày nay.

II. VIỆC HÌNH THÀNH HIẾN-PHÁP 1-4-1967

Sau một thời kỳ cực kỳ hỗn loạn, nhu cầu ổn định tình-hình chính-trị để "chống Cộng", để phát triển Quốc-gia trở thành cấp thiết và quan trọng. Người ta thường cho rằng một trong những nguyên nhân tạo ra "khủng hoảng chính-trị" là sự khiếm khuyết các định chế dân-chủ. Do đó, việc hình

(1) Đoàn Thêm :Việc từng ngày 1967 (Saigon:Tiến-Bộ 1968)tr322

thành một bản Hiến-pháp, căn bản xây dựng thể chế và các định chế dân chủ phải là công việc được đặt vào tư thế "ưu tiên số một". Bản Hiến-pháp đệ II Cộng-Hòa 1-4-1967 đã ra đời để đáp ứng nhu cầu, nguyện vọng của toàn dân sau bao tranh đấu, đòi hỏi...

Việc hình thành bản Hiến-pháp đệ II Cộng-Hòa, sẽ được lược xét qua các điểm chính sau đây :

- Biên-cổ miền Trung và
- Việc ban-hành Hiến-Pháp 1-4-1967.

BIÊN-CỔ MIỀN TRUNG

"Biên-cổ Miền Trung" hay công cuộc "Tranh-thủ dân chủ" được coi là nguyên nhân dẫn đưa tới việc triệu tập Quốc-hội Lập Hiến và hình thành Hiến-Pháp 1-4-67. Có thể nói, đây là biến cố quan trọng nhất trong "thời kỳ chuyển tiếp", và còn lưu lại ảnh hưởng cho tới ngày nay. Chúng ta sẽ xét biến-cổ Miền Trung theo một thứ tự :

- . Nguyên nhân
- . Diễn tiến
- . Hậu quả
- . Và sắc thái của biến-cổ.

1. Nguyên-nhân

a. Nguyên nhân gần : Nguyên nhân gần và dễ thấy nhất của một chuỗi những biến cố Miền Trung là việc cất chức Tướng Nguyễn-Chánh-Thị, Tư-lệnh Quân-Đoàn I. Tướng Thị, là người cầm đầu cuộc đảo chánh hụt ngày 11-11-1960, sau "Cách Mạng 1-11-1963" được mời về nước. Với cương vị Tư-lệnh Quân-Đoàn I, Tướng Thị đã được "Phật-giáo", đặc biệt là "Phật-giáo Miền Trung" ủng hộ nhiệt liệt vì ông này thân Phật-giáo và có những hành động có lợi cho Phật-giáo như ngầm yểm trợ cho các phong trào tranh đấu của các tổ chức mà Phật-giáo đỡ đầu: "Lực-lượng Nhân Dân Kiến-Quốc", ... Ngày 11-3-1966, Hội Đồng Tướng-lãnh và Ủy Ban Lãnh-Đạo Quốc-gia họp 5 tiếng đồng hồ tại Bộ Tổng Tham-Mưu và quyết định cho Trung-Tướng Nguyễn-Chánh-Thị, Tư-lệnh Vùng 1 Chiến-thuật kiêm Đại-biêu chánh-phủ tại vùng này, được nghỉ phép để đi chữa bệnh mũi. Ngày

13-3-1966, Hội Đồng Tướng-lãnh lại họp lần nữa với 32 phiếu thuận, 4 phiếu trắng quyết định cho Tướng Thi nghỉ việc (1). Lý do cho Tướng Thi nghỉ việc tuy không được đề cập đến, nhưng người ta có thể hiểu qua một vài lý do :

- Tướng Thi đã dung dưỡng các phong trào đấu tranh ở miền Trung.
- Tướng Thi được ủng hộ của Phật-giáo lần lần tìm cách bứt lẹ thuộc Trung-ương.
- Quân Mỹ đang gia tăng đổ bộ vào miền Trung (Tướng Thi có thể là một trở ngại).

Ngay sau các quyết định của Hội Đồng Tướng-lãnh và Ủy Ban Lãnh Đạo Quốc-Gia, Viện Hóa Đạo của Phật-giáo vội lên tiếng yêu cầu phải trọng dụng các Tướng-lãnh "có công với Cách Mạng". (2)

Ngày 16-3-66, Tướng Thi trở lại Đà-Nẵng đã mở màn cho một cuộc chống đối nhằm ủng hộ ông. Sau này cuộc chống đối đòi lưu dụng Tướng Thi đã biến thành cuộc tranh đấu đòi hỏi dân-chủ, Quốc-hội, Hiến-pháp...

b. Nguyên-nhân xa

. Nguyên-nhân sâu xa của "Biến cố Miền Trung" ở một khía cạnh có thể cho rằng vẫn do "mặc cảm" của Phật-giáo. Sau khi chánh-phủ Phan-Huy-Quát đổ do áp lực của Công-giáo, và một chánh phủ quân nhân được thành lập, Phật-giáo cảm thấy vũ thế chánh-trị của mình bị suy giảm : Phật-giáo không còn là một tôn giáo độc bá trên trường chánh-trị, chánh phủ quân-nhân ít tỏ nể sợ Phật-giáo... Mặc cảm này càng được tô đậm thêm sau vụ Tướng Thi, một Tướng-lãnh Phật-giáo có thể chỉ phối bị mất chức Tư-lệnh Vùng I kiêm Đại-biêu chánh-phủ Miền Trung, một miền "các Thầy" có nhiều ảnh hưởng...

. Mặt khác như đã đề cập sơ lược sự khiếm khuyết định chế dân chủ cũng đã khiến hỗn loạn thường xuyên xảy ra; Sự vắng bóng của các đảng phái chánh trị có thực lực làm cho dân chúng chỉ còn biết trông cậy vào tôn giáo, do đó rất dễ bị lôi cuốn theo các "mặc cảm" của tôn giáo...

(1) Đoàn Thêm : Op. Cit. - trang 42 - 43

(2) Ibid - trang 43.

. Ngoài ra chúng ta cũng thấy sự can thiệp của Hoa-Kỳ gia tăng rõ-rệt, điển hình là sự gia tăng về quân số : từ 181.000 người vào 1-1-66 (trước biến cố miền Trung) lên đến 292.000 người ngày 13-8-66 (sau biến cố miền Trung) và 468.000 người tính tới 31-12-1967. Tình hình xáo trộn, quân đội được sử dụng để tái lập trật tự... và Cộng-sản lợi-dụng cơ hội xâm-nhập, tăng cường phá-hoại khắp nơi. Như vậy sự gia tăng quân số Huế-Kỳ càng có lý do vững chắc...

2. Diễn-tiến biến-cố Miền Trung

Sau khi Tướng Thi bị cho nghỉ việc, và Viện Hóa Đạo ra thông cáo phản đối, Đại-Tá Đàm-Quang-Yêu, Đặc-khu Trưởng Quảng-Đà tuyên bố trên đài phát thanh chống lại sự thay đổi chức vụ Tư-lệnh Quân-Đoàn (một) I. Ngày 16-3-66, Tướng Thi trở lại Đà-Nẵng, tiếp theo là những rối loạn liên tiếp xảy ra tại Đà-Nẵng, Huế sau đó lan ra khắp Quân-Khu I và một vài tỉnh thuộc Quân Khu II. Tại Saigon, Tổng Vụ Thanh-Niên Phật-Tử cho ra đời "Lực-lượng Thanh-Niên Phật-Tử" để yểm-trợ cho cuộc tranh đấu ủng hộ Tướng Thi, chống chánh-phủ Thiệu + Kỳ, và sau này đòi hỏi dân chủ, nhưng mức độ yếu hơn so với các tỉnh miền Trung (được chính quyền địa phương cầm đầu). Các hình thức tranh đấu thường có tính cách bạo động như :

- Biểu tình cổ võ trang, bắn phá vào các cơ sở đảng phái và tôn-giáo khác, điển hình là vụ Tam-Tòa Đà-Nẵng và việc đốt trụ-sở Việt-Nam Quốc-Dân Đảng tại miền Trung.
- Chiếm đài phát thanh và hệ thống thông-tin công để phát thanh, phổ biến tuyên ngôn, tuyên cáo chống chánh-phủ.(1)
- Lôi kéo nhiều quân nhân (có khi ở cấp đơn vị) đem theo súng ống chống chánh-phủ.
- Đốt phá công sở, cơ sở ngoại quốc và tư nhân.

Lý do và đòi hỏi của cuộc tranh đấu, có thể coi như là của Phật-giáo và được phổ biến trong cuộc họp báo ngày 13-6-66 gồm ba điểm chính :

(1) Phạm-ngọc-Thi : Op. Cit - trang 66

- Các tướng có công với Cách-mạng dù ở trong nước hay ngoại quốc, phải được trở lại quân-đội, Tướng Thi phải được đối xử tử-tế.
- Lập chánh-phủ đoàn kết và các Tướng-lãnh trở về cương vị quân-sự.
- Phải có một Quốc-Hội. (1)

Để yểm trợ cho lập trường trên, Phật-giáo Thống Nhất liên tiếp tổ chức các buổi thuyết pháp hô hào, các cuộc biểu tình ủng hộ và sau này khi yếu thế : tự thiêu, đem bản thờ Phật xuống đường... Các lãnh tụ Phật-giáo dường như đã cố ý làm cho tin đồn lầm lẫn rằng có cuộc xúc phạm tôn giáo. Phật-giáo còn cố ý chuyển hướng (có tiếp tay của Cộng-sản ?) phần nào công cuộc tranh đấu đòi hỏi dân chủ qua chiều hướng bài Mỹ, nhưng lại luôn kêu gọi Mỹ ngưng ủng hộ chế độ Thiệu-Kỳ!!...

Về phía Công-giáo, không muốn vắng mặt, cũng đưa ra một vài phản ứng để chứng tỏ sự "hiện diện" và lo lắng của mình trước tình hình đất nước. Tuy không bằng lòng về thành phần Nội-các chiến-tranh vì cho rằng chính-phủ này là chánh-phủ Quát trá hình với rất nhiều đảng viên Đại-Việt : Đinh-Trình-Chính, Nguyễn-Tấn-Hồng, Phạm-Văn-Liêu, Trần-Ngọc-Ninh, Trần-văn-Kiện v.v... (2), nhưng vì tin tưởng chánh phủ này sẽ chống Cộng tới cùng nên có khuynh hướng dù không ủng hộ, cũng không gây khó dễ nhằm mục đích để chánh phủ này rảnh tay dồn mọi nỗ lực để chống Cộng. Dầu vậy để chứng tỏ cũng mong mỗi dân chủ, ngày 27-3-1966, Linh-mục Hoàng-Quỳnh cũng tuyên bố chủ trương lập một chính-phủ dân sự, song ông cũng chứng tỏ rằng người Công-giáo không muốn có sự bạo động, và thấy chưa thể tổng tuyên cử trong lúc này. (3)

Để đối phó và giải quyết "biến-cố Miền Trung", nhà cầm quyền lúc đó đã không tiên liệu trước diễn biến cuộc tranh-đấu (kể từ khi thay Tướng Thi), nên đã lúng túng, không dứt khoát trước đòi hỏi của các nhóm tranh đấu. Khi cuộc tranh-đấu trở nên dữ dội, chánh quyền vừa ve vuốt, vừa dùng các

(1) Đoàn-Thêm : Op. Cit - trang 43

(2) Nhận định "kiểm điểm tình hình sau 3 tháng chấp chánh của các Tướng-lãnh" của lực-lượng Đại Đoàn Kết ngày 26-9-65.

(3) Đoàn-Thêm : Op. Cit - trang 51.

biện-pháp mạnh-mẽ, cứng rắn để đàn áp.

* Biện-pháp cứng rắn : Trước tình trạng rối loạn tại Miền Trung và Saigon và tinh thần chia rẽ đã mạnh nha phát sinh trong hàng ngũ quân nhân, cùng sự thất vọng, chán nản và mệt mỏi của toàn dân, chính-quyền đã sử dụng các biện pháp mạnh mẽ để chặn đứng phần nào rối loạn như :

- Giải tán Tuyên-Ủy Phật-giáo cấp Tiểu-đoàn và Đại-đội.

-Đem quân-đội và Cảnh-sát dẹp các cuộc biểu tình, nổi loạn, đem bàn thờ Phật xuốngđường tại Huế, Đà Nẵng, Nha-trang, Dalat, Saigon v.v...

- Bao vây, lục soát các cứ điểm của phe tranh đấu : Viện Hóa Đạo (22, 23-6-66) - Chùa Ấn-Quang (27-6-66) (1) Từ Đàm Huế (24-6-66).

-Lên án và truy tố các phần tử chủ chốt của phe tranh đấu. Cung an trị các nhân vật lãnh tụ Phật-giáo đã trực tiếp nhúng tay vào cuộc biến động.

* Biện-pháp mềm dẻo : Nhằm thỏa mãn những nguyện vọng chính đáng của toàn dân, chánh quyền đã thi hành các biện pháp mềm dẻo, hợp lý sau :

- Giảm bớt sự thao túng của quân đội và "mở rộng" công cuộc lãnh đạo quốc gia cho các chính khách dân sự :

. Triệu tập Đại Hội chánh trị để thu thập nguyện vọng của dân chúng. Đại Hội được triệu tập vào ngày 12-4-66 tại Hội trường Diên Hồng gồm 92 người tham dự (trong số 170 được mời). Tuy nhiên đại hội này không có sự tham dự của đại diện Phật-giáo và Công-giáo.

. Tăng cường Ủy Ban Lãnh Đạo Quốc-Gia bằng cách mời thêm các vị nhân sĩ dân sự :

Trần-văn-Đỗ	}	Việt-Nam Quốc Dân Đảng
Phạm-hữu-Chương		
Phan-Khoang		

Nguyễn-văn-Huyền	}	Công-giáo
Vũ-ngọc-Trần		

(1) Đoàn-Thêm : Op. Cit - trang 115, 120, 124.

Trần-văn-Ân } Cao-Đài
Văn-thành-Cao }

Nguyễn-lưu-Viên

Quan-hữu-Kim } Hòa-Hảo
Huỳnh-văn-Nhiệm }

. Triệu tập Hội Đồng Quân Dân ngày 10-6-66. (1)

- Xúc tiến việc thiết lập nền móng dân chủ

. Ban hành sắc-luật triệu tập Quốc-Hội Lập Hiến (Sắc-luật 14/66 ngày 14-4-66). (2)

. Ban hành Sắc-luật thiết lập Quốc Hội Lập Hiến với 108 dân biểu sẽ được bầu lên (sau tăng lên 117) để soạn-thảo Hiến Pháp (Sắc-luật 21/66 ngày 19-6-66).

. Ấn định thể thức bầu cử Quốc Hội Lập Hiến vào ngày 11-9-1966 theo phương thức phổ thông, trực tiếp và kín. (Sắc luật 22/66 ngày 19-6-66). (3)

. Tổ chức bầu cử Quốc Hội Lập Hiến với tỉ lệ từ 64% đến 93% cử tri đi bỏ phiếu. (4)

Các giải pháp của chính-quyền thường đi song song hay đi sau các đòi hỏi, tranh đấu của Phật-giáo, thêm vào đó lại gặp sự đàn áp mạnh mẽ, nên Phật-giáo có cảm tưởng bị chèn ép, "đồn vào chân tường"... Do đó họ càng phản ứng quyết liệt đến độ gần như mọi mục tiêu tranh đấu đòi dân chủ chỉ là phụ thuộc, còn việc lật đổ chánh quyền Thiệu - Kỳ mới là quan trọng đối với Phật-giáo. Và cũng vì vậy Phật-giáo đã phát động phong trào tẩy chay các cuộc bầu cử Quốc Hội Lập Hiến, Tổng-Thống, Thượng-Viện sau này.

3. Hậu-quả.

Biến-cố Miền Trung, còn gọi là sự tranh thủ dân chủ như đã biết là một biến cố quan trọng, do đó đã gây nhiều hậu quả trên chính trường Việt-Nam. Ta có thể phân chia thành hai loại hậu quả: hậu quả bất lợi và hậu quả thuận lợi:

- (1) Đoàn-Thêm : Op. Cit - trang 65, 108, 240.
- (2) Ibid - trang 66.
- (3) Đoàn-Thêm : Op. Cit - trang 118
- Trương-tiến-Đạt: Op. Cit- trang 425.
- (4) Đoàn-Thêm : Op. Cit. - trang 172.

a. Hậu-quả bất lợi

+) Sự chia rẽ trong hàng ngũ tôn giáo : như sẽ đề cập rõ ở đoạn II, cuộc khủng hoảng chính quyền đã gây ra sự chia rẽ, phân hóa trong hàng ngũ tôn giáo. Miền Trung với sự hội nhập tích cực của Phật-giáo, cũng không tránh khỏi tình trạng chia rẽ, phân hóa tôn giáo này.

α) Về phía Phật-giáo : Hai giáo hội Phật giáo thống nhất được thành hình dần khởi mầm mống do biến động này. Phật-giáo Miền Trung do các thầy bên Ấn-Quang chủ trương hành động bạo động, quá khích, chống đối quyết liệt chính quyền Thiệu-Kỳ. Ngược lại, Phật-giáo "Bắc di cư" do thầy Tâm-Châu hướng dẫn chủ trương ôn hòa hơn và chấp nhận nói chuyện, thỏa hiệp với chánh-quyền.

Tình trạng chia rẽ được lộ diện mạnh mẽ dần dà qua các lời tố cáo, đả kích nhau mới đầu còn nhẹ và kín đáo, sau mạnh và công khai. Cuối cùng ngày 18-7-67 một Hiến-chương mới của Giáo Hội Phật-giáo Thống Nhất trụ sở tại Việt-Nam Quốc-Tự thành hình và được chánh quyền công nhận. Hiến-chương cũ vẫn được áp dụng bởi phe cũng mệnh danh Giáo Hội Phật-giáo Việt Nam Thống Nhất trụ sở tại chùa Ấn-Quang. Kể từ đó, chính thức khối Phật-giáo bị chia làm hai. Đó là chưa kể đến Tổng Giáo Hội Phật-giáo của Hòa-Thượng Thích-Minh-Trực và Hội Phật Học Nam-Việt do Ông Chánh-trí Mai-thọ-Truyền làm hội trưởng, đã hoạt động từ trước và không lệ thuộc Giáo Hội Việt-Nam Thống Nhất.

β) Về phía Công-giáo : Khối Công-giáo được tổ chức chặt chẽ theo một hệ thống quốc-tế, trước biến động trên cũng gặp một vai rạn nứt trong hàng ngũ giới lãnh đạo hành động. Đó là sự tách rời khỏi Lực-lượng Đại-Đoàn-Kết của Linh-mục Hoàng-Quỳnh để thành lập khối Công Dân Công-Giáo và Mặt trận Công Dân các tôn giáo tổ về thân thiện với phe Ấn Quang.

Sự phân hóa, chia rẽ của tôn giáo đã kéo theo những phân hóa chia rẽ của các giới quần chúng, quân đội tùy theo khuynh hướng chính-trị, ảnh hưởng tôn giáo của mình. Điều này là một điều tai hại nhất cho quốc-gia, dân-tộc.

b. Hậu quả thuận lợi :

Hậu quả thuận lợi cho đất nước do sự tranh thủ dân chủ đem lại là bản Hiến Pháp đệ II Cộng-Hòa, và sự hình thành các định chế dân chủ theo bản Hiến Pháp này. Đây là nguyện vọng của đa phần dân chúng. Phật-giáo tuy đã đem lại nhiều rối loạn, nhưng với thành quả này, cũng đã xóa nhòa phần lớn những tai hại gây ra cho đất nước do những rối loạn này. Dầu vậy, không ai có thể kết luận cho rằng thành quả này do độc nhất công lao của Phật-giáo ! Đó là công lao và thành quả của toàn dân.

4. Sắc thái biến-cổ Miền Trung

a. Sự suy yếu của Phật-giáo : Cuộc tranh đấu đòi dân chủ của Phật-giáo tuy thành công cho quốc gia bằng một bản Hiến Pháp, nhưng là một kết thúc thê thảm của Phật-giáo. Ta có thể xét lý do của sự suy yếu của Phật giáo qua ba khía cạnh :

* Sự chần nản của dân chúng trước những rối loạn :

Dân chúng đã có kinh nghiệm đau đớn của những xáo trộn kể từ 1963 : đời sống càng đắt đỏ thêm, chiến-tranh gia tăng hơn, chủ quyền quốc gia suy giảm v.v... Do đó người dân thường có khuynh hướng mong mỏi an-bình, ủng hộ chánh phủ mạnh có khả năng ổn định trật tự. Hơn nữa những kỹ thuật tranh đấu : tuyệt thực, tự thiêu, biểu tình đã quá nhàm, không còn gây xúc động nơi dư luận; Ngay cả một kỹ thuật mới : Bản thờ Phật xuống đường cũng chỉ gây cho dân chúng một sự bất mãn xen lẫn buồn cười.

* Dư luận quốc tế không còn thuận lợi :

Ở Biên cố 1-11-1963, Phật-giáo được ủng hộ rất nhiều bởi các dư luận quốc-tế, đặc biệt là các dư luận của Phật-giáo quốc ngoại. Nhưng trong biến cố Miền Trung, sự ủng hộ này đã không còn :

- Ngày 23-5-66 Giáo Hội Phật-giáo Đài-Loan gửi thư khuyên Phật-Giáo Việt-Nam ôn hòa và tránh xung đột với chánh quyền để còn chống Cộng.

- Ngày 31-5-66, UThant, Tổng Thư Ký Liên Hiệp Quốc nhận xét : các vụ tự thiêu không lợi cho mục đích của Phật-giáo.

- Ngày 17-6-66 Công chúa Pismai Chủ-tịch Hội Đồng Phật-giáo Thế Giới tuyên bố tại Vọng-Các để đáp lại lời kêu gọi của Viện Hóa-Đạo : không thể giúp gì được Phật-giáo Việt-Nam khi tăng ni hoạt-động chính-trị.

- Ngày 20-6-66 Phật-giáo thế-giới sửa nội quy để cấm hoạt động chính-trị (1)

* Thái-độ của Hoa-Kỳ : Trái với biên cố Phật-giáo tháng 8/1963, lần biên cố miền Trung, Hoa-Kỳ không những không ủng hộ Phật-giáo mà dường như còn có thái độ trái ngược : Ủng hộ mạnh mẽ chính quyền quân nhân và chống Phật-giáo

- Thứ-Trưởng Hoa-Kỳ đặc trách Á Châu Sự-vụ George Ball Bundy tuyên bố "Phật-giáo muốn thao túng chính trường với những mục đích không rõ rệt". (2)

- Sự tranh đấu của Phật-giáo làm Hoa-Kỳ lo ngại cho tình hình quân sự : Bộ Trưởng Quốc-Phòng MacNamara cho rằng : "Sức chiến đấu của quân đội Việt-Nam Cộng-Hòa tại Vùng I và Vùng II giảm sút vì sự sách động của các tuyên-úy Phật-giáo". (3)

- Hôm 30.5.1966 Tổng-Thống Johnson tuyên bố : "Những hành động tuyệt vọng chỉ làm mờ tối hơn con đường dẫn tới Quốc Hội Lập Hiến tại Việt-Nam". (4)

Không được Mỹ ủng hộ, Phật-giáo trở thành lạc lõng và suy yếu vì thật ra họ làm gì có thực lực (!!) từ trước tới nay !!...

b. Màu sắc chính-trị : Dù các nhà lãnh đạo Phật-giáo luôn cố gắng gây cảm tưởng tranh đấu để bảo vệ đạo-pháp, cũng không thể dấu được tính chất chính trị của cuộc tranh đấu này. Điều này lúc đầu còn bị quyết liệt phủ nhận: "Tăng sĩ

(1) Đoàn-Thêm : Op. Cit - Trang 94, 101, 116, 119

(2) (3) Phạm-ngọc-Chi : Op. Cit - trang 72.

(4) Đoàn-Thêm : Op. Cit - trang 100.

không làm chánh-trị", nhưng về sau cũng được một vài vị lãnh đạo Phật-giáo công nhận, tuy còn cố gài thêm ý nghĩa "Đạo pháp" : Thượng-Tọa Thích-thiện-Hoa ngày 25-5-1967 tuyên bố "chúng ta đứng đây không phải chỉ bảo vệ giáo kỳ mà còn lật đổ chính phủ độc tài hầu xây dựng một chế độ dân chủ".(1). Ta thấy trong câu tuyên bố này dường như vấn đề tôn giáo trở thành thứ yếu trước quyết tâm lật đổ chính-phủ". Có lẽ sự chuyển hướng tranh đấu thiên về chính trị của Phật-giáo phần nào đã khiến dân chúng và Phật-tử, cũng như các tổ chức tôn giáo ngoại quốc tỏ ra lãnh đạm với các cuộc vận động của tập thể này.

- c. Dựa vào Hoa-Kỳ và chống Hoa-Kỳ : Giống như biến cố Phật-giáo tháng 8/1963, các nhà lãnh đạo Phật-giáo trong công cuộc "tranh thủ dân chủ" luôn luôn dựa vào Huê-Kỳ, và mong muốn Hoa-Kỳ giúp đỡ, yểm trợ. Lầm lúc người ta nghĩ rằng trong tất cả các tranh đấu của Phật-giáo, Hoa-Kỳ, đại diện qua Tòa Đại-Sứ, là đối tượng chính yếu có quyền thỏa mãn nguyện vọng của Phật-giáo :

- Ngày 25-5-1966 Thượng-tọa Thích-Trí-Quang yêu cầu lần thứ ba Tổng-Thống Johnson và Quốc Hội Mỹ đừng ủng hộ chính phủ Nguyễn-Cao-Kỳ nữa.

- Ngày 29-5-66 Ni Cô Thích Nữ Thanh-Quang, tự thiêu trước chùa Diệu Đế (Huế) để phản đối Tổng-Thống Johnson không chịu rút sự ủng hộ chánh phủ Nguyễn-Cao-Kỳ.

Sự lệ thuộc vào Hoa-Kỳ của Phật-giáo lộ liễu đến mức người Mỹ phải lên tiếng công khai xác nhận : "Những vụ bạo động và tự thiêu chỉ nhằm gây áp lực cho Mỹ can-thiệp vào việc tranh chấp nội bộ của Việt-Nam, nhưng Mỹ vẫn giữ nguyên thái độ cũ. (2)

Một mặt kêu gọi, trông chờ vào Huê-Kỳ, mặt khác Phật-giáo lại phát động chiến dịch bài Mỹ bằng các biểu tình phản đối, đòi rút quân, đòi đừng can thiệp vào nội bộ Việt-Nam, và đốt phá các cơ sở Mỹ như thư viện... Tình trạng mâu thuẫn này có thể được hiểu qua vài nguyên do :

(1) Phạm-ngọc-Phi : Op. Cit - trang 73

(2) Đoàn Thêm : Op. Cit - trang 95, 99, 105.

- . Phật-giáo mong Hoa-Kỳ nhúng tay vì hiểu rõ thế lực của Hoa-Kỳ và biết rằng không một chính-phủ nào đứng vững được, nếu không có sự trợ giúp của Hoa-Kỳ.
- . Phật-giáo bài Mỹ bởi thấy Hoa-Kỳ đã không đáp ứng đòi hỏi của mình.
- . Một mặt khác, chống Mỹ là một "thời trang" và sẽ khiến Phật giáo dễ dàng tìm thêm nguyên cớ.

Đó là chưa kể đến sự xâm-nhập và xúi dục của Cộng-sản mà Phật-giáo khó kiểm-soát được.

VIỆC THÀNH-LẬP QUỐC-HỘI LẬP HIẾN VÀ BAN HÀNH HIẾN-PHÁP 1-4-1967

Ngày 19-6-1966, Ủy Ban Lãnh Đạo Quốc-Gia đã ký hai Sắc-luật số 21/69 và 22/69 thiết lập và ấn định thể thức bầu cử Quốc-Hội Lập Hiến. Cuộc bầu cử được tổ chức ngày 11-9-1966 đã có kết quả là 117 Dân Biểu được trúng cử và được hợp thức hóa gồm: 26 dân biểu tại Saigon - Gia Định, 17 tại Vùng I Chiến-thuật, 20 tại Vùng II Chiến-thuật, 15 tại Vùng III chiến thuật và 30 tại Vùng IV Chiến-thuật và 9 dân biểu đại diện đồng bào Thượng.

Sau 4 tháng hoạt-dộng, ngày 9-1-1967 dự thảo Hiến Pháp đã được Quốc Hội Lập Hiến soạn xong. Ngày 18-3-1967 Quốc Hội họp phiên khoáng đại chấp thuận dự án Hiến Pháp với 102 phiếu trong số 117 dân biểu. Bản dự án Hiến Pháp được chuyển sang Ủy Ban Lãnh Đạo Quốc-Gia ngày 24-3-67 và được Đại Hội-Đồng Quân-lực chấp nhận ngày 27-3-1967. Cuối cùng Hiến Pháp đệ nhị Cộng-Hòa được long trọng ban hành vào sáng 1-4-1967 tại đình Độc-Lập. Kể từ đây, Việt-Nam đã bước sang một giai đoạn mới có nền móng chính trị vững chắc.

Hiến-pháp 1-4-1967 gồm : một lời mở đầu - một tuyên-ngôn và 9 chương, 117 điều (ta thấy một sự trùng hợp giữa 117 dân biểu và 117 điều khoản, cũng như ở con số 9. Vì tầm mức quan trọng của bản Hiến-Pháp, chúng ta sẽ lược xét qua nội dung của bản văn này.

- Lời mở đầu : Ở lời mở đầu các nhà lập hiến nói lên "lý-thuyết" hướng dẫn các vị này soạn thảo ra bản Hiến-pháp. Các nhà lập hiến chấp nhận sự du nhập các tiến bộ của

ngoại quốc, dung hòa với truyền thống bất khuất của dân-tộc để thiết lập một chính-thể Cộng-hòa của dân, cho dân và vì dân...

- Tuyên ngôn ngày 10-4-1967 : Sau khi Hiến-Pháp soạn thảo xong và sắp ban hành, khối Công-giáo đã phản đối sự thiếu sót của lời mở đầu Hiến-Pháp trong việc chứng tỏ sự "hữu thần" trái với Cộng-sản. Ngày 10-4-1967, chấp nhận nguyện vọng chính đảng này, Quốc-Hội ra tuyên ngôn thừa nhận Hiến Pháp Việt-Nam Cộng-Hòa có tinh cách hữu thần và tỏ lòng tin tưởng vào Đảng Thiêng-Liêng (thay vì Đảng Tối Cao).

- Chương I : Điều khoản căn bản

- . Hiến-Pháp xác nhận Việt-Nam là một nước Cộng-Hòa, thống nhất và chủ quyền thuộc về toàn dân.

Hiến-Pháp cũng công nhận và bảo đảm những quyền căn bản và sự bình đẳng của các công dân.

- . Sự phân nhiệm và phân quyền được qui định rõ ràng.
- . Cộng-sản không được Hiến-Pháp chấp nhận dưới mọi hình thức.
- . Việt-Nam Cộng-Hòa tôn trọng các nguyên tắc Quốc-tế pháp.

- Chương II : Quyền-lợi và nghĩa-vụ công dân.

Hiến Pháp qui định rõ ràng các quyền lợi và nghĩa vụ của công dân, đại loại cũng tương tự như các Hiến Pháp dân-chủ tiến bộ trên thế giới.

- Chương III : Lập pháp

Trái với Hiến Pháp đệ I Cộng-Hòa, quyền Lập pháp theo Hiến Pháp 1-4-67 được ủy nhiệm cho Quốc-hội gồm hai viện: Thượng nghị viện và Hạ nghị viện. Điều này đã là một vấn đề tranh luận sôi nổi tại quốc hội. Nhưng có lẽ vì e ngại một sự thao túng quốc-hội giống như thời đệ I Cộng-Hòa, nên quốc hội đã chấp nhận hình thức lưỡng viện theo lối Hoa-Kỳ (Hoa-Kỳ là một Liên Bang - còn Việt-Nam thì trái lại).

- Chương IV : Hành pháp

Quyền hành pháp được ủy cho Tổng-Thống. Đây là chế độ Tổng-Thống có Thủ-Tướng. Tổng-Thống theo Hiến-pháp đệ II Cộng-hòa đã bị hạn chế phần nào quyền hành bởi quốc hội

(Quốc Hội có quyền bắt tin nhiệm chính-phủ do Tổng-Thống bổ nhiệm), nhưng lại được tăng quyền hạn trong quyền Yêu cầu phúc nghị các đạo luật. Ta thấy Hành-pháp Việt-Nam được tổ chức hơi giống Hiến Pháp của Đại-Hàn.

- Chương V : Tư Pháp

Quyền Tư pháp được ủy nhiệm cho Tối Cao Pháp Viện. Quyền này so với thời đệ I Cộng-Hòa được độc lập, và có quyền hạn rộng rãi hơn :

Tối Cao Pháp Viện quản trị Thẩm Phán xử án thay vì Bộ Tư-Pháp như trước.

- Chương VI : Các định chế đặc biệt

Hiến Pháp đệ II Cộng-Hòa thiết lập các định chế đặc biệt.

- Đặc Biệt Pháp Viện : để xử trát quyền Tổng-Thống, Phó Tổng-Thống, Thủ-Tướng, Tổng-Trưởng, Thẩm Phán Tối Cao Pháp Viện và Giám-Sát Viện.
- Giám Sát Viện : phụ trách công việc kiểm soát và điều-tra tham nhũng.
- Hội-Đồng Quân-lực : Cố-vấn Tổng-Thống về các vấn đề liên quan đến quân sự.
- Hội-Đồng Văn-Hóa Giáo-Dục : Cố-vấn chính-phủ trong việc soạn thảo và thực thi chính-sách văn-hóa giáo-dục.
- Hội-Đồng Kinh-Tế Xã-Hội : Cố-vấn chánh-phủ về các vấn đề kinh-tế, xã-hội.
- Hội Đồng các Sắc Tộc : đại diện dân thiểu số và cố-vấn chánh-phủ về các vấn đề liên quan đến đồng bào thiểu số.

- Chương VII : Chánh đảng và đổi lập

Quốc-gia công nhận chánh đảng và đổi lập, cùng khuyến khích việc tiến tới chế độ lưỡng đảng.

- Chương VIII : Tu-chính Hiến-pháp

Tổng-Thống và quá bán tổng số dân biểu hay quá bán tổng số Nghị-sĩ đều có sáng quyền tu chính Hiến-Pháp theo những thủ tục qui định trong Hiến-Pháp.

- Chương IX : Điều khoản chuyển tiếp

Trong thời gian chuyển tiếp :

- . Quốc-Hội Lập Hiến tạm lưu nhiệm giữ quyền Lập pháp cho đến khi Quốc-Hội Lập Pháp được triệu tập.
- . Ủy Ban Lãnh-Đạo Quốc-Gia và Ủy Ban Hành-Pháp Trung-ương lưu nhiệm cho đến khi Tổng-Thống và Phó Tổng-Thống nhậm chức.
- . Các tòa án hiện hữu vẫn hành xử quyền Tư Pháp cho đến khi các định chế quy định trong Hiến Pháp được thành lập.

Lược sơ qua nội dung Hiến Pháp 1-4-1967, ta thấy tuy có một vài kẽ hở vì qui định không rõ ràng, nhưng nhìn toàn bộ, đây là một bản Hiến-Pháp tương đối tiến bộ và dân chủ. Nhờ có bản Hiến-Pháp mà các định chế chính trị dần dần thành hình và miền Nam Việt-Nam mới ổn định chính-trị, nhất là có một chế-độ hợp pháp đại diện dân trong công cuộc tranh thủ chính nghĩa, hòa-bình với Cộng-sản...

Dẫu vậy bản Hiến-Pháp sẽ chỉ là bản văn gồm những "chữ chết" nếu nhân dân, và những người có trọng trách lãnh-đạo quốc-gia tại mọi guồng máy không ý thức được trách nhiệm, và bổn phận của mình trong công cuộc kiến tạo một nước Việt-Nam dân-chủ, tiến-bộ thật sự. Khi nào còn những kẻ muồn qua mặt, và chà đạp bất cứ nguyên tắc nào ngay cả nguyên-tắc Hiến định, hầu lợi ích riêng tư và dân chúng còn thờ ơ trước các sinh-hoạt chánh-trị, khoán trắng việc lãnh-đạo quốc-gia cho một thiểu số người thì Hiến-Pháp dù tinh-vi tới đâu, dân-chủ tới đâu cũng sẽ vô ích!!...

Đoạn II

PHÂN - TÍCH NGUYÊN - NHÂN và HẬU - QUẢ (THỜI - KỲ KHỦNG - HOẢNG CHÍNH - QUYỀN

Lược xét "diễn-tiến thời-kỳ khủng hoảng trên", chúng ta thấy một tình trạng đen tối và bế tắc đã xảy ra trên chính trường Việt-Nam. Để tìm hiểu những sắc thái đặc biệt của "thời kỳ" này, thiết tưởng, việc làm hữu ích nhất là xét đến "nguyên nhân" và hậu quả của cuộc khủng hoảng chính quyền!!

Thông thường khi đề cập đến một sự kiện, người ta có khuynh hướng dùng một dàn bài thứ tự :

- Nguyên nhân
- Diễn tiến
- Hậu quả

Ở đây chúng tôi trái lại đã đề cập đến nguyên-nhân và hậu quả sau khi đã lược xét qua diễn tiến của sự kiện: chúng tôi muốn có một cái nhìn có tính cách "hậu kiểm".

A. NGUYÊN NHÂN GÂY RA KHỦNG HOẢNG CHÍNH-QUYỀN

Tìm hiểu nguyên nhân gây khủng hoảng chính quyền sau biến cố 1-11-1963, chúng tôi không có tham vọng đem ra ánh sáng "tất cả sự thật", nhưng cố gắng nhận xét các yếu tố, mà chúng tôi cho là quan trọng đã tạo ra tình trạng như trên. Đại loại, chúng tôi sẽ phân chia nguyên nhân của sự khủng hoảng chính quyền ra làm hai loại :

- Nguyên-nhân trực tiếp
- Nguyên-nhân gián tiếp.

I. NGUYÊN-NHÂN TRỰC TIẾP

Những nguyên-nhân trực tiếp ảnh hưởng tới giai đoạn

ngã tư tiếp

khủng hoảng, có thể thu tóm trên các điểm chính yếu sau :

- Khiếm khuyết các định chế chính trị dân chủ và tinh thần dân-chủ.
- Sự tranh chấp quyền lợi giữa các phe nhóm
- Các đoàn thể áp lực
- Sự can thiệp của Hoa-Kỳ.

1. Khiếm khuyết các định chế chính-trị dân chủ và tinh-thần dân chủ.

Khi loài người tập trung thành xã-hội, xã hội loài người được tổ chức, sinh hoạt theo những tư tưởng, những ý niệm, những nguyên lý được chấp nhận trong các xã hội đó. Tiêu biểu và phát huy những tư tưởng, những ý niệm, những nguyên lý đó có các định chế được thiết lập mà khả năng, quyền hạn và phương tiện vượt hẳn khả năng, quyền hạn và phương tiện của người đứng ra điều-hành các định chế này.(1) Các định chế chính trị được gọi là định chế dân chủ khi nó do một thành phần đại biểu cho đa số dân chúng (thay vì thiểu số) soạn thảo nhằm đáp ứng những nhu cầu thiết thực của toàn dân. Tinh thần dân chủ trong các định chế chính trị đã có từ lâu ở phương trời Âu Mỹ (sau cách mạng 1789, cách mạng giành độc lập của Hoa-Kỳ...)

Nhưng điều này chỉ mới được nhận thức tại các quốc gia Á Phi kể từ sau Thế chiến thứ hai. Thế chiến thứ hai chấm dứt đã mở màn cho một thời kỳ mới mẻ cho các dân tộc Á Phi. Đó là phong trào tranh đấu giành độc lập, dân chủ của các dân tộc bấy lâu phải chịu cảnh thống-trị ngoại bang trong hoặc bị kềm kẹp dưới chế độ phong kiến lạc hậu. Để đánh dấu cho thời kỳ mới mẻ này, nhiều bản Hiến Pháp đã được ban hành : tại Nam Dương ngày 17-8-1945, tại Thái-Lan ngày 9-5-1946, Tích-Lan ngày 15-5-1946... Cũng trong thời kỳ đó tại Việt-Nam tiếng súng kháng Pháp đã bắt đầu bùng nổ từ khi thế chiến thứ II chưa dứt hẳn nhằm thực hiện những nguyện vọng lâu đời nhất của dân tộc chúng ta : giành độc lập và thống nhất để xây dựng một chế độ dân chủ, tự do. Có thể nói dân tộc Việt-Nam đã đi tiên phong trong phong trào giải-phóng này. Thế mà cho đến nay sự tạo dựng chế độ dân-

(1) Nguyễn-văn-Tương: Các vấn đề chính-trị Việt-Nam giảng khoa chép tay (Saigon - HVQGHC - 1969)

chủ vẫn còn gặp rất nhiều khó khăn, trở ngại, còn sự thống nhất đất nước là một mục tiêu khá xa vời.

Các dân tộc Á Phi khác mặc dù chỉ tranh đấu trong một thời gian ngắn, nhờ gặp ít chướng ngại vật nên đang trên đường xây dựng chế độ dân chủ trong những hoàn cảnh thuận lợi hơn nhiều.

Nhìn lại Việt-Nam ta thấy liên tiếp trong suốt 25 năm đất nước đã luôn gặp những rối loạn, tang tóc, khủng hoảng.

Nhiều người cho rằng tình trạng đó sở dĩ có là do sự can thiệp, sắp xếp của ngoại bang... Điều đó không sai, tuy nhiên ta có thể nhìn dưới khía cạnh khác để cho rằng có thể sự khiếm khuyết các định chế và tinh thần dân chủ từ trước tới nay là động cơ chính yếu của tình hình chính-trị không mấy sáng sủa.

Dưới chế độ đệ I Cộng-hòa, chúng ta có bản Hiến-Pháp 26-10-1956 qui định những tự do, dân chủ của toàn dân. Nhưng tình hình đất nước mới thu hồi độc lập đã khiến chính quyền thời ấy hạn chế "dân chủ, tự do" rất nhiều của dân chúng, gây khá nhiều mâu thuẫn, chia rẽ trong hàng ngũ quốc gia. Nhưng đầu sao sự hiện hữu của các định chế chính trị tương đối dân chủ đã khiến tình hình chính trị quốc gia không gặp những hỗn loạn quá đáng. Trái lại sau giặc cướp chính trị 1-11-1963, Hiến Pháp bị xé bỏ, mọi định chế chính-trị, dân chủ đã bị khai tử, truyền thống dân chủ, trật tự lại không có. Do đó xã hội miền Nam đã gặp một khoảng trống chánh trị lớn lao và khá lâu dài. Sau này các nhà cầm quyền bằng sức mạnh cũng ban hành những định chế qua các Hiến-chương lâm thời, Hiến-ước tạm thời... Nhưng các bản văn này chỉ do một thiểu số tạo ra và bắt mọi người phải tuân theo. Nó không có một chút giá trị nào đối với dân-chúng, cũng như các lực lượng chính-trị. Chính quyền chưa đủ mạnh và mọi phe nhóm đều dễ dàng xé bỏ các định chế tạm bợ để nắm quyền, còn dân chúng thì mong ước sự yên ổn chính trị và đòi hỏi dân chủ, nhưng thực ra dân chúng và ngay cả các nhà lãnh đạo lâm khi không có tinh thần dân chủ, hay có lại hiếu lệch lạc về tinh thần này.

Mặt khác việc phá vỡ thì dễ, tạo dựng là một vấn đề khó khăn. Và dân tộc Việt-Nam đã trải qua nhiều tang tóc,

đau khổ nên dân chúng có một thái độ hoài nghi tất cả. Họ luôn lo sợ một viễn ảnh độc tài, lệ thuộc... nên dễ chống đối. Chống đối những điều xấu và ngay cả những điều tốt vì lòng hoài nghi.

Ngoài ra tinh thần "thiếu kỷ luật" nơi người dân, cũng là một điều đáng chú ý. Không có kỷ-luật, uy quyền quốc-gia dễ suy yếu đưa đến khủng hoảng chính quyền. "Tinh thần kỷ-luật" là một sự kiện thiết yếu cho mọi tập thể. Có tập thể là có kỷ luật. Có kỷ luật tập thể mới tồn tại... Tập thể càng lớn kỷ luật càng thiết yếu, càng phức tạp và càng vô hình. Tập thể quốc gia là một tập thể lớn nhất của dân tộc, vì thế kỷ luật quốc gia thiết yếu nhất cho dân-tộc.(1)

2. Sự tranh chấp quyền hành giữa các phe nhóm.

Không được kết hợp với nhau bằng lý-tưởng cách-mạng, sau biến cố 1-11-1963, các phe nhóm bắt đầu thực hiện các tranh chấp quyền hành. Ai cũng cậy mình có công với "cách-mạng" để đòi những địa vị then chốt, quyền lợi lớn lao.

Trong hàng ngũ quân-đội, giữa các Tướng-lãnh chủ yếu trong cuộc đảo chánh cũng có những rạn nứt vì quyền lợi phân chia không đồng đều. Điển hình là các tranh chấp giữa Dương-văn-Minh và Lê-văn-Kim - Nguyễn-Khánh và Trần-thiện-Khiêm v.v...

Không khí nghi kỵ bao trùm khiến mọi người không thực tâm cộng tác. Các tướng-lãnh phe phái tìm cách hạ bệ thanh trừng nhau hầu nâng uy thế, chiếm quyền hành. Về phía các người ít ảnh hưởng hơn thì tìm cách về hùa theo các kẻ mạnh dặng mong nhờ chút quyền lợi. Nhiều vị chỉ huy Sư-đoàn, Quân-đoàn luôn luôn có sẵn hai bản điện văn trái ngược nhau: "một chống đảo chánh - một ủng hộ đảo chánh". Và để đến khi tình hình thật ngủ ngủ (trong các cuộc biến động) mới gởi cho kẻ thắng cuộc...

Không một ai có đủ uy tín chế phục mọi người, do đó sự liên lạc, phục tùng của địa phương đối với Trung-ương đã hầu như không có: Thí dụ như trong công việc điều-hành quân sự, Trung-ương ấn định 60% lực lượng dành cho việc

(1) Tùng Phong : "Chính đê Việt-Nam" (Saigon Đông Ng.:1965) trang 391, 392.

hành quân lập ấp, có nơi chỉ dành có 4%.⁽¹⁾. Điều này có thể giải thích là hậu quả của việc Nguyễn-Khánh tăng cường quyền hành cho các vị Tư-lệnh Vùng và Quân Binh-chúng.

Quân-đội đáng lẽ phải là một tập thể thuần nhất trong công cuộc điều hành và cầm quyền, nhưng lại bị phân hóa vì lập trường, quyền lợi của các vị chỉ-huy quân đội đã không phù hợp, không muốn nói là trái ngược với nhau. Do đó suốt trong thời gian quân đội "nắm vai trò chính trong guồng máy cai trị quốc-gia" tình thế luôn xáo trộn. Sự phân hóa này có thể giải thích phần nào bằng những chính-sách ly-gián của một số người, của ngoại bang, cũng như đầu óc địa phương, tôn giáo cực đoan của một vài phần tử. Nhưng điều quan trọng như đã đề cập vẫn là tham vọng, quyền lợi riêng tư của các Tướng-tá, phe nhóm...

3. Các nhóm áp lực :

a. Tôn giáo :

Trong những nguyên nhân trực tiếp gây ra cuộc khủng hoảng chính quyền kéo dài tới năm 1967, áp lực và sự tranh đấu của các tôn giáo là một nguyên nhân quan trọng. Đặc biệt là hai tôn giáo lớn : Phật-giáo và Công-giáo. Như đã trình bày ở trên, hai tôn giáo này đã có những căng thẳng vì những mâu thuẫn sâu xa, và "mắc cảm" quyền lợi khác nhau ! Đạo nào cũng lo sợ bị thua thiệt và yếu thế trước đạo kia !

Công-giáo sau khi được hưởng nhiều quyền lợi ở các triều đại trước, lo sợ một sự mất mát, suy giảm quyền lợi. Cũng như cho rằng Phật-giáo không nhiệt thành chống Cộng.

Phật-giáo với tự hào có công với "Cách mạng" có khuynh hướng tìm lại thời vàng son của thời Đinh, Lê, Lý, Trần... Đồng thời Phật-giáo nghĩ về đạo Công-giáo như là một đạo ngoại lai, luôn thỏa hiệp với thực dân, độc tài và điển hình hơn gán cho đạo này những tiếng "Cần-lao ác ôn", "tay sai chế-độ cũ"...

(1) Hoàng-văn-Lạc: Op. Cit. trang 343.

Do đó hễ có dịp, hễ bị khích động dù nhỏ nhoi đến đâu, là hai "đạo" đều có thể tranh đấu chống báng nhau, lắm khi đưa đến đổ máu (Thanh-Bồ, Đức-Lợi...). Chính quyền nào thân Phật-giáo có ý nâng đỡ Phật-giáo... thì bị Công giáo chống đối, tìm cách lật đổ (chính-phủ Phan-huy-Quát) Trái lại chánh quyền nào có khuynh hướng để yên Công-giáo hay thân Công-giáo (thí dụ chánh-phủ Trần-văn-Huân) hoặc từ chối ảnh hưởng Phật-giáo thì cũng sẽ bị tôn giáo này chống đối, đánh đổ...

Đứng ra trước sự tranh chấp thế lực giữa các tôn giáo, chính quyền phải vì quyền lợi quốc-gia đứng trên mọi tranh chấp nhỏ nhen và quyền lợi cá biệt của các tôn giáo. Chính quyền nếu cần, phải mạnh mẽ dẹp các tranh chấp tạo uy-quyền quốc gia, trật tự và an ninh xã hội. Tuy nhiên các chính quyền sau ngày 1-11-1963 có lẽ vì không được dân cử, không được tín nhiệm, tuân phục nơi dân chúng, nên đã không tránh được sự lôi cuốn của các phe phái. Vì thế, chính-quyền thường có khuynh hướng ve vuốt dư luận để mong kéo dài sự sống còn... Nhiều lúc người ta có cảm tưởng các vị lãnh đạo tôn giáo kiêm luôn nhiệm vụ điều khiển quốc-gia. Các Linh-mục, Thượng-tọa thay phiên nhau gửi yêu sách buộc chính quyền phải thi hành chính sách này, yêu cầu kia... Thí dụ : Ngày 1-9-1964, Thượng-tọa Thích-Tâm-Châu gửi thông bạch cho Thủ-Tướng: "Chính quyền phải dứt khoát với nhóm người phá hoại thuộc chế độ cũ. Không thể chụp mũ là du-dăng để bắt bớ các Phật-giáo đồ. Nếu tới ngày 27-10-1964 mà nguyện vọng Phật-giáo chưa đạt được thì sẽ bãi thị, bãi khóa..."

- Ngày 8-9-1964 Linh-mục Hoàng-Quỳnh gửi kiến nghị yêu cầu chính phủ tỏ thái độ đối với những vụ miền Trung và ổn định tình thế, nếu không khối Công-giáo sẽ có biện-pháp" (1).

Ngoài sự tranh chấp với nhau, ngay trong nội bộ các tôn giáo cũng có những phân hóa. Các phe nhóm đều cho rằng mình "chính danh" và đều đòi hỏi chính quyền công nhận, ủng hộ mình. Nếu chính quyền ủng hộ phe này, sẽ bị phe kia chống đối, và ngược lại...

(1) Đoàn Thêm : Op. Cit - trang 406

- Sau biến-động miền Trung 1966, Phật-giáo chia làm 2 phe đối lập :
 - . Phe Thượng-tọa Tâm-Châu đóng đô tại Việt-Nam Quốc-Tự, chủ trương ôn hòa, ủng hộ chính-phủ.
 - . Phe Thượng-tọa Trí-Quang đóng đô ở chùa Ấn-Quang, chủ trương quá khích muốn văn hồi hòa bình.
- Về phía Công-giáo tuy không có sự tách rời làm hai giáo-hội như Phật-giáo, nhưng Lực-lượng Đại Đoàn-Kết một lực lượng chính trị của khối Công-giáo di-cư cũng chia làm 2 khuynh hướng :
 - . Một khuynh hướng do Linh-mục Trần-Du lãnh đạo ủng hộ chánh-phủ trong việc áp dụng biện pháp mạnh mẽ văn hồi trật-tự.
 - . Khuynh-hướng khác do Linh-mục Hoàng-Quỳnh cầm đầu chủ trương ôn hòa, liên kết các tôn giáo và có liên lạc với phe Phật-giáo tranh đấu. Về sau Linh-mục Hoàng-Quỳnh tách khỏi lực lượng Đại Đoàn-Kết để thành lập "Khối Công Dân Công Giáo".

Ngoài ra chúng ta cũng không thể bỏ quên các tôn giáo khác: Cao-Đài, Hòa-Hảo v.v... Các tôn giáo này tuy không mạnh mẽ và trực tiếp tranh đấu giành quyền lợi, nhưng đôi khi cũng liên kết với nhau để làm áp lực với chính quyền...

Các tập thể khác: tuy không có sức mạnh lớn lao của các tôn giáo, các tập thể quần chúng ngoài tôn giáo cũng góp phần khá quan trọng vào việc tạo khủng hoảng. Hai tập thể đáng lưu ý nhất là :

- Sinh-viên học-sinh
- Nghiệp-đoàn.

b. Sinh-viên, học-sinh :

Sau biến-cố 1-11-1963, khi tôn-giáo dần thân vào chính-trị, cũng là lúc học đường bị chính trị hóa. Các cuộc biểu tình xuống đường của sinh-viên, học sinh đã liên miên xảy ra : Các sinh-viên, học-sinh chống độc-tại, chống chế-độ quân phiệt, chống tay sai chế độ cũ... và chống cả thầy

giáo (Ủy-Ban chỉ đạo sinh-viên Văn-Khoa đòi thanh trừng hàng ngũ giáo-chức bị coi là tay sai chế độ cũ các biểu tình đòi thay Ban Giám-Đốc của các học sinh vào cuối 11/1963)

Sự "tham gia" nổi bật nhất của sinh viên học sinh trong "công cuộc tranh đấu" là việc chống đối Hiến-chương Vũng-Tàu ngày 26.8.1964. Sự tranh đấu này đã khiến một số xô xát, xung đột đẫm máu xảy ra giữa một số học sinh các trường tại Thủ-Đô Saigon. Sự chia rẽ của các sinh-viên, học sinh một phần do lập trường chính trị khác nhau, một phần cũng do khuynh hướng tôn giáo, địa-phương. Sự chia rẽ trong giới trẻ học đường được thấy rõ rệt nhất trong thời kỳ chống chánh phủ Trần văn Hương, chánh phủ Phan huy Quát ...

Thành-phần trẻ học sinh, sinh-viên là một thành-phần có bầu nhiệt huyết, có ý muốn phục vụ đồng bào, tổ-quốc, nhưng lại ngây thơ nên rất dễ bị các chính khách, lãnh tụ tinh thần khuyến dụ, mê hoặc, xúi dục nên học sinh sinh viên đường như đã làm loạn hơn là sinh-hoạt chính-trị theo nghĩa thường tình.

Chúng tôi không hề có ý định chống đối việc phổ-biến tư tưởng chính trị trong học đường, hoặc sự biểu lộ lòng yêu nước của giới trẻ. Nhưng quả thật, việc đem chính trị vào học đường đã gây nhiều tai hại hỗn loạn. Nhất là với các học sinh trung học, kiến thức còn non hẹp, óc phán-đoán, suy luận chưa vững vàng mà "chính trị hóa học đường" thì chỉ tạo nghi kỵ, chia rẽ, rối loạn cho học đường ...

c. Nghiệp-đoàn :

Là các đoàn thể qui tụ công nhân để bảo-vệ, tranh đấu cho "miếng cơm manh áo", các Nghiệp-đoàn là những lực lượng áp lực đáng kể. Hoạt động Nghiệp-đoàn đã được mở rộng và tự do rất nhiều sau đảo chánh 1.11.1963. Sự nở rộng tự do này cũng phần nào gây xáo trộn.

Các phe phái, thế-lực, chính-trị tìm mọi cách để có thể len lỏi vào các Nghiệp-đoàn, điều khiển được tập thể này hầu tạo áp lực có lợi cho họ. Các cán bộ Nghiệp

đoàn đã không thể nào kiểm-soát hết được những lợi dụng len lỏi này. Ngay cả Cộng sản cũng đã phân nào lợi dụng được sự tranh đấu của Nghiệp-đoàn : Trong cuộc biểu tình ngày 21.9.1964 trong một cuộc biểu tình lớn của các nghiệp đoàn để ủng hộ yêu sách của công nhân một công ty, các công nhân Trung-Hoa đã hát Quốc ca Trung cộng (1).

Ông Đàm sĩ Hiến nguyên Tổng-Trưởng Lao-Động thời Nguyễn Khánh, Tổng Trưởng Xã-Hội thời Trần văn Hương và hiện là đường kim Tổng-Trưởng Lao-Động cũng xác nhận các vụ biểu tình đình công năm 1964, 1965, 1966 mang màu sắc chính trị (2). Màu sắc chính trị của "nghiệp-đoàn" đã nổi bật nhất trong các thời kỳ oanh tạc Bắc Việt, đánh lớn ở thôn quê : Ngày 01.5.1966, một nhóm công nhân ly khai của Tổng Liên-đoàn Lao Động đã biểu tình trước Tòa Đại-sứ Hoa Kỳ với các biểu ngữ :

- "Tất cả các nước phải tôn trọng quyền dân tộc tự quyết của dân tộc Việt-Nam"
- "Thành lập chính-phủ dân cử và độc lập thật sự, không bù nhìn, không lệ thuộc ngoại bang"
- "Chấm dứt bắn phá, rải chất độc bừa bãi" (3)

Các đình công của Nghiệp đoàn xảy ra liên tiếp gây xáo trộn rất nhiều cho đời sống dân chúng.

Nội bộ các Nghiệp-đoàn giống như các thành-phần khác cũng gặp rất nhiều phân hóa mâu thuẫn. Trong các năm 1964, 1965, 1966 tranh chấp trong giới lao-động rõ rệt và mãnh liệt nhất : Tổng Liên-đoàn Lao-Cộng đã tố cáo những "âm mưu" trong một cuộc đình công. "Đó là Bùi Lương Tổng Thư-Ký (Tổng Liên-đoàn lao động Việt-Nam), Nguyễn khắc Hòa (Phó Tổng Thư-ký Lực-lượng Thơ-Thuyền).

Họ đã bị mua chuộc và không tự lượng sức mình dám chống lại cả một khối người đứng lên đòi quyền ấy. Hai tên phản bội Lao-động bị rơi mặt nạ và tầng lớp lao-động chẳng còn ai nghe lời xáo quyết của chúng" (4)

(1) Chính Luận : số ngày 21.9.1964 -- (2) Mai kim Đỉnh Op Cit trang 302, 303. -- (3) Đoàn Thêm Op Cit trang 77

(4) "Vạch trần các mưu toan đen tối định phá vỡ cuộc đnh công" Báo Công Nhân : số ngày 18.9.1964

Và lập trường khác đối lại : "Trong khung cảnh đen tối đó, một thiểu số lãnh đạo hoạt đầu chính trị đã lừa bịp tổ-chức Lao Động Quốc Tế để lấy viện-trợ, tung tiền bạc mua chuộc tay sai khuynh đảo chính quyền ... Bọn đầu cơ giáo điều lý-thuyết nghiệp-đoàn này luôn luôn tuyên bố nghiệp đoàn không làm chính trị để ru ngủ lao động, gạt Lao động ra khỏi sinh hoạt chính trị của toàn dân, tước quyền yêu nước của Lao-động hầu dành lấy độc quyền chính trị, đầu cơ bất chính. Bọn hoạt đầu tay sai đã hiện nguyên hình phản quốc, phản lao động không thể chấp nhận trong hàng ngũ dân tộc (1).

4. Sự can thiệp bên ngoài.

a. Can thiệp của Hoa-Kỳ :

Như đã trình bày ở chương I, Hoa-Kỳ đến Việt-Nam không ngoài mục đích kiến tạo một phòng tuyến vững chắc để ngăn chặn ảnh hưởng của Cộng Sản và nhằm tạo dựng một ảnh hưởng kinh tế trong vùng Đông Nam Á. Lúc đầu chính-quyền Ngô đình Diệm được họ trợ giúp vì họ nhận thấy nơi chính phủ này các điều-kiện thuận lợi trong việc bán-trưởng và duy trì ảnh hưởng tại Đông Nam Á. Đến khi chế độ Ngô đình Diệm chống lại sự can thiệp vào nội bộ Việt-Nam của Hoa-Kỳ thì bị Hoa-Thịnh-Đốn tìm cách thay thế bằng chính quyền khác dễ bảo hơn.

Sau khi chánh quyền Ngô đình Diệm bị lật đổ, Hoa-Kỳ cũng lại tỏ ra không bằng lòng những người lãnh đạo quốc-gia vì sự thân Pháp và "lùng khùng" của những người này. Hoa-Kỳ lại tìm cách lật đổ các chế độ này. Đến ngay Nguyễn Khánh một con người ham lợi, tráo trở cũng phải tuyên bố trong một cuộc phỏng vấn của báo New-York Herald Tribune : "Tướng Taylor (Đại-sứ Hoa-Kỳ) đã cố những hành động không thể tưởng tượng, muốn dùng áp lực đối với người hữu trách Việt-Nam. Nếu Ông (Nguyễn-Khánh) không khéo sử thì Việt-Nam sẽ mất. Mỹ nên tính việc lớn với những ai đang có thực lực ở xứ này; Ông Taylor không thể buộc dân Việt-Nam chịu đựng những nhà lãnh đạo mà dân Việt-Nam không muốn" (2)

(1) Tuyên ngôn của "Lực-lượng thống nhất hành động Lao-động Việt-Nam" ngày 1.5.66

(2) Đoàn Thêm : Op Cit trang 423.

Tuy cho tới bây giờ chúng ta không có nhiều tài-liệu chánh thức để dẫn chứng sự hiện diện của bàn tay lỏng lá Hoa-Kỳ. Trong hậu trường xáo trộn chính trị tại Việt-Nam, nhưng qua vài điều nêu trên, và trên thực tế mọi người đều có thể duy diễn ra điều này.

- b. Xâm nhập của Công-sản : với tham vọng nhuộm đỏ toàn thể Việt-Nam, Công-sản chắc chắn sẽ không bỏ lỡ cơ hội để lợi dụng, xúi dục những khủng hoảng, hỗn loạn làm suy yếu tiềm lực Quốc-gia.

II. NGUYÊN-NHÂN SÂU XA.

Nếu nguyên nhân trực tiếp có những tác động gần gũi dễ nhận biết, thì nguyên nhân sâu xa giống như một cuộn sóng ngầm có tác động âm-ỉ, chậm chạp nhưng liên tục lúc nào cũng có khuynh hướng phá vỡ, xô đẩy trật tự giả tạo hiện hữu. Phân tích nguyên nhân sâu xa gây ra "khủng hoảng chính-quyền" chúng ta có thể đề cập đến các nguyên nhân :

- Khiếm khuyết ý thức hệ
- Sự vắng bóng của các đảng phái chính trị có thực lực.
- Và tình trạng thiếu khả năng của các "lãnh tụ"

1. Khiếm khuyết ý thức hệ.

Một cuộc cách mạng nếu xứng đáng với tên gọi phải đặt nền tảng trên một ý thức hệ. Có ý thức hệ hay lý-thuyết cách mạng các người hướng dẫn cách mạng mới biết cách "lật đổ" chế độ thối nát, và nhất là sau đó biết cách tạo dựng một chế độ mới tốt đẹp hơn theo như mô hình đã được vẽ sẵn bởi ý thức hệ. Ngày 1-11-1967 ở Việt-Nam, chúng ta đã khẳng định đó không phải là một cuộc cách mạng. Vì cuộc đảo chánh này không hề có một ý-thức-hệ phản ảnh thái độ chính trị, tinh thần và kỷ-luật quốc-gia...

Khi đã có ý thức hệ vững vàng, thì dù lãnh tụ; nhân sự có thay đổi, cơ chế vẫn vững vàng, tình hình vẫn ổn-định : Như một căn nhà dù phá vỡ phần kiến trúc bên trên, nhưng nếu nền móng vững, ta vẫn có thể kiến tạo những tầng lầu to lớn hơn hay ít ra cũng bằng như cũ. Chế độ Ngô-dình-Diệm đã cố gắng để soạn thảo "thuyết Nhân-Vi" để làm nền tảng cho chế độ, để đối kháng với thuyết Cộng-

Sản. Tuy "chủ thuyết" Nhân Vị chưa hoàn hảo, nhưng ít ra nó cũng "còn hơn không", và mang lại phần nào tin tưởng cho những nhân viên chế độ. Ngược lại sau biên cố 1-11-1963 chủ thuyết Nhân Vị bị loại bỏ, Hiến Pháp bị xé!! Hồn loạn xảy ra, các nhà lãnh đạo đã không biết dựa vào đâu, ý thức hệ nào để mà có những phương thức giải quyết, xây dựng chẳng khác nào như xây dựng lại căn nhà đã bị đổ trên nền nhà cát yếu ớt !!

Vì không được dẫn đạo bởi một "ý thức chung" các nhà lãnh đạo chính quyền; các chánh đảng đều tùy thuộc vào sức mạnh, xảo thuật, tài cán nhỏ bé của mình, còn dân chúng thì bị lôi cuốn theo tâm-lý nhất thời nông nổi !!

Trong tình trạng hỗn loạn sau cách-mạng. "Ý thức hệ" nêu có sẽ là "nền tảng" để giúp giải quyết vấn đề. Ý thức hệ giúp người ta phân biệt những người cùng lập trường, những kẻ chống đối; do đó có thể tránh được hoài nghi, tranh chấp và chia rẽ, và nhất là qui tụ được toàn dân thành một khối có ý thức chung.

Biên cố 1-11-1963 ngoài sự can thiệp của ngoại bang, lại không có "tự-tướng chung hướng dẫn", khiến gây chia rẽ ngay cả trong hàng ngũ quân đội, lẫn các phe nhóm bên ngoài. Các chính quyền sau đó chỉ dùng sức mạnh súng ống của mình để giữ sự sống còn thì làm sao không hỗn loạn cho được. Một khi hỗn loạn xảy ra mà không kịp thời giải quyết, sự kéo dài sẽ đem đến tình trạng vô trật tự thường xuyên và giầy chuyễn khó mà có thể kềm hãm.

2. Sự vắng bóng của các đảng phái có thực lực

Ở bất cứ thể chế nào, đảng phái chính trị là những thành phần chính yếu trên chính trường. Vì đây là những thành phần chính trị chuyên nghiệp, được huấn-luyện và sẵn sàng để cầm quyền. Trái lại ở Việt Nam, tuy cũng có những đảng phái, nhưng hoạt động yếu ớt, không có thực lực nên dường như đã có tác dụng rất nhỏ bé, không quan trọng trên môi trường chính trị, lãnh đạo quốc-gia.

Sự yếu kém, không thực lực của chánh đảng đã không giúp ích gì cho sinh hoạt chính trị quốc gia và ổn định tình hình. Vai trò chánh đảng chưa được thực hiện chu đáo có thể vì các nguyên do sau :

* Có quá nhiều chính đảng : Tính tới cuối năm 1971 có tới 15 chính đảng đã được hợp thức hóa, 14 chính đảng sắp được hợp thức hóa và một lô chính đảng hoạt động "không cần xin phép hoặc sẽ xin phép trong tương lai".

* Sự phân hóa giữa các chính đảng :

Thật ra về phương diện chủ thuyết, các chính đảng thường ra những tuyên ngôn, cương lĩnh, mục tiêu tranh đấu không khác biệt nhau nhiều : tranh đấu cho độc lập, sự toàn vẹn lãnh thổ, chống Cộng, xây dựng dân chủ, phát triển kinh tế, xã hội, cải thiện dân sinh...

Nhưng bởi thiếu ý thức chung các chính đảng vẫn không thể hợp tác với nhau, vẫn "kèn cựa" và tìm cách hạ nhau để mong dành nhiều quyền lợi. Mới đây một vài liên minh đã được thành lập, nhưng cũng chỉ là vỏ và đi dần tới tan rã.

* Nội bộ chia rẽ.

Không những phân hóa giữa các chính đảng. Ngay cả trong nội bộ các chính đảng cũng có những chia rẽ, tranh chấp trầm trọng : một vài thí dụ :

- Quốc Dân Đảng : hệ phái Vũ-hồng-Khanh - Nguyễn Tường Tam - Nguyễn Hòa Hiệp v.v...
- Đại Việt : Tân Đại Việt (sau thành Cấp Tiến); Đại Việt Cách Mạng (Hà thực Ký); Đại Việt quan lại v.v...

* Không đại diện cho tầng lớp dân chúng nào.

Đây có lẽ là yếu tố quan trọng nhất. Các đảng phái Việt Nam đa số chỉ có một ít đảng viên ở Trung-ương và một số rất ít ở địa phương. Ảnh hưởng của các đảng phái chỉ thu hẹp trong một vài vùng giới hạn. Nói chung lực lượng toàn bộ trên toàn quốc của mỗi đảng vẫn không mạnh bằng khối quần chúng nằm trong các tôn giáo lớn. Bằng chứng trong hai cuộc bầu cử Thượng viện và Hạ viện gần đây (1970-1971), những liên danh tranh cử do đảng phái đưa ra đều thất bại trước các liên danh có sự ủng hộ của tôn giáo hoặc của chính quyền. (1)

Tình trạng "đảng phái" Việt Nam có thể giải thích bằng cách tìm hiểu gốc rễ từ thời Pháp thuộc. Thời Pháp thuộc vì muốn duy trì chế độ thực dân, họ đã ngăn chặn mọi hoạt-động chính trị của dân chúng. Những nhà cách mạng tiên phong trong các chính đảng đã phải hoạt-động lén lút. Và lại sinh hoạt chính trị rất hạn chế, chỉ có các tay sai ngoại bang hưởng đầy ơn mưa móc của mẫu quốc mùa may trên chính trường, nên người dân không thêm quan tâm và thờ ơ với sinh hoạt chính trị.

Đến khi đất nước độc lập, chính nghĩa "danh độc lập" không còn, vấn đề không phải là chống thực dân mà là cải-tạo xã hội. Các đảng phái lại không có khả năng về vấn đề này. Vì thế dân chúng đâm ra mất tin tưởng nơi các đảng phái. Do đó họ chỉ còn niềm tin nơi tôn giáo, và như vậy rất dễ nghe lời các vị lãnh đạo tinh thần.

Vì không được dân tin tưởng, và không đại diện cho một "lớp người kinh tế" nào nên tài chánh của chính đảng thường eo hẹp và thường chỉ dựa vào các tài nguyên chính sau:

- "Nguyệt liễm hay niên liễm do đảng viên.
- Sự ủng hộ của mạnh thường quân, cảm tình viên giàu có.
- Nhờ sự ủng hộ của các đảng anh em ở ngoại quốc
- Nhờ vào sự trợ giúp của chính quyền trong nước hay ngoại quốc.(1)

Trong thực tế rất khó mà trông đợi sự đóng góp của đảng viên vì đa số đều nghèo. Các giới tài phiệt Việt-Nam chưa quen ủng hộ các chính đảng chưa cầm quyền để có thể hoạt động doanh thương dễ dàng. Còn nhờ ở các chính đảng ngoại quốc chắc cũng không được bao nhiêu, sự giúp đỡ nếu có chỉ sự giúp đỡ tượng trưng mà thôi. Về sự giúp đỡ của chính quyền Việt-Nam và ngoại quốc chắc chắn là có, nhưng khó có thể biết sự giúp đỡ đó đến mức nào, và lại nếu nhận sự tài trợ của chính quyền dù Việt-Nam hay ngoại quốc thì chính đảng dễ bị tai tiếng và uy tín có thể bị sút giảm nhiều.

Khả năng tài chánh yếu kém đã khiến các chính đảng không thể nào hoạt động hữu hiệu được, nhất là về các việc: thông tin, tuyên truyền, huấn luyện, vận động tranh cử v.v...

(1) Tạ-văn-Tài : Op. Cit - trang 32

Một khi các chính đảng, những đoàn thể chính trị chuyên nghiệp yếu kém, không có thực lực thì sinh hoạt chính trường sẽ do các lực lượng khác không "quen thuộc" với chính trị thao túng. Và như vậy hỗn loạn rất dễ xảy ra.

3. Tình trạng thiếu khả năng của các lãnh-tu.

Tình trạng chung của các quốc gia chậm tiến, cựu thuộc địa là sự thiếu thốn những nhà lãnh đạo có thực tài. Điều này có thể hiểu do chính sách của thực dân muốn duy trì ách đô hộ nên ngăn chặn việc đào tạo những tầng lớp lãnh đạo có ý thức, có khả năng chính trị. Việt-Nam cũng ở trong tình trạng đó, nhất là lại dưới ách thống trị của thực dân Pháp. Ông Tùng-Phong chia làm hai kiểu mẫu thực dân :

- Anh : Người Anh khi chiếm một quốc gia làm thuộc địa, họ chia làm hai loại lãnh thổ. Nếu nơi nào dùng để di dân, họ dồn dân bản xứ vào một chỗ để rồi tiêu diệt. Còn nơi nào chỉ để khai thác, rút kinh nghiệm thất bại ở Hoa-Kỳ, nên họ đặt một chính sách khai hóa dân tộc bị trị theo một chương-trình dài hạn. Vì đoán trước ngày ra đi, nên họ đào tạo một lớp người tương đối có khả năng lãnh đạo để lấy cảm tình dân bản xứ mai sau.

- Pháp, Bỉ, Hòa-Lan : Không nghĩ đến ngày rút lui, nên không tạo người thay thế họ. Đến khi thuộc địa giành được độc lập thường trải qua những xáo trộn mãnh liệt chỉ vì thiếu người có khả năng thay thế họ điều khiển guồng máy quốc-gia.(1).

Trong chính sách cai trị thuộc địa Việt-Nam, người Pháp tìm cách ly gián, tạo nghi kỵ giữa các tầng lớp dân-chúng : trí thức và bình dân - thành thị và thôn quê v.v... Dần giã các bậc lãnh đạo (thường ở trong hàng ngũ trí thức) do chính sách ly gián trên bị xa rời dân chúng. Do đó những kêu gọi hưởng ứng "Cách mạng", tự-do dân chủ" của lớp người này không được dân chúng chú ý.

Ngoài sự ly gián, người Pháp còn tìm cách tiêu diệt những "lãnh tu" có thực tài và có lòng ái quốc. Họ chỉ để lại một số ít những kẻ không quan trọng về tài năng, cũng như đức độ. Người Pháp còn dành độc quyền sinh hoạt chính-

(1) Tùng Phong : Op. Cit - trang 79, 80, 81

trị cho những người được họ cho là "tiến bộ" đầy đầu óc vong bản : du học tại Pháp, Quốc-tịch Pháp, đôi khi lấy vợ đầm... Đó là chưa kể đến loại trí thức trùn chần.

Đến thời Ngô-dình-Diệm, chính sách "e-dè", khắt khe với đảng phái, lãnh tụ đối lập (dù có một số lớn bất xứng) cũng khiến quốc-gia không phát triển thêm được nhiều trong việc đào luyện lãnh tụ.

Không có lãnh tụ thực tài, thì không thể nào có nhiều cán bộ được mà không có cán bộ thì không thể nào hoạt-động chính trị hữu hiệu.

Tầng lớp trí thức trùn chần, chạy theo ngoại bang, thiếu khả năng nên không thu phục được nhân tâm. Do đó bất cứ việc gì họ khởi xướng, dân chúng đều thờ ơ. Gặp sự thờ ơ của dân chúng, các lãnh tụ càng "cuồng quýt" và các phe nhóm ngoài chính-quyền tìm cách lợi dụng để tranh đoạt quyền lãnh đạo : hỗn loạn xảy ra...

Ở bất cứ quốc-gia nào, giai cấp đóng góp tích cực vào các công cuộc cách mạng, lãnh đạo quốc-gia thường là giai cấp trung lưu (theo Cộng-sản gọi là : "Tiểu Tư-sản"). Ở Việt-Nam tầng lớp này bị phân hóa tột độ. Người ta có thể phân chia làm ba hạng trí thức trung lưu, kể từ thời Pháp thuộc tới ngày nay :

- hạng ý thức trách nhiệm đối với quốc gia, đã nhiều lần tranh đấu dành độc lập như : phong trào Đông-Kinh Nghĩa-thục... nhưng hầu hết bị thất bại, đàn áp.
- hạng thứ hai là những trí thức bị quyền rũ bởi chủ thuyết Cộng-sản.
- Hạng sau cùng có một thái độ hưởng thụ cầu an, xa rời quần chúng...

Phân hóa như vậy, làm sao giới trí thức trung lưu có thể phục vụ hữu hiệu tổ quốc, đồng bào cho được. Giáo-sư Vương-văn-Bắc cho rằng : "Sự thất bại của giới trí thức xét cho cùng chỉ là sự phản ảnh vằng bóng một tầng lớp trung lưu đông đảo và có ý thức chính trị trong xã hội Việt-Nam. Không chịu nhận sự lựa chọn và hy sinh cần thiết, không chịu biến đổi để thích ứng với thời cuộc, giới trí-thức Việt-Nam trong những năm đã bị lịch sử tràn ngập hơn

là kiến tạo lịch-sử.(1)

"Bi lịch sử tràn ngập", dầu muốn dầu không giới trung lưu trí thức Việt-Nam phải chịu phần nào trách nhiệm về các cuộc khủng hoảng trong giai đoạn vừa qua.

Sau khi xét qua từng điểm chính yếu của nguyên nhân trực tiếp, nguyên nhân sâu xa gây ra khủng hoảng chính-quyền, chúng ta có thể quy tóm vào các nguyên nhân :

- Sự khiếm khuyết lãnh tụ cố uy tín, khả năng thu phục một khối quần chúng lớn.
- Sự vắng bóng của những "chiêu bài" lôi cuốn hướng dẫn quần chúng.
- Không có tổ-chức đủ mạnh để kiểm soát chánh trường.

B. HẬU QUẢ CỦA THỜI KỶ KHỦNG HOẢNG CHÍNH QUYỀN

Mọi biến cố chánh-trị xảy ra dù to hay nhỏ đều gây ra những hậu quả quan trọng hay nhẹ nhàng, tốt hay xấu cho quốc gia dân tộc. "Thời kỳ khủng hoảng chính quyền" cũng vậy, đã gây ra biết bao hậu quả cho đất nước trên mọi mặt: chính-trị, kinh-tế, xã hội, văn hóa v.v... Nhưng ở đây, chúng ta vì khuôn khổ hạn hẹp của "tập luận văn" sẽ chỉ đề cập tới các hậu quả chính trị mà thôi. Về phương diện chính trị, "khủng hoảng chính-quyền" đại loại đã gây ra các hậu quả sau đây :

- . Sinh hoạt chính trị bất ổn của quốc-gia
- . Uy quyền quốc gia bị suy giảm
- . Cộng-sản gia tăng mức độ chiến tranh, phá hoại
- . Sự phá sản tinh thần và niềm tin của dân chúng.

I. SINH-HOẠT CHÍNH-TRỊ QUỐC-GIA BẤT ỔN

Trong vòng 4 năm (11/63 - 10/67), Việt-Nam Cộng-Hòa đã có đến 5 chánh-phủ và các cuộc cải tổ liên tiếp :

- Chánh-phủ Nguyễn-ngọc-Thơ
- Chánh phủ Nguyễn-Khánh
- Chánh phủ Trần-văn-Hương
- Chánh phủ Phan-huy-Quát
- Chánh phủ Nguyễn-cao-Kỳ

(1) Vương-văn-Bắc : "Lịch-sử chính-trị Việt-Nam hiện đại, giảng khoa. (Saigon: HVQGHC - 1968)

Đó là chưa kể đến các hội-đồng lãnh-đạo về phía quân-đội cũng như về phía dân sự. "Hội-đồng Quân-nhân Cách-Mạng" - "Hội-đồng Quân-đội Cách-mạng" - "Hội-đồng quốc-gia lập Pháp" - "Thượng Hội Đồng Quốc-gia" v.v... Và một lô những hiến-ước, hiến chương...

... Tình trạng thay đổi như vậy, làm sao quốc gia có thể có một chánh sách liên tục?... Thêm vào đó những tranh chấp quyền lợi, bề phải đã tạo những rối loạn liên tiếp cho đời sống thường nhật của quốc gia! Các chánh phủ lại không đủ khả năng, uy tín để đứng ngoài, và nếu cần dẹp tan rối loạn, ổn định tình hình. Các chánh phủ này trái lại đã để cuốn theo cơn rối loạn bằng những hành động vụng về, thiếu lịch v.v... Tình trạng thay đổi chính phủ liên tiếp khiến Quốc-gia không thể có những kế hoạch dài hạn, mà chỉ có các chương trình ngắn hạn 3 tháng, hay cùng lắm là 6 tháng, không "đủ" để tạo nền móng vững chắc từ đó thành lập các cơ chế dân chủ. Các chánh khách nhận lãnh trọng trách điều khiển quốc gia: như Tổng-Trưởng, Tỉnh-Trưởng v.v... nhìn thấy viễn ảnh của sự ra đi không biết lúc nào, do đó không nhiệt tâm phục vụ. Mà dù có nhiệt tâm phục vụ, công trình cũng sẽ bị thay đổi khi người khác lên thay. Ở các "cấp dưới", các nhân viên sẽ bị "đổ" theo "đàn anh" cũng tìm cách "hưởng lợi" tối đa cho bỏ những ngày thất sủng về sau.

Hậu quả trầm trọng nhất của sinh hoạt chính trị bất ổn là sự gián đoạn trong công cuộc lãnh đạo quốc-gia. Ở hoàn cảnh bình thường, sự chuyển nhượng quyền lãnh đạo quốc gia xảy ra êm thấm, đúng hạn định, thí dụ: do bầu cử, cử nhiệm v.v... Do đó, sự lãnh đạo quốc gia sẽ được liên tục, các bí mật, nghệ thuật lãnh đạo sẽ nguyên vẹn và thừa phong phú từ thời này qua thời khác. Một bằng chứng hiển nhiên là nhờ sự "liên tục quốc gia" mà nước Hoa-Kỳ, Anh-Quốc v.v... có một nền chánh trị ổn định và tiến bộ như ngày nay: bất cứ vị Thủ-Tướng Anh-Quốc nào, vị Tổng-Thống Hoa-Kỳ nào nhậm chức đều nhận được hằng 400 năm kinh-nghiệm (đối với Anh) và 200 năm kinh nghiệm (đối với Mỹ). Đó là một di sản quý báu không gì thay thế được, và di sản này tạo cho quốc gia một sức mạnh phi thường. "Với các hậu thuẫn đó họ có thể hiểu biết và giải quyết những việc ngoài khả năng của con người dù tài ba đến đâu cũng không thể làm được nếu thiếu

hậu thuẫn của dĩ vãng!(1)

Ngược lại, tại Việt-Nam Cộng-Hòa, từ 1963 "khủng hoảng chính quyền" đã khiến một số người ít nhiều kinh nghiệm không thể truyền thụ lại cho người đi sau. Các chánh-phủ luôn phải bắt đầu lại bằng số không, dò dẫm, tìm hiểu, đến khi hơi quen việc lại phải "ra đi". Vì thế quả thật không ngoa khi một người đã nói đại ý lúc nào chúng ta cứ chỉ có những chính phủ tập sự.

Tình trạng bất ổn chính trị sẽ còn mãi nếu các chánh quyền thiếu hậu thuẫn của dân chúng, thiếu thiên chí khả-năng, không nắm vững tình hình. Và các người lãnh trọng trách không soạn trước chương trình và người cộng tác. Thật là buồn cười khi có những người không ngờ, không biết trước sẽ được mời làm Thủ-Tướng, Tổng-Trưởng. Đến khi được "cấp tốc" giao trọng trách hội đồng quyết tìm người cộng sự, chuẩn bị chương trình... Như vậy làm sao điều hành hữu hiệu guồng máy quốc gia cho được (?) !! Và làm sao sinh hoạt chính trị quốc gia không bất ổn !!!

II. UY QUYỀN QUỐC GIA BỊ SUY GIẢM.

Sinh hoạt chính trị bất ổn, các chánh quyền liên tiếp "chết yếu", đương nhiên uy quyền quốc gia sẽ bị giảm sút. Ta chỉ cần nêu ra đây vài sự kiện điển hình để chứng tỏ cho điều này :

- Các sinh-viên đòi thanh trừng thầy giáo: ngày 12-11-1963 Ủy-Ban chỉ đạo sinh-viên liên Khoa, đòi thanh trừng hàng ngũ giáo chức, tiếp theo là hàng loạt vụ đập phá trường ốc, đánh đập giáo sư (trung học) và các sinh-viên, học sinh phản cách mạng.

- Các đoàn thể, tôn giáo thi nhau "dọa" thành lập lực-lượng tự vệ riêng : "Tổng Hội Sinh-viên Saigon 20-4-64, Công-giáo, Phật-giáo..."

- Hội Đồng Nhân-dân Cứu Quốc ở miền Trung tạo thành "Quốc-gia trong quốc gia"...

Trên đây là về nội bộ, còn đối với bên ngoài, uy quyền quốc-gia cũng sút giảm rõ rệt :

(1) Tung Phong : "Chính đê Việt-Nam".(đã dẫn)

- Từ 1-1-1964 đến 8-9-64 Cao-Miên đã xâm phạm lãnh thổ Việt-Nam 134 lần (tiết lộ của Tướng Nguyễn-Đức-Thắng).

- Về phía Hoa-Kỳ, như đã nói, họ đã can thiệp rất nhiều vào nội bộ Việt-Nam. Sau đây là vài tiêu biểu :

. Muốn tăng quân số, muốn mở hội nghị chỉ cần đánh điện cho hay trong khoảng thời gian rất ngắn: Hội-nội Honolulu, Guam, các đợt gia tăng quân số năm 1965, 1966, 1967.

. Tổng-Thống Johnson đường đột ghé Cam-Ranh, chính-phủ Việt-Nam không hề hay biết.

. Trong thời gian có nhiều cuộc vận động Hòa-Bình cho Việt-Nam, ít thấy thế giới đề cập đến chính-phủ Việt-Nam Cộng-Hòa. Người ta vô tình hay cố ý xem Hoa-Kỳ là vai trò chính yếu. Ngay cả Hà-Nội cũng nhất định không chịu nói chuyện với chính phủ Việt-Nam Cộng-Hòa, dù sau ngày bầu cử 3-9-1967 Việt-Nam Cộng-Hòa đã có chính phủ hợp pháp.

Sự can thiệp của Hoa-Kỳ, vì uy thế quá lớn của tòa Đại-sứ Hoa-Kỳ mà một số chính khách Việt-Nam luôn cố tình thân cầu cạnh, nhờ vả Hoa-Kỳ qua sự trung gian của Ông Đại-sứ. Mỗi lần quyết định một vấn đề gì các "chính khách" Việt Nam đều trông chừng và dựa theo thái độ của Hoa-Kỳ. Thắc chần trong tương lai, nếu chúng ta còn thái độ này, chúng ta sẽ còn bị khốn khổ và phải chấp nhận bất cứ giải pháp nào do ngoại quốc đặt cho ta.

Mặt khác, nhiều nhà hữu quyền Việt-Nam lại dùng "Chủ quyền Quốc-gia" để làm những việc không hợp lý : cho chỗ tham nhũng v.v...; Hoặc cho đó là một chứng tỏ bề ngoài của sự "hợp thời trang của kẻ ưu thời mẫn thế" v.v...

Cổ nhân thường nói "Tiên trách kỷ, hậu trách nhân", tưởng câu nói này cũng đáng suy gẫm trong trạng huống này. Chúng ta công nhận sự can thiệp của ngoại quốc làm suy giảm chủ quyền của ta. Nhưng nếu chúng ta vững vàng, kiên quyết, thì ảnh hưởng sự can thiệp này sẽ giảm thiểu rất nhiều. Trái lại, các giới hữu trách, ngay cả dân chúng Việt-Nam thường có khuynh hướng hợp-vọng ngoại, hoặc buông xuôi !!...

III. CÔNG-SẢN GIA TĂNG MỨC ĐỘ CHIẾN-TRANH VÀ PHÁ-HOẠI

Trước tình trạng phân hóa, khủng hoảng Công-sản không bỏ lỡ cơ hội gia tăng nỗ lực chiến tranh và phá hoại khắp nơi. Quân-đội quốc gia vì tình trạng phân hóa tột độ đã luôn bị động và không còn đủ hiệu năng để tiêu diệt Công-sản. Mỗi Vùng, mỗi Binh-đoàn có một quan niệm hành quân riêng biệt khiến sự phối hợp rất khó khăn... Nhiều khi người ta có cảm tưởng miền Nam mất vào tay Công-sản đến nơi... Cũng vì tình cảnh này mà hàng nửa triệu quân-đội Hoa-Kỳ và Đồng-minh đã trực tiếp tham chiến tại Việt-Nam. Sự hiện diện quân đội ngoại quốc tại Việt-Nam nếu giúp chúng ta bảo vệ được lãnh thổ, đồng thời cũng gây biết bao khó khăn về xã hội cho chúng ta.

Chiến-tranh leo thang và lan rộng đến cả miền Bắc bằng những cuộc oanh-tạc dữ dội (sau ngày chiến hạm Maddox bị tấn công). Xáo trộn đã giúp Công-sản cơ hội phá hoại, tấn công mạnh, khiến Hoa-Kỳ và Đồng-minh đem quân vào Việt-Nam và quân-đội quốc gia phải gia tăng quân số, nhưng chính điều này cũng giúp cho Công-sản có cớ để hô hào "chống Mỹ cứu nước" và ồ-ạt đem quân Bắc Việt công khai xâm nhập miền Nam. Đang từ thế "đu kích", cuộc chiến biến dạng thành "Trận địa chiến" và hàng loạt những cuộc pháo kích, phá-hoại quy mô : trận Mậu Thân, pháo vào phi trường Đà Nẵng, Biên-Hòa v.v...

Chiến tranh leo thang càng tạo nhiều bất công, thối nát. Có những kẻ giàu có nhờ chiến tranh, đồng thời đa số dân chúng thì khổ sở vì chiến tranh : đời sống đắt đỏ vì "kinh tế" bị tàn phá - dân quê phải di cư lánh nạn, v.v... Chiến-tranh cũng khiến miền Nam phải hoàn toàn lệ thuộc vào viện trợ kinh-tế của Hoa-Kỳ: từ gạo cho đến các vật-dụng v.v... Và mức độ chiến tranh khốc liệt kéo dài mãi đến tận ngày hôm nay !!

Ta thử hỏi, tại sao dưới thời Ngô-đình-Diệm mức độ chiến tranh tương đối nhẹ, mà bây giờ thì lại "dữ dội" ! Có thể cho rằng vì Công-sản chưa "chuẩn bị" xong, vì Nga-Mỹ-Trung Cộng chưa muốn v.v... Nhưng ta cũng có thể cho rằng vì lúc đó tình hình chính trị tương đối ổn định, Công-sản Bắc-Việt ngoài chiến tranh du kích phổ phát động được chiến-tranh quy-mô như ngày nay. Hơn nữa sự can thiệp của người

Mỹ chưa rõ rệt, Cộng-sản thiếu "cố" đối với dư luận trong nước, cũng như ngoài nước, v.v... Nhưng dù sao cục diện chiến tranh trong trường hợp ổn định chắc chắn vẫn sáng sủa hơn trong tình trạng khủng hoảng như giai đoạn vừa qua, bởi "Hậu phương ổn, tiền tuyến mới vững vàng".

IV. SỰ PHÁ SẢN TINH THẦN VÀ NIỀM TIN CỦA DÂN CHÚNG

Tình-trạng khủng hoảng liên tiếp xảy ra khiến đời sống dân chúng trở nên cơ cực, nạn tham nhũng, thối nát được dịp hoành hành. Mọi công cuộc cách mạng xã hội đều không thực hiện được. Giai cấp lãnh đạo chỉ còn biết chạy áp phe, bám vào chính quyền để tìm cơ hội làm giàu nhanh chóng. Mọi người cầm quyền đều mong mỏi thực hiện câu "Được làm vua, thua làm Đại-sứ"...

Trước tình trạng đó người ta chỉ biết chia rẽ, nghi kỵ ganh ghét và trù dập lẫn nhau. Dân chúng hoang mang không biết tin tưởng vào đâu, đảng phái thì yếu ớt, lãnh tụ thì như đã nói ở trên !!... Do đó dân chúng chỉ còn biết đặt tin tưởng vào nơi tôn giáo. Nhưng tôn giáo khi làm chánh trị, vì không chuyên nghiệp và "rộng lớn", nên dễ gặp nhiều tai hại. Giáo-sư Lý-chánh-Trung cho rằng : "Vì không thể có chính sách chung, vì không thể thật sự nắm chính quyền, các đoàn thể tôn giáo chỉ có thể có những phản ứng chánh trị mà không có những hoạt-động chánh trị dài hạn..." Mặt khác theo giáo-sư Nguyễn-ngọc-Huy thì sự can thiệp của tôn giáo trong đời sống chánh trị thế nào cũng đưa đến bạo động vì khi tranh đấu, tôn giáo thường đem danh-dự, đạo-pháp vào các hoạt-động. Sự kiện này cũng là một trong những nguyên nhân gây khủng hoảng chính quyền.

Niềm tin của dân chúng sẽ chỉ dần dà lấy lại được khi nào tình trạng khủng hoảng chấm dứt, trật tự tái lập và có một cuộc "Cách-mạng" xã-hội thật sự !!...

KẾT LUẬN

Nhìn lại con đường lịch-sử mà Việt-Nam Cộng-Hòa đã đi qua trong giai đoạn từ 1963 - 1967, chúng ta đã lược xét biến cố 1-11-1963 qua các khía cạnh nguyên nhân, diễn tiến và thực chất của biến cố này; chúng ta cũng đã điếm lại những khủng hoảng chính quyền sau ngày "Cách-mạng" với nguyên nhân và hậu quả của nó, chúng ta đã đề cập đến thời kỳ chuyển tiếp với diễn tiến hình thành bản Hiến-Pháp 1-4-1967. Đề nghị và ấn soạn một diễn trình như vậy, chúng tôi không có tham vọng trình bày rõ ràng tất cả vấn đề như những nhà viết sử. Chúng tôi chỉ muốn dựa vào cái nhìn có thể chủ quan và sai lầm của mình hầu đưa ra những nhận định, những ý kiến đầu không toàn diện nhưng cũng nói lên được quan điểm của riêng mình.

Với chiều hướng đó, chúng tôi cần nói đến ở đoạn kết này, một vài nguyên tắc cần phải có để quốc gia có thể tiến-triển trong công cuộc kiến tạo độc lập, xây dựng dân chủ, một nguyện vọng thiết tha và chính đáng của bất kỳ người Việt-Nam nào :

* Trước khi bàn đến xây dựng tự do, kiến tạo dân chủ v.v.. chúng ta cần phải có một điều kiện thiết yếu "độc lập và sức mạnh"

Trong tình trạng hiện thời của Việt-Nam, chúng ta phải cố gắng tự lực tự cường và phải đặt trọng tâm vào công cuộc: "Bại phong - Đả thực - Diệt cộng". Vì còn phong kiến sẽ không thể có dân chủ, còn thực dân ắt còn Cộng-sản và còn Cộng-sản thì tự-do phải mất.

* Khi "Bãi Phong - Đà Thục - Diệt Cộng" đã xong chúng ta mới xúc tiến công việc xây dựng dân chủ một cách tốt đẹp được.

Các nguyên tắc sau đây cần phải được chú trọng :

1. Việc đầu tiên chúng tôi cảm thấy cần thiết cho Quốc-gia là kiến tạo một lực-lượng chánh đảng và đối lập thực sự có sức mạnh, có khả năng.

Chánh đảng sẽ giúp quốc gia trong việc giáo dục chính trị quần chúng và sẽ là nhịp cầu nối liền người dân với chính quyền. Còn đối lập sẽ đóng vai trò hạn chế kiểm soát chính quyền một khi chính quyền quá trớn hoặc xa dân. Nhờ đối lập chính quyền mới hiểu phản ứng của dân đối với mình mà có thái độ thích ứng.

Hiện thời Hiến-Pháp chúng ta đã có một quy chế chính đảng, nhưng nguyên tắc và giấy tờ chưa đầy đủ ! Vấn đề quan trọng là làm sao để chính đảng và đối lập có sức mạnh thực sự. Muốn vậy các đảng phái và ngay cả chính quyền phải có một chương trình hoạt động, một lý thuyết dẫn đạo để lôi cuốn quần chúng tham gia vào các sinh-hoạt chính-trị, nhất là phải làm sao cho người dân tin tưởng vào khả năng và lòng yêu nước của các đảng phái, lực lượng đối lập.

2. Tự-do báo chí. Hiến-Pháp công nhận quyền tự do báo-chí, chúng ta cũng đã có một quy chế báo chí, nhưng thật ra để tự quyền vẫn chưa được hiểu một cách đúng đắn tại Việt-Nam. Với lý do chiến tranh, chánh quyền thường e sợ báo chí nên có khuynh hướng lạm dụng tình trạng nguy ngập của đất nước để hạn chế quyền tự do ngôn luận. Ngược lại về phía báo chí cũng có những cái nhìn lệch lạc và chưa ý-thức được trách nhiệm của mình trong vai trò giúp dân chúng hiểu rõ chính sách quốc gia, phê phán việc làm của chánh phủ, đồng thời giúp chánh phủ hiểu nguyện vọng của dân.

3. Công bằng và trong sạch xã-hội : không thể quan niệm dân chủ trong một tình trạng xã hội bất công, nghèo đói và thối nát. Muốn toàn dân tích cực tham gia vào công cuộc phát triển nền dân chủ quốc gia, chúng ta cần có một chính sách công bằng xã-hội, san bằng chênh lệch, bất công quá đáng, và nhất là nạn tham nhũng đang hoành hành

phải được chặn đứng. Không ai có thể viện bất cứ lý do nào, ngay cả lý do chiến tranh để dung dưỡng tệ trạng trên, và không gì mĩa mai cho bằng việc "đưa lá phiếu cho người đang đói rét"! Tình trạng xã-hội phải được cải thiện, nếu không đừng nói chi đến việc xây dựng dân chủ, mà ngay nguy cơ mất nước về tay Cộng-sản cũng khó mà tránh được!!...

4. Tách tôn-giáo ra khỏi việc lãnh đạo quốc-gia cũng là một điều quan trọng. Quá khứ đã từng chứng minh phần nào những xáo trộn sau ngày 1-11-1963 là do sự lẫn lộn giữa tôn-giáo và chánh-trị. Chúng ta không phủ nhận tự do tín ngưỡng, nhưng chúng ta cũng không thể chấp nhận cho tôn giáo làm những công việc chánh-trị thế tục như tranh dành quyền-hành để lôi cuốn tín đồ vào những tranh chấp, chia rẽ rất nguy hại cho tiềm lực và sự đoàn kết quốc gia.
5. Cuối cùng chúng ta không thể xây dựng quốc-gia, kiến tạo dân chủ nếu quốc-gia không có uy-quyền. Uy quyền ở đây phải được hiểu là ở trong nước cũng như ngoài nước. Ở bất cứ hoạt-động nào dù trong cương vị quốc gia hay đoàn thể, kỷ luật và uy quyền không được tôn trọng sẽ gây khủng-hoảng, tan nát (!), nhất là ở tình trạng chiến-tranh, chậm tiến.

Chủ quyền quốc-gia Việt-Nam bấy lâu nay suy giảm nhiều, dường như dân chúng bởi mặc cảm "chủ quyền nước nhà do ngoại quốc nắm giữ" đã sinh ra chán-nản, tiêu cực trong mọi công việc. Chúng ta không phủ nhận sự cần thiết phải nhờ trợ giúp của Đồng Minh, nhưng cũng đừng quên rằng "người Việt-Nam chúng ta" sẽ nhận lãnh mọi "hậu quả" do các biến chuyển xảy ra trên đất nước này, chứ không phải người ngoại quốc nào. Vì thế chúng ta phải một mặt tranh đấu quyết liệt để Đồng Minh tôn trọng chủ quyền của ta, mặt khác ta phải cố gắng tự lực tự cường để chống tới độc lập về kinh-tế, quân sự... Có như thế chúng ta mới hy vọng sự đóng góp tích cực của toàn dân vào công cuộc xây dựng quốc-gia.

Trước khi chấm dứt đoạn KẾT LUẬN, chúng tôi xin trình bày tóm lược Nhận Định Tổng Quát về những biến-cố chính-trị từ 1963 - 1967 tại Việt-Nam Cộng-Hòa như sau :

- ★ CHẾ-ĐỘ NGŨ-ĐÌNH-DIỆM THẤT BẠI VÌ CHỦ TRƯỞNG "CÁI-CÁCH ÔN-HÒA", MỆNH DANH LÀ CÁCH-MẠNG QUỐC-GIA.
- ★ ANH EM TỔNG-THỐNG NGŨ-ĐÌNH-DIỆM CHẾT THÂM VÌ ĐÃ ĐỂ MẤT THỜI CƠ, KHIẾN "THỜI CƠ" HẠI MÌNH.
- ★ TÌNH-TRẠNG THAM-NHŨNG, THỐI NÁT HIỆN NAY LÀ HÌNH THỨC SINH TỒN CỦA PHONG - THỰC - CỘNG.
- ★ MUỐN CÁI-TẠO XÃ-HỘI, XÂY-DỰNG DÂN-CHỦ, VĂN HỜI HÒA BÌNH, MANG LẠI TỰ-DO, CƠM ÁO CHO TOÀN DÂN, PHƯƠNG CÁCH DUY NHẤT LÀ : TẬN DIỆT PHONG KIẾN - THỰC DÂN - CỘNG SẢN VÀ ĐỒNG THỜI PHẢI LÂM CUỘC "CÁCH-MẠNG XÃ-HỘI" THỰC SỰ THEO ĐÚNG NGHĨA CỦA TỬ NGŨ "CÁCH-MẠNG".
- ★ CÒN PHONG - THỰC - CỘNG, CHÚNG TA KHÔNG CÒN GÌ CẢ.

★ ★

★

Chúng tôi kết thúc luận-văn trong niềm tin-tưởng mãnh-liệt nơi TRUYỀN-THỐNG BẤT-KHUẤT CỦA DÂN-TỘC và HY-VỌNG một TƯƠNG-LAI AN BÌNH, TỐT ĐẸP CHO TỔ-QUỐC THÂN YÊU.

T H U - T I C H

A.- SÁCH

- Bain, Chester A. Nguồn gốc chiến-tranh Việt-Nam
Nguyễn Quang, dg. Saigon, 1968.
- Huỳnh-Văn-Cao .Lòng ái quốc. Saigon 1970.
- Trương-Tiến-Đạt Hiến-Pháp chủ thích. Saigon, 1967.
- Nghiêm-Xuân-Hồng Cách-mạng và Hành-động
Saigon: Quan Điểm, 1963
- Tống-Ngọc-Hùng Việt-Nam và các vấn đề
Saigon: Khởi hành, 1968.
- Lê-Tử-Hùng Bốn Tướng Dalat
Saigon: Đồng Nai, 1971.
- Lê-Tử-Hùng Những bí mật cuộc Cách-Mạng 1-11-63.
Saigon: Đồng Nai, 1971.
- Hoàng-Văn-Lạc Một giải pháp cho vấn đề Việt-Nam
Saigon, 1970.
- Vũ-Tài-Lục Thủ đoạn chính trị
Saigon: Việt chiến, 1970.
- Lương-Khải-Minh và Cao-Vi-Hoàng Làm thế nào để giết một Tổng-Thống
Saigon: Đinh-minh-Ngọc, 1970.
- The New York Times and The Washington Post Người Mỹ làm thế nào để giết Tổng-Thống Việt-Nam
Lan Vi, Hồng Hà và Dương Hùng, dg
Saigon: Song Chi, 1971.
- Tùng-Phong Chính Đền Việt-Nam
Saigon: Đồng-Nai, 1965.
- Đoàn-Thêm Việc từng ngày 1965.
Saigon: Tiên-Bộ, 1968.
- Đoàn-Thêm Việc từng ngày 1966
Saigon: Tiên Bộ, 1968.
- -nt- Việc từng ngày 1967
Saigon: Tiên Bộ, 1968.
- Đỗ-Thọ Nhật ký Đỗ-Thọ - Saigon: Đồng Nai, 71.
- West, Morris Ông Đại-sứ. Chu Việt dg. Saigon :
Trình Bày, 1969.

B.- GIẢNG KHOA

- Vương-Văn-Bắc Định-chế chính-trị. Saigon: HVQHC,
1968.

- Nguyễn-Văn-Bông Luật Hiến-Pháp. Saigon: HVQGHC, 1970
- Lê-Đình-Chân Luật Hiến-Pháp. Saigon : Đại Học
Luật Khoa, 1969
- Lê-Đình-Chân Hiến Pháp đệ II Cộng-Hòa. Saigon:
Đại Học Luật Khoa, 1970.
- Mai-Kim-Đỉnh Lịch-sử Chính-trị Việt-Nam. Dalat:
Trường Chính-trị Kinh-doanh
1970.
- Tạ-Văn-Tài Các vấn đề chính-trị Việt-Nam.
Saigon: HVQGHC, 1971.
- Nguyễn-Văn-Tương Các vấn đề chính-trị Việt-Nam
Saigon: HVQGHC, 1969.

C.- NHẬT BÁO

- Cập Tiến
- Chính-Luận
- Công-Nhân
- Công-Luận
- Đuốc Nhà Nam
- Hòa-Bình
- Sống
- Sống Thần
-

D.- TẬP SAN

- Cao Đẳng Quốc Phòng
- Cập Tiến
- Đời
- Nghiên Cứu Hành-Chánh
- Quê Hương.

E.- LUẬN VĂN

- Trương-Thoại-Bửu Việt-Nam Hiện tại và tương lai
Saigon: HVQGHC, 1969 (CH₁)
- Đinh-Chí-Hường Chính-sách Hoa-Kỳ tại Việt-Nam
Dalat: Trường Chính-trị Kinh-doanh,
1971.
- Phạm-Ngọc-Phi Phật-giáo và Công-giáo trên chính
trường Việt-Nam - Saigon: HVQGHC, 1972
(CH₆)

2001 - 2000

: 2001 : 100 : 100 : 100 : 100 : 100 :
New York World Telegram : New-York World Telegram : 100 : 100 :
: Tổng Trưởng Phấn Văn : Tổng Trưởng Phấn Văn : 100 : 100 :
: Trần Văn Tấn (Việt-Giáo) : Trần Văn Tấn (Việt-Giáo) : 100 : 100 :
: Trần Văn Tấn (Việt-Giáo) : Trần Văn Tấn (Việt-Giáo) : 100 : 100 :
: Lê Quốc Uyển : Lê Quốc Uyển (Việt-Giáo) : 100 : 100 :
: Tổng Trưởng Văn : Tổng Trưởng Văn (Việt-Giáo) : 100 : 100 :
: Lạc Long Quân Nhân Hệ : Lạc Long Quân Nhân Hệ : 100 : 100 :
: Kiến Quốc : Kiến Quốc : 100 : 100 :
: Văn Văn : Văn Văn : 70 : 11 :
: chức cao là nhỏ : chức cao là nhỏ : 70 : 11 :
: khuyến hướng học vọng : khuyến hướng hoặc vọng : 100 : 100 :
: ngoại : ngoại : 100 : 100 :
: tịch cực : tịch cực : 100 : 100 :